

# diễn đàn

Số 51 / 1.4.1996

ISSN 1164-2378

## F O R U M

Dự thảo báo cáo chính trị đại hội 8 ĐCSVN

### Vậy, mà không phải vậy...

Hải Vân

Từ tháng chạp vừa qua, bản dự thảo báo cáo chính trị của ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam cho đại hội lần thứ 8 đã lưu hành ở các cấp cơ sở của đảng. Nội dung của nó hiện đang được chính quyền cho phổ biến rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Vấn kiện này trước hết nói lên tương quan lực lượng hiện tại trong ban lãnh đạo đảng cầm quyền, và nó xác nhận điều đã lộ rõ từ mùa hè 1995 : những quan điểm mà ông Võ Văn Kiệt nêu lên trong bức thư ngày 9.8 gửi bộ chính trị (xem Diễn Đàn tháng 1.96) là thiếu số trong ban lãnh đạo đảng. Trên bốn vấn đề mà ông phát biểu – cục diện thế giới, kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, năng lực quản lý của nhà nước, tổ chức của đảng – hầu như không một ý kiến nào được chấp thuận và được phản ánh trong văn bản chuẩn bị đại hội.

Điều đó phải chăng có nghĩa rằng cuộc đấu tranh trong nội bộ ban lãnh đạo đảng đã ngã ngũ, và đại hội 8 sẽ đánh dấu sự kiện phá vỡ “ an ninh - tư tưởng ” và những quan điểm “ bảo thủ ” thắng phái “ kinh tế ” và những quan điểm “ cải cách ” ? Chưa hẳn như thế, vì nhiều lý do.

1. Quyền lợi riêng hiện nay của mọi người trong ban lãnh đạo đảng, dù thuộc phe “ bảo thủ ” hay “ cải cách ”, đều gắn một cách thiết thân – thông qua quá trình tư hữu hóa của công và thực tiễn buôn bán quyền lực – với sự hình thành của nền kinh tế thị trường và sự hội nhập của nó vào nền kinh tế thế giới. Tính chất tư tưởng hệ của những cuộc đấu tranh nội bộ, do đó, không phải không có một phần cường điệu hóa nhằm che lấp tranh chấp thực tế về quyền bính.

2. Cơ sở hiện nay của thoả hiệp chính trị không thành văn giữa xã hội dân sự và đảng cầm quyền là quyền tự do làm ăn về kinh tế mà chính quyền đã nhượng bộ cho người dân. Mọi mưu toan nhằm giới hạn hoạt động kinh tế tư doanh, do đó, sẽ không tránh được hậu quả là vấn đề ổn định chính trị bị đặt lại.

(xem tiếp trang 9)



Edward Munch, The Kiss, 1897 (tranh khắc gỗ)

### mục lục

- 2 Sinh hoạt văn hoá, văn nghệ

#### Thời sự, những vấn đề

- 1 Vậy, mà không phải vậy Hải Vân  
4 Tin tức  
10 Đằng sau dự thảo điều lệ Phong Quang

#### Hồ sơ Bảo Định Giang :

- 11 Khi nhà văn xin tiền làm chỉ điểm

#### Hoàng Xuân Hãn, cuộc đời và sự nghiệp

- 14 Các bài của Nguyễn Trọng Nghĩa, Phan Huy Lê, Nguyễn Huệ Chi, Trần Văn Khê, Lê Thành Khôi, Đặng Tiến.

#### Văn hoá, khoa học, nghệ thuật

- 24 Đông và Tây, và ta Bùi Mộng Hùng  
26 Tranh khắc gỗ dân gian Nhật Bản Văn Ngọc  
30 Nếp nhà (truyện ngắn) Nguyễn Khải  
32 Thơ : Lâm Thị Mỹ Dạ, Phương Sinh

## DIỄN ĐÀN FORUM

*Chủ trì:* Hà Dương Tường

*Tổng biên tập:* Trần Hải Hạc

*Ban chủ biên:* Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,  
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường,

*Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:*

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh,  
Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang,  
Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh,  
Nguyễn Thắng, Hàn Thủy, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn,  
Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

## Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ 43 29 60 89

(ouvert tous les jours, sauf le lundi)

programme d'avril 1996

EXPOSITION DE PEINTURE

**Trương Hán Minh & Nguyễn Thị Tâm**

exposition du 2 au 30 avril

vernissage : vendredi 5 avril à 18 h 30

CONFERENCE :

*Esquisses pour un portrait de la culture  
vietnamienne*

par **Hữu Ngọc**, écrivain et journaliste (de passage à Paris  
et qui signera son livre à l'occasion de la sortie de celui-ci  
à Paris)

Samedi 13 avril à 20 h 30

CLUB POÉSIE

**Les rencontres poétiques de Claude MICOSKI**

Poète invité : **Serge BRINDEAU**

Vendredi 12 avril

## Voyages au Vietnam & Indochine

Exemples de prix :

**12 jours Paris-Paris : 10 950 F**

**15 jours Paris-Paris : 11 800 F**

(Tarifs groupes) — Prestations standing : Hôtels 1ère  
catégorie, pension complète, transports aériens (vols  
réguliers), assurances, soirées-spectacles... Contacter :

**Les AMIS du VIETNAM et de l'ASIE,**

Association culturelle loi 1901

Agrément de Tourisme n° AG 075 95 0002

Spécialiste du Vietnam et de l'Indochine

Organisation des congrès, voyages d'études, circuits  
aventure... à la carte

Siège : 2, Square de la Salamandre, 75020 PARIS

Tél : (1) 44 24 08 76

Fax : (1) 45 86 25 05

## sinh hoạt văn hoá văn nghệ sinh hoạt

**Trio Métamorphose**, nhạc phẩm bộ ba *Hoá thân* của  
**Vũ Anh Thường** (Paris), đã được trình tấu hai lần (27.2 và  
4.3.96) tại Blagoevgrad và thủ đô Sofia (Bungari), do ba  
nhạc sĩ nổi tiếng : Anna-Maria Ravnopolska (phượng cầm,  
*harpe*), Georgi Spasov (sáo) và Geoffroy Dean (cello).

*Hoá thân* là bản nhạc thuật (poème symphonique) đầu  
tiên của một tác giả Việt Nam viết cho phượng cầm (*harpe*),  
sáo và cello. Tác phẩm này đã được trình tấu lần đầu tại  
Paris năm 1992.

**Phim Việt Nam tại San Francisco : Xích Lô**,  
tác phẩm điện ảnh của **Trần Anh Hùng** (giải *Sư tử vàng*  
Venise 95) đã được chọn chiếu trong đêm khai mạc Liên  
hoan điện ảnh quốc tế Á-Mỹ tại San Francisco đầu tháng 3.

Tại đây, phim của ba đạo diễn Việt Nam sinh sống tại  
Mỹ đã được trình chiếu lần đầu : *To Ho Chi Minh City  
from Saigon* (Gửi thành phố Hồ Chí Minh, từ Sài Gòn) của  
Trình Nguyên, *Yellow Lotus* (Sen vàng) của Tony Bùi và *A  
Tale of Love* (Một chuyện tình) của Trịnh Thị Minh Hà.  
Theo UPI (21.3), hai phim đầu phần ánh cái nhìn về Việt  
Nam của giới trẻ người Mỹ gốc Việt. *A Tale of Love* là  
chuyển thể Truyện Kiều vào khung cảnh San Francisco ngày  
nay. **Trịnh Thị Minh Hà** đã được giới điện ảnh quốc tế chú  
ý từ mấy năm nay, đặc biệt qua phim *Họ Việt tên Nam*.

**Tranh và tượng Phật giáo** : Từ nay đến ngày  
19.5.1996, các bạn có thể đi xem cuộc triển lãm

## IDOLES DU NEPAL ET DU TIBET

tại **Musée Cernuschi** (đóng cửa ngày thứ hai),

7 Ave Velasquez, Paris 8è (Métro : Villiers).

Triển lãm này do hội *American Federation of Arts* (New York)  
tổ chức với sự hợp tác của *Paris-Musées*, gồm hàng trăm tranh  
và tượng Nepal và Tây Tạng, thuộc bộ sưu tập nổi tiếng của  
ông bà Zimmerman, lần đầu tiên trưng bày ở Paris.

## N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures &  
solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres  
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non  
cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h 30

après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 45 66 93 27

Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

**RABINDRANATH TAGORE**

## Người làm vườn

(*The Gardener LXXXV*)

Bạn là ai, đọc thơ tôi một trăm năm sau ?  
Tôi không gửi cho bạn được dù chỉ một đóa  
hoa thôi của mùa xuân huy hoàng này hay  
một mảy ánh vàng của cụm mây kia.  
Bạn hãy mở cửa và nhìn bên ngoài. Từ trăm  
hoa đua nở trong vườn bạn, bạn hãy đón nhận  
những kỷ niệm ngào ngạt hương thơm của bao hoa  
tàn từ trăm năm trước.

Và trong lòng hân hoan mong bạn cảm thấy  
niềm vui sôi động của một thi nhân đang  
ca ngợi một buổi sáng mùa xuân, gửi tiếng  
ca vui của mình qua suốt một trăm năm.

dịch giả : N. Việt-Tú

*Diễn Đàn cảm ơn bạn N. Việt Tú (Fosses, Pháp) đã gửi cho bản dịch trên đây, kèm theo mấy dòng thư : « Cùng bài thơ mà Diễm Châu đã dịch đăng trên Diễn Đàn số 50, Tagore có viết một bản khác ngắn gọn hơn là bài thứ LXXXV trong tập thơ The Gardener (MacMillan, London, 1931). Nhân dịp, xin nhắc lại : trong cuộc đi thăm viếng các nước Á Châu, Tagore có ghé Saigon năm 1929 và được đón tiếp nồng hậu (xem Tagore, pèlerin de la lumière, Ed. Le Rocher) »*

**En traversant le fleuve** là tựa đề tập truyện ngắn Việt Nam, do **Phan Huy Đường** chọn lọc và biên dịch sang tiếng Pháp (nhà xuất bản Philippe Picquier, tháng 1.1996). Cũng là tựa của một trong những truyện ngắn được giới thiệu : *Sang sông*, của Cung Tích Biền (trong nước). Các tác giả khác : Nguyễn Quang Lập, Trần Thuỳ Mai, Lê Minh Khuê, Phan Thị Vàng Anh (trong nước), Mai Nguyên (Úc), Trần Vũ, Ngọc Khôi (Pháp), Đỗ Kh. và Khánh Trường (Mỹ).

Có cần gì phải nói thêm về công trình dịch thuật và giới thiệu văn học Việt Nam đương đại của họ Phan, đã được nhiều nhà phê bình, xuất bản và tạp chí có trọng lượng tín nhiệm ? Thôi thì làm cái chuyện ngược đời là dịch lại một đoạn giới thiệu tuyển tập của dịch giả : « *Những chủ đề đa dạng, những tiếng nói, văn phong nhiều dị biệt này chứng minh cho những tình huống rất khác nhau, những con đường toả ra nhiều hướng đi tìm một miền quên lãng không thể tới. Dù cho muốn tạo ra khoảng cách với quá khứ không tương lai bằng tiếng cười đau đớn, dù cho muốn đánh mất mình trong sự say đắm xác thịt, trong ám ảnh điên loạn (...) đều không lối thoát. Nhưng dù sao phải viết, và họ đã viết (...) những lời le lói như những đốm than còn sót lại của một bếp lửa đã cháy tự ngàn đời và không hề muốn tắt ».*

Chúng tôi đã vừa nhận được :

### **hoa thơm cỏ lạ**

tập truyện ngắn do Nguyễn Thị Chân Quỳnh tuyển chọn và dịch từ tiếng Anh, Nhà xuất bản An Tiêm, 1995.

Xin thành thực cảm ơn dịch giả và trân trọng giới thiệu với bạn đọc Diễn Đàn.

## Giá biểu quảng cáo và rao vặt

**Rao vặt** : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

**Quảng cáo** :  
1/8 trang : 180 F  
1/4 trang : 300 F  
1/2 trang : 550 F  
1 trang : 1000 F

(*giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %*)

**Đăng liên tiếp nhiều số báo**

lần thứ hai : bớt 10 %  
từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

**Chứng từ đăng tải** : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

## Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo ( Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ :  
DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở **Bắc Mỹ** (Hoa Kỳ & Canada) xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, sec đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)  
TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....

Địa chỉ.....

.....

.....

# Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

## Quốc hội và ngân sách

Kỳ họp vừa qua của quốc hội (2 đến 19.3.1996) đã dành nhiều thời giờ để bàn về ngân sách là vấn đề gay gắt nhất hiện nay của nhà nước. Ủy ban kinh tế và ngân sách của quốc hội đánh giá tình hình ngân sách năm 1995 là “*thiếu lành mạnh*”: thu không đạt kế hoạch và hụt khá lớn; tốc độ tăng chi nhanh hơn tốc độ tăng thu; chi thường xuyên vượt dự toán trong khi chi đầu tư phát triển giảm nghiêm trọng; thiếu hụt ngân sách cao hơn mức quốc hội cho phép và nợ trong nước và nước ngoài của nhà nước quá lớn.

Báo cáo của chính phủ cho biết: mức bội chi ngân sách 1995 lên tới 4,3 % của tổng sản phẩm quốc nội (vượt 25 % mức cho phép); thu chỉ đạt 91 % kế hoạch; chi đầu tư phát triển chỉ thực hiện 67 % kế hoạch. Thiếu hụt ngân sách được ước tính khoảng 300 triệu đô la, nhưng theo một số chuyên gia nước ngoài số liệu thực chỉ ít là gấp đôi. Ông Vũ Mão, chánh văn phòng quốc hội, chỉ đưa ra lời hứa công khai hóa ngân sách nhà nước “*trong tương lai*”.

Thủ tướng Võ Văn Kiệt cho biết hiện nay chỉ có 14 tỉnh, thành trên 53 đóng góp thật sự vào ngân sách nhà nước, số còn lại phụ thuộc vào sự tài trợ của trung ương. Riêng thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đóng góp đến phân nửa ngân sách nhà nước. Những địa phương giàu được phép giữ lại một tỉ lệ từ 10 tới 30 % thuế thu được; các tỉnh khác giữ lại từ 30 tới 40 % (riêng ở miền núi, tỷ lệ này là 100 %).

Thất thoát về thuế là nguyên nhân chủ yếu của tình hình thiếu hụt ngân sách. Theo phó thủ tướng Phan Văn Khải, ở 497 doanh nghiệp nhà nước được kiểm tra năm 1995, số thuế đọng và ứ đọng lên đến 871 tỉ đồng; ở 65 doanh nghiệp có vốn nước ngoài được kiểm tra thất thu về thuế là 157 tỉ đồng; ở 278 doanh nghiệp tư nhân con số này là 28 tỉ đồng. Đợt kiểm tra các hoạt động dịch vụ văn hóa vừa qua cũng cho biết có đến 40 % các đơn vị kinh doanh không có giấy phép và không nộp thuế, và đó chỉ là một mảng nhỏ của nền kinh tế ngầm.

Nhiều đại biểu quốc hội đã phê bình cách xác lập ngân sách và sự điều hành thu chi. Ông Nguyễn Bá Thanh (Quảng Nam - Đà Nẵng) cho rằng, trong khi thuế thất thu chủ yếu ở các doanh nghiệp, nhà nước lại quay sang thu người buôn bán nhỏ, gây ra bãi thị tại nhiều nơi trong năm 1995. Ông cũng nêu lên những lệch lạc trong việc thực hiện tiết kiệm, khi nhà nước cắt giảm phần trăm dự toán đầu tư xây dựng một cách máy móc, dẫn đến không bảo đảm chất lượng công trình. Ông Võ Văn Ban (Đắc Lắc) cho rằng không thể vì quốc hội ấn định chỉ tiêu thu 18 000 đồng thuế năm 1996 (tăng 44 % so với năm trước) trong đó nguồn chính là thuế nhập khẩu mà biến đất nước thành thị trường tiêu dùng của nước ngoài. Ông cho biết, năm 1995, ngân sách chi cho việc mua ô tô lên tới 190 tỉ đồng.

Theo ông Phạm Phú Tây (Hà Tây), báo cáo của tòa án và viện kiểm soát tối cao cho thấy những vi phạm kinh tế xảy ra nhiều nhất trong lãnh vực quản lý tài chính của ngân hàng và kho bạc nhà nước: ở một số địa phương, cán bộ kho bạc và ngân hàng đã sử dụng công quỹ để đánh bạc, cho vay nặng lãi, mua sắm tài sản cá nhân. Thống đốc ngân hàng nhà nước Cao Sĩ Kiêm xác nhận trong năm 1995 có đến 88 cán bộ ngân hàng đã bị truy tố sau khi làm thất thoát 28,8 tỉ đồng. (Tuổi trẻ 9.3; AFP 29.2 và 2,13,14.3.96)

## Hợp tác xã kiểu gì đây ?

Ngoài hai dự luật về ngân sách và khoáng sản, khóa họp quốc hội đã thông qua dự luật về hợp tác xã. Bộ trưởng kế hoạch và đầu tư Đỗ Quốc Sam cho biết, từ hơn 100 nghìn đơn vị năm 1986, số lượng hợp tác xã hiện nay chỉ còn có 25 nghìn đơn vị. Theo tờ trình của chính phủ, dự luật xác lập một mô hình hợp tác xã khác với mô hình cũ: đó là một tổ chức kinh tế của những người lao động có nhu cầu tự nguyện hợp tác để giúp nhau phát triển dưới nhiều hình thức; sở hữu đa dạng gồm có vốn cổ phần của xã viên, vốn tích lũy tái đầu tư, các quỹ không chia thuộc sở hữu tập thể; và từ một vai trò quản lý tập trung toàn diện, hợp tác xã chuyển sang hỗ trợ làm dịch vụ cho xã viên. Chánh văn phòng quốc hội Vũ Mão còn nói rằng hợp tác xã kiểu mới sẽ gần với những mô hình của Ý, Thụy Điển, Nhật hay Do Thái.

Tuy nhiên trong một số qui định, dự luật không tạo được sự đồng tình. Như qui định vốn của một xã viên không được vượt quá 30 % vốn chung. Hoặc qui định mỗi xã viên chỉ được một phiếu dù số vốn góp là bao nhiêu đi nữa. Cũng như qui định hạn chế về chia lợi nhuận, và không chỉ chia lợi nhuận theo vốn góp mà còn chia theo lao động (Tuổi Trẻ 7.3; Lao Động 10.3; AFP 19.3.96)

## Thủ tướng Malaysia và Việt Nam

Thủ tướng Malaysia Mahathir Mohamad đã tránh đề cập tới các vấn đề chính trị trong các cuộc hội đàm với những nhà lãnh đạo Việt Nam trong chuyến trở lại thăm Việt Nam ba ngày 7-9.3 vừa qua. Trả lời báo chí sau buổi làm việc với thủ tướng Võ Văn Kiệt trong ngày đầu tại Hà Nội, ông Mahathir cho biết hai bên đã không thảo luận gì về cuộc

### **nói hay đừng**

### **Quốc doanh**

Trong cuộc tranh cãi chuẩn bị Đại hội 8 của Đảng cộng sản, phe bảo thủ đòi những ưu quyền cho khu vực kinh tế quốc doanh, coi đó là giữ vững “*định hướng xã hội chủ nghĩa*”.

Theo số liệu vừa được Bộ nội vụ Việt Nam công bố, thì trong số 463 ổ mại dâm mới bị phanh phui, có 170 ổ liên quan trực tiếp tới những công ti quốc doanh hay cơ quan nhà nước.

170 / 463 : quốc doanh như vậy mới chiếm 37 % khu vực kinh tế quan trọng này. Vai trò chủ đạo đã tuột vào tay giai-cấp-tư-sản-dang-ngoi-đầu-lên mất rồi. Thế thì hỏng to.

**Tú舜**

tranh chấp lãnh thổ ở quần đảo Trường Sa, cũng như không nói tới vấn đề đưa 4000 thuyền nhân Việt Nam hiện còn ở trong các trại Malaysia về nước. Theo ông, đó là những vấn đề hai nước đã đạt thoả thuận, và chuyến đi lần này của ông chỉ nhằm tìm cách tăng cường các quan hệ kinh tế song phương. Ông đã nhắc lại Malaysia ủng hộ đơn gia nhập Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) của Việt Nam, và tỏ ý mong rằng một đường xe lửa liên Á sẽ được thực hiện, từ Singapore tới Bắc Kinh, xuyên qua Việt Nam. Ông cũng đã hội đàm với tổng bí thư Đỗ Mười và chủ tịch Lê Đức Anh. Malaysia bắt đầu làm ăn nhiều với Việt Nam từ năm 1990 và thủ tướng Mahathir đã sang thăm Việt Nam lần đầu năm 1992.

Cùng đi với ông lần này có nhiều nhà lãnh đạo các công ty lớn của Malaysia có đầu tư ở Việt Nam, như công ty dầu mỏ Petronas và công ty xây dựng Renong Corp.... Tính tới đầu năm 1996, Malaysia đứng thứ 8 trong bảng các nước có đầu tư vào Việt Nam, với 860 triệu đôla vốn. Trao đổi thương mại giữa hai nước đạt 360 triệu đôla trong năm 1995, tăng 34 % so với năm trước. Malaysia nhập gạo Việt Nam và ngược lại bán sang nhiều máy móc và trang thiết bị. (AFP 6 và 7.1996)

## Bên lề hội nghị Á - Âu

Như Diễn Đàn đưa tin ngắn số trước, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã cầm đầu phái đoàn Việt Nam sang Băng Cốc dự hội nghị thượng đỉnh Á - Âu lần đầu tiên, họp trong hai ngày 1

và 2 tháng 3.1996. Như đối với các hội nghị tương tự, các nhà lãnh đạo mỗi nước đã tận dụng cơ hội này để tổ chức những cuộc gặp gỡ phù hợp với yêu cầu riêng của mình. Trong, trước và sau ngày hội nghị. Về phần ông Võ Văn Kiệt, ngoài yêu cầu (được thực hiện) chụp ảnh tươi cười với thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng (thông điệp trước đại hội 8 !), các vấn đề quan hệ kinh tế với châu Âu được đặt là trọng tâm của các cuộc tiếp xúc : yêu cầu tăng các quota hàng Việt Nam, đặc biệt là hàng may mặc, được xuất sang Liên hiệp châu Âu (EU), mời gọi các nước EU gia tăng đầu tư vào Việt Nam. Tại Băng Cốc, ông Kiệt đã gặp riêng các nhà lãnh đạo châu Âu như thủ tướng Đức Helmut Kohl, tổng thống Pháp Jacques Chirac, chủ tịch EU Jacques Santer. Tổng thống Pháp đã nhấn mạnh ông coi Việt Nam như “ một trong những người đối thoại chính trị quan trọng của Pháp ở Đông Nam Á ”, và tỏ ý “ tin cậy ” ở công cuộc phát triển kinh tế của Việt Nam.

Trên đường phó hội, thủ tướng Bỉ Jean-Luc Dehaene và ngoại trưởng Tây Ban Nha Carlos Westendorp đã ghé thăm Việt Nam hai ngày 28 và 29.2. Trong một cuộc họp báo tại Hà Nội, thủ tướng Dehaene cho biết chuyến đi của ông đã cho phép ký kết hai hợp đồng đầu tư lớn của Bỉ vào Việt Nam. Một của công ty ISOCAB trị giá 42 triệu đôla về xử lý hải sản ở tỉnh Minh Hải, và một về việc phát triển vùng công nghiệp cảng biển ở Đình Vu, Hải Phòng, trị giá 185 triệu đôla, trong đó công ty Bỉ IPEM hợp tác với các đối tác Mỹ và Thái Lan. Ông cũng cho biết Bỉ đã quyết định viện trợ mỗi năm 50 triệu

nói hay dùng

## Bò điên

Châu Âu đang hoảng sợ vì bệnh bò điên (*vaches folles*) đang hoành hành bên Anh. Không ngờ bệnh này đã lan sang Bắc Mỹ.

Bằng chứng là từ một tháng nay, Cơ quan điều tra an ninh liên bang FBI đã đăng quảng cáo trả tiền trên một số báo Việt ngữ, kêu gọi cộng đồng Việt Nam ở Hoa Kỳ tố cáo “ *gián điệp của chính quyền Việt Nam đang gia tăng hoạt động* ” từ ngày Mỹ bỏ cấm vận. Bà con có thể gọi điện thoại cho FBI (khung quảng cáo đăng tải cả trăm số điện thoại ở khắp California) hoặc viết thư về một hộp thư ở San Francisco, cho một người có cái tên thật dễ thương : *Ông Bờ Cầu* !

Hai tuần sau, một quan chức FBI khoe là đã nhận được 200 cú điện thoại và thư tố giác, nhưng không chịu bình luận gì về nội dung và giá trị những lời tố cáo này. Chỉ biết có một nạn nhân : một nhà bình luận của báo Thời Luận (xuất bản tại San Jose). Ông này vốn nổi tiếng là có lập trường chống Cộng kiên định, và Thời Luận cũng là một tờ báo chống Cộng có nhãn hiệu trình toà. Tội của ông và của tờ báo, là trong một bài bình luận đăng báo, ông ta đã viết “ thành phố Hồ Chí Minh ” thay vì “ thành phố Sài Gòn ”.

Sáng kiến của FBI tất nhiên đã gây sóng gió trong cộng đồng Việt Nam và dư luận báo chí Mỹ. Về phía cộng đồng, có hai luồng ý kiến trái nghịch. Một số lãnh tụ hội đoàn có lập trường vững vàng thì lên tiếng ủng hộ FBI. Nhưng cũng không thiếu người tuyên bố đây là một “ *con dao hai lưỡi* ” vì nó khuyến khích tật tố giác vì tư thù, thậm chí “ *đây là một sự sỉ nhục cộng đồng Việt Nam tại Hoa Kỳ* ”. Trong dư luận

Mỹ, có những tờ báo và tổ chức nhân quyền đã hoài nghi về hiệu quả của việc làm này, lo ngại trước hậu quả của một cuộc “ *săn phù thủy* ”, và yêu cầu FBI chấm dứt một trò chơi nguy hiểm.

Điều Tú Sụn tôi không hiểu nổi là : ma đưa lối quỷ dẫn đường thế nào mà FBI lại có cái sáng kiến vĩ đại ấy ? Giới thạo tin đưa ra hai lối giải thích : (1) các vụ ăn trộm linh kiện điện tử ở Thung lũng Silicon làm cho FBI nghi là Việt Nam tổ chức gián điệp kinh tế, (2) một vài người Việt Nam hoạt động đòi nhân quyền ở phía bắc bang California bị chính quyền Việt Nam làm sức ép (thân nhân ở trong nước bị khó khăn về giấy tờ xuất ngoại). Cả hai lối giải thích đều khó thuyết phục : (1) nạn ăn trộm *puces* điện tử đã xảy ra từ lâu ở Silicon Valley, dính tới đủ mọi cộng đồng Âu, Á, Mỹ...; nó là nạn ăn cắp, còn muốn làm gián điệp kinh tế về điện tử, thì phải có một nền công nghệ tin học phát triển như Nhật, Đài Loan, Triều Tiên, chứ Việt Nam thì sớm nhất cũng phải đợi mười năm nữa mới tới Tết Công nghệ ; (2) làm sức ép với thân nhân trong việc giấy tờ, thì đúng là nghề của công an Việt Nam (và không chỉ riêng công an Việt Nam), nhưng cớ gì họ phải gửi gián điệp sang Mỹ, chỉ việc mời thân nhân lên “ *làm việc* ” ở đường Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, ở phố Trần Hưng Đạo là đủ !

Bạn đọc đừng vội quy chụp cho Tú Sụn tôi là muốn chứng minh rằng “ *công an ta* ” không có người nằm vùng bên Mỹ nhé. Chắc chắn là có thôi. Không nằm trong diện mà *Ông Bờ Cầu* của FBI truy tìm đâu, mà ở ngay đầu não của những tổ chức chống Cộng ồn ào nhất ở Mỹ. Điều này, Tú Sụn tôi dám đánh cá đó.

Tú Sụn

quan Bỉ (1,6 triệu đôla) cho Việt Nam trong 3 năm tới. Về phần mình, ngoại trưởng Tây Ban Nha đã công bố quyết định mở đại sứ quán Tây Ban Nha ở Hà Nội, cùng với một phòng đại diện thương mại tại thành phố HCM, trong năm nay. Tây Ban Nha đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam từ năm 1977, nhưng chưa có đại sứ. Nói chung, sự hiện diện của Tây Ban Nha ở cả vùng Đông Nam Á rất giới hạn.

Ngoại trưởng kiêm phó thủ tướng Lục Xâm Bảo Jacques Poss thì đã ghé thăm Việt Nam ba ngày 4-6.3, sau hội nghị Băng Cốc, cùng với một phái đoàn khoảng 20 doanh nhân, nhằm tăng cường các mối quan hệ song phương đã được hoàng thân Henri của Lục Xâm Bảo mở đầu với chuyến đi thăm Hà Nội từ tháng 1.1996. Ngoại trưởng đã ký kết với Việt Nam 4 nghị định thư hợp tác trong các lĩnh vực du lịch, sản xuất sắt thép... (AFP, Reuter 28-29.2, 1 và 4.3.1996)

• Quan hệ Việt Nam - Tây Âu trong tháng 3 còn được đánh dấu bởi chuyến đi thăm Việt Nam ngót một tuần lễ của bộ trưởng Poul Nielson, phụ trách Hợp tác trong chính phủ Đan Mạch, dẫn đầu một phái đoàn gồm 63 đại diện của 27 công ty Đan Mạch. Mặt khác, bộ trưởng ngoại thương Hà Lan, bà Anneke van Dok-van Weele sẽ tới thăm Việt Nam cuối tháng 3.

### **Việt Nam - Cam Bốt : vẫn căng thẳng**

Phó thủ tướng kiêm bộ trưởng nội vụ Cam Bốt Sar Kheng sẽ tới Hà Nội cuối tháng ba để làm việc với phía Việt Nam về các tranh chấp biên giới, cũng như về vấn đề người Việt ở Cam Bốt. Từ tháng giêng, đồng thủ tướng Norodom Ranariddh đã nhiều lần lên tiếng buộc tội Việt Nam xâm lấn Cam Bốt (xem ĐĐ số 49), thậm chí đe dọa dùng vũ lực để làm chấm dứt cuộc xâm lấn này, nếu thủ tướng Võ Văn Kiệt không chịu gặp ông để thương lượng (tuyên bố trên đài phát thanh Phnom Penh ngày 15.3). Bộ ngoại giao Việt Nam đã phản ứng lại bằng một thông báo, rằng “*Thật là một điều đáng tiếc nếu tuyên bố đó là có thật, vì nó không tương ứng với quyền lợi và sự giao hảo giữa hai nước, cũng như với các thoả thuận cấp cao của hai bên*”.

Sự căng thẳng có thể cất nghĩa bằng sự kiện khi hoàng thân Ranariddh đề nghị gặp ông Kiệt tại Viên-Chăn đầu tháng 3 lại nhận được trả lời không mấy mặn mà, rằng “*lich làm việc của thủ tướng Võ Văn Kiệt không cho phép đáp ứng đề nghị đó*” (tuy trong câu trả lời, ông Kiệt đồng ý về nguyên tắc gặp gỡ, và đưa lại đề nghị gặp ở thành phố Hồ Chí Minh). Tuy nhiên, theo nhiều nhà quan sát, các tuyên bố của hoàng thân Ranariddh có nguyên do nội bộ nhiều hơn là dựa vào tình hình thực tế ở biên giới, một tình hình phức tạp do buôn lậu là chính, theo các nhà hữu trách Việt Nam. Ý kiến trên có phần được thời sự chứng thực với tin cuối tháng 3 cho biết đảng FUNCINPEC, do hoàng thân làm chủ tịch, đang đe dọa rút khỏi chính phủ liên hiệp thành lập hai năm trước.

Dẫu sao, một tuyên bố của người phát ngôn bộ ngoại giao Hà Nội ngày 21.3 đã khẳng định lại “*thủ tướng Võ Văn Kiệt sẵn sàng gặp các đồng thủ tướng Cam Bốt ở địa điểm và vào thời điểm thuận tiện cho cả hai bên*”. (AFP 5, 8, 19-21.3.1996)

### **Y tế, xã hội**

Chính phủ đã ấn định ngân sách nhà nước dành cho chương trình chống bệnh sida trong năm 1996 là 5 triệu đôla, tăng nửa triệu so với năm trước. Theo thống kê chính thức, cho tới cuối năm 1995, 135 người đã chết vì sida, số người nhiễm vi khuẩn lên tới hơn 3 500 người. Tuy nhiên, các chuyên gia y tế đều cho rằng, do thiếu thốn phương tiện chẩn bệnh, con số này không phản ánh một thực trạng nghiêm trọng hơn.

Đồng thời, ngân sách của chương trình chống sốt rét được định là 5,5 triệu đôla, giảm nhẹ so với năm trước nhờ những kết quả khả quan đã đạt được trong những năm qua, nhờ chương trình phân phát mùng mền và thuốc chống sốt rét ở các vùng bị bệnh nhiều nhất. Trong năm 1995, 600 người đã chết vì sốt rét. Tuy nhiên, con số này chỉ là non nửa so với con số của năm 1994. Số người bị bệnh cũng giảm 22 %. Năm 1994, 860 000 người đã mắc bệnh. Khoảng 15 triệu dân các tỉnh miền núi, đặc biệt trong các dân tộc ít người, vẫn bị bệnh sốt rét đe dọa.

Chính phủ cũng đã thông qua ngân sách 30 triệu đôla cho chương trình chống ma tuý từ nay tới năm 2 000. Một nửa ngân khoản này được tài trợ của Chương trình kiểm soát ma tuý của Liên hiệp quốc. Một phần ngân sách sẽ được dành cho việc phát triển các loại cây lương thực (ngô, đỗ tương) thay thế cho cây thuốc phiện ở 12 tỉnh miền núi phía Bắc. (AFP 3, 9 và 11.3.1996)

### **Thuyền nhân**

Ban chấp hành Hội nghị quốc tế về người tị nạn Đông Dương, thành lập năm 1989, đã họp lần thứ 7 và “*cuối cùng*” tại Genève ngày 6.3.1996. Dưới sự chủ trì của HCR, 23 nước tham dự đã xác định lần nữa quyết định chấm dứt hoạt động vào giữa năm nay và kêu gọi khoảng 36 000 thuyền nhân còn ở trên các trại hãy trở về nước.

Tại hội nghị, đại diện Hoa Kỳ đã khẳng định lại ý sẵn sàng chấp nhận thêm “*một số đông những người đã tham gia chiến tranh về phía Mỹ, đang bị đe dọa trục xuất khỏi các trại tạm cư ở châu Á*”. Hoa Thịnh Đốn đang thương lượng với Hà Nội để tiến hành thủ tục “*một khi những thuyền nhân nói trên đã tự nguyện trở về nước*”.

Về phần mình, thông qua hình thức trả lời phỏng vấn của Việt Nam thông tấn xã, một thứ trưởng ngoại giao Hà Nội, ông Bùi Hồng Phúc cho biết “*những thuyền nhân trở về, nếu đáp ứng các tiêu chuẩn được xuất ngoại, và nếu có nước thứ ba nhận cho định cư*” sẽ được nhà nước Việt Nam cấp hộ chiếu và thị thực để ra đi.

Theo tờ Vietnam Investment Review, Liên hiệp châu Âu sẽ góp thêm 14,5 triệu đôla cho Chương trình trợ giúp người tị nạn tái định cư trong nước. Chương trình sẽ kéo dài 3 năm, kể từ tháng 4 này, tập trung vào các việc cấp vốn làm ăn, huấn nghiệp và chăm lo sức khoẻ. (AFP 3, 4, 6, 8.3.1996)

• Số phận của 2500 thuyền nhân còn trên đảo Palawan, Philippin, thực ra vẫn còn chưa có gì chắc chắn. Chính phủ Philippin đã trở lại quyết định cho họ ở lại (xem Diễn Đàn số 50), và đã đưa tin về chuyến bay đưa người hồi hương ngày

13.3, song cuối cùng lại hoãn lần nữa. Hội đồng giám mục Philippin vẫn phản đối việc đưa người tị nạn về nước, nhưng không hứa hẹn gì về việc giúp đỡ họ nếu được ở lại.

### **Thẻ tín dụng Mastercard**

Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), liên doanh với công ty Mastercard International, sẽ phát hành thẻ tín dụng đầu tiên ở Việt Nam kể từ tháng 4 tới. Ngân hàng dự trù sẽ phát 3 000 thẻ cá nhân hoặc cho các công ty trong năm đầu, tăng dần lên tới 60 000 thẻ vào năm 2 000. Khách hàng muốn có thẻ phải bảo đảm có thu nhập mỗi tháng ít nhất từ 600 tới 800 đôla. Thẻ sẽ phát tiền đồng, nhưng người có thẻ có thể sử dụng khi ở nước ngoài, trong giới hạn 7 000 đôla. Trong thời gian đầu, chỉ những chi nhánh tại Hà Nội và thành phố HCM được quyền cấp thẻ, nhưng Vietcombank hy vọng sẽ mở dịch vụ này tới các tỉnh khác trong vòng 6 tháng tới.

Ngoài Vietcombank, Mastercard còn hợp tác với các ngân hàng Asia Commercial Bank, FirstVina Bank và Vietnam Export-Import Bank để phát hành thẻ tín dụng ở Việt Nam. Hiện nay, có khoảng 1 000 cửa hàng ở Việt Nam nhận thẻ tín dụng. Các ngân hàng nước ngoài ước tính số tiền bạc, kim quý tàng trữ trong nhân dân Việt Nam trị giá khoảng 3 tỉ đôla. Chính phủ đã ra lệnh cho ngân hàng quốc gia và bộ tài chính tìm cách cải thiện hệ thống ngân hàng để huy động số vốn tiết kiệm này vào guồng máy kinh tế. (AFP 26.2.1996)

### **Media : công ty Úc VIR mắc nghẽn**

VIR Ltd, công ty xuất bản tạp chí tiếng Anh Vietnam Investment Review từ năm 1991, với vốn chính thức 49 % của nhà tư bản Úc Kerry Packer, vừa quyết định ngưng hợp tác với Đài truyền hình và truyền thanh Hà Nội (HTV). Trong một tuyên bố với hãng thông tấn AFP ngày 8.3, ông Alex McKinnon, giám đốc quản lý của VIR nói ông quá ngán vì chờ đợi mãi không được nhà nước Việt Nam thông qua một hợp đồng hợp tác với HTV, mặc dù VIR đã bắt đầu hỗ trợ kỹ thuật và cung cấp phim ảnh đã được lồng tiếng Việt cho HTV từ 13 tháng nay. VIR cũng đã dành cho HTV 250 giờ phát hình với nhiều chương trình của Mỹ và Úc. “ Chúng tôi quá mỏi mệt vì cứ phải nghe là không làm được gì từ đây tới đại hội đảng”, ông McKinnon nói. Theo ông, “ người ta có cảm giác là chính phủ đang chọn một thái độ bảo thủ hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài”. VIR cũng vừa ngưng sự hợp tác mới bắt đầu được ba tháng nay với tạp chí Tiền Phong để xuất bản tạp chí phụ nữ Người Đẹp, vì cùng một lý do : hợp tác không được hợp thức hoá. Tuy nhiên, công ty vẫn tiếp tục từ Vietnam Investment Review, và đồng thời nộp hồ sơ xin biến tuần báo này thành nhật báo, mặt khác vẫn hy vọng được phép xuất bản một tạp chí kinh tế bằng tiếng Việt. (AFP 8.3.1996)

• Có vẻ như muốn làm dịu mối lo của các nhà đầu tư nước ngoài trước tình hình chính trị căng thẳng ở Việt Nam, tổng bí thư Đỗ Mười, trong một cuộc đi thăm hai nhà máy điện tử hợp doanh với Hàn Quốc ở ngoại thành Hà Nội, ngày chủ nhật 11.3, đã kêu gọi “ một sự hợp tác dài hạn, trên cơ sở hai bên cùng có lợi..., và trong không khí tin cậy lẫn nhau ”.

### **Thành phố HCM năm 2 010**

Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã thông qua sơ đồ quy hoạch tổng thể thành phố HCM từ đây tới năm 2 010. Theo sơ đồ, thành phố sẽ được mở rộng về phía nam theo sông Lòng Tàu ra tới biển, và về phía đông, nối Thủ Đức với xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, nơi có nhiều vùng kỹ nghệ đang thu hút đầu tư nước ngoài. Một tam giác kinh tế sẽ thành hình với các thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu. Phía bắc thành phố sẽ được dành cho nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản.

Theo thị trưởng Trương Tấn Sang, số dân thành phố sẽ tăng từ 5 triệu hiện nay lên khoảng 7,5 triệu năm 2010.

Chỉ tính tới năm 2000, thành phố cần ít nhất 3 tỉ đôla cho các công trình hạ tầng cơ sở và công ích như điện (350 triệu đôla), cấp nước (500 triệu) và tháo nước (400 triệu)... Một số công trình xây cất đã bắt đầu được thực hiện, như công trình khu ngoại ô Nam Sài Gòn, nhằm biến 3 399 hecta đất nông nghiệp thành khu đô thị, được giao cho công ty Đài Loan CT and D. Con đường dài 17,8 cây số nối Nam Sài Gòn với quốc lộ 1 cũng đã bắt đầu khởi công. Cũng như công đoạn đầu của nhà máy nhiệt điện 675 megawatt, dự trù sẽ phát điện vào năm tới. (AFP 13.3.1996)

### **Tin Ngắn**

• Phiên họp thứ sáu giữa các chuyên gia Việt Nam và Trung Quốc trong cuộc thương lượng về đường biên giới trên biển giữa hai nước đã diễn ra từ ngày 5 tới 8.3 tại Bắc Kinh. Không một tiến bộ đáng kể nào được ghi nhận. Phiên họp tới được triệu tập vào tháng 6 tại Hà Nội.

• Trong tháng đầu khai thác, đường xe lửa Hà Nội - Bắc Kinh mới mở lại (xem ĐĐ số trước) chỉ có 77 hành khách, hầu hết là du khách người Âu ! Giá vé của đoạn đường chỉ là 156 đôla.

• Vài ngày sau khi Trung Quốc mở chiến dịch bắn hoả tiễn trong eo biển Đài Loan, làm áp lực đối với cuộc bầu cử tổng thống sắp tới của Đài Loan, người phát ngôn của bộ ngoại giao Việt Nam đã lên tiếng (ngày 11.3) kêu gọi “ các nước hữu quan tự kiềm chế để tránh xảy ra điều đáng tiếc ”.

• Theo nhiều nguồn tin, hạ nghị sĩ đảng Dân Chủ Pete Peterson có nhiều hy vọng được bổ nhiệm làm đại sứ đầu tiên của Mỹ tại Hà Nội. Ông Peterson, năm nay 60 tuổi, là cựu sĩ quan trong Không lực Hoa Kỳ, bị bắn rơi năm 1968 trong chiến tranh Việt Nam và đã trải qua 6 năm bị bắt giữ làm tù binh chiến tranh. Hoà bình, ông đã trở lại Việt Nam hai lần.

• Ông Gunter Rinsche, chủ tịch tiểu ban liên nghị viện của nghị viện Liên hiệp châu Âu, đã dẫn đầu một phái đoàn đi thăm Việt Nam trong 4 ngày 18-21.3.1996, nhằm thúc đẩy các quan hệ hợp tác giữa EU và Việt Nam.

• Quỹ cấp vốn phát triển của Liên hiệp quốc (UNCDF) đã quyết định trợ cấp 7,8 triệu đôla cho một chương trình giảm nghèo đói của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Chương trình còn được Hiệp hội các thị xã của Hà Lan trợ giúp, sẽ kéo dài 5 năm, với các kế hoạch đầu tư nhỏ nhằm mở mang hạ tầng cơ sở, hệ thống y tế trong tỉnh.

• Một uỷ ban quốc gia phụ trách chuẩn bị Hội nghị thượng đỉnh Francophonie lần thứ 7 (hợp tại Hà Nội trong năm 1977) đã được thành lập, do phó thủ tướng Nguyễn Khánh làm chủ nhiệm, ông Nguyễn Ngọc Trân làm phó chủ nhiệm. Ông Nguyễn Dy Niên, thủ trưởng ngoại giao được cử làm chủ nhiệm uỷ ban người Việt tại nước ngoài thay ông Trân.

• Theo báo Nhân Dân ngày 27.2, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã thông qua một dự án 70 triệu đôla nhằm khôi phục thành phố Huế từ nay tới năm 2015. Kiến trúc và trang trí của thành nội và 7 lăng tẩm của các vua triều Nguyễn sẽ được tôn trọng trong công cuộc phục hưng và qui hoạch mới thành phố. Kinh phí của dự án sẽ lấy từ ngân sách nhà nước, phối hợp các nguồn tài trợ từ ngoài.

• Cựu giám đốc công ty xuất nhập hải sản Seaprodex, ông Nguyễn Hữu Thắng, đã bị toà án TPHCM kết án tù chung thân về tội “vi phạm luật lệ nhà nước về quản lý kinh tế, biến thủ tài sản xã hội chủ nghĩa”. Chín can phạm khác bị kết án tù 18 tháng tới 15 năm tù giam.

• Hai tù nhân trong nhà khám Chí Hoà, phạm tội đánh

chết một tù nhân khác trong cùng xà lim, đã bị toà án TP HCM kết án tử hình. Một tông phạm bị xử tù chung thân.

• Trước sự giảm sút của nhu cầu, công ty xi-măng quốc gia vừa hạ giá xi-măng ở Hà Nội và Hải Phòng. Trong tháng 2.1996, công ty chỉ bán được 226 ngàn tấn xi-măng, ít hơn bình thường tới một phần ba. Theo một quan chức của công ty, số nhà cửa xây cất giảm hẳn, vì sự bất ổn định trong các luật lệ về quyền sử dụng đất đai.

• Theo báo Sài Gòn giải phóng ngày 14.3, phó thủ tướng Phan Văn Khải đã ký một quyết định tăng lương tối thiểu của những công nhân viên làm trong các công ty hợp doanh với nước ngoài, từ 35 đôla / tháng ở Hà Nội và Thành phố HCM lên 50 đôla, và từ 30 lên 35 đôla ở các địa phương khác. Hiện có khoảng 50 000 người Việt làm trong các hãng, sở hợp doanh với nước ngoài.

• Một công ty cầu đường của Trung Quốc đã thắng thầu công trình xây dựng và sửa chữa 11 chiếc cầu trên quốc lộ số 1, đoạn Nha Trang - Thành phố HCM. Hợp đồng trị giá 10,3 triệu đôla.

## đọc báo trong nước

### Quyền được học

Một sinh viên năm thứ tư, đang làm luận văn tốt nghiệp, đã gọi điện thoại đến tòa soạn phản ứng gay gắt về một qui định mới : sinh viên tốt nghiệp đại học hệ không chính qui (hệ mở, dân lập...) sẽ không được dự tuyển để học tiếp lên cao học. Anh sinh viên này nhắc đi nhắc lại : “ Tôi có nguyện vọng học lên nữa sau khi có bằng cử nhân tin học. Và tôi hoàn toàn có khả năng mà ”.

Nhưng vẫn không được. Theo qui chế mới do bộ giáo dục và đào tạo ban hành ngày 14.2 1996, chỉ có những người tốt nghiệp đại học chính qui mới được dự kỳ thi tuyển vào bậc sau đại học mà thôi.

Chưa hết. Cũng liên quan đến bậc đào tạo này, vụ trưởng vụ sau đại học, giáo sư Phạm Sĩ Tiến, còn nói với phóng viên Tuổi Trẻ rằng : sắp tới, cả những người tốt nghiệp đại học hệ tại chức cũng sẽ không được làm nghiên cứu sinh. “ Vì chất lượng đào tạo của những hệ này không bảo đảm ” – giáo sư Tiến cho biết như vậy.

Có lẽ lãnh đạo bộ giáo dục và đào tạo muốn thực thi những biện pháp chấn chỉnh về chất lượng đối với lĩnh vực đào tạo được xem là bị buông lỏng nhiều năm nay, và đang chứa đựng quá nhiều tệ nạn tiêu cực. “ Lấy bằng đại học bây giờ khó gì, ở cơ quan tôi nhiều người lấy vào một lúc hai, ba cái ” – một nữ nhân viên hành chính ở uỷ ban nhân dân một quận ven Thành phố Hồ Chí Minh nói hóm hỉnh. Đại học gì mà dễ quá vậy ? Đại học tại chức cấp quận, cấp cơ quan đang được “ liên kết ” đào tạo “ ì xèo ”. Nhưng, chuyện “ chạy ” bằng đại học tại chức bây giờ là xa xưa. Nổi cộm hiện nay là “ dịch vụ phó tiến sĩ ” – một “ dịch vụ ” dành cho các quan chức, nhà doanh nghiệp, cho những người có tiền và cần cái bằng. Thực tế đó làm cho những người trẻ say mê và chấp chững bước vào con đường khoa học phải hết sức chán ngán.

“ Với kiểu đào tạo như hiện nay, đã và sẽ cho ra đời các nhà trí thức, các kiểu tiến sĩ giấy ” – nhà giáo Châu Phong

đã đưa ra kết luận như vậy trong bài báo khá nặng ký đăng trên một tuần báo khoa học mới đây. Với thâm niên giảng dạy và thực tế trong ngành, nhà giáo này đã phơi bày chính xác những mặt trái khá ê chề xung quanh việc đào tạo tại chức, cao học, đào tạo phó tiến sĩ, phong hàm giáo sư vừa qua và hiện nay. Bài báo có tính chất tổng kết đó gây xôn xao dư luận. Trong thư ngỏ gửi nhà giáo này ngày 8.2 1996, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nhấn mạnh tình trạng tiêu cực đó đã “ có tác hại nghiêm trọng khó lường hết đối với sự nghiệp phát triển đất nước, cũng như đối với nếp sống lành mạnh của xã hội ”.

Sự tác hại nghiêm trọng của tình trạng đó có thể ví ngang bằng với sự phá hoại ê m ả đối với tương lai của một nền giáo dục, một nền khoa học chân chính. Đáng nói hơn, nó đang làm tiêu hao sự trong sáng, nhiệt khí và niềm tin của nhiều anh em trẻ đang dần thân vào con đường khoa học vì mục tiêu phồn vinh của quốc gia.

Chấn chỉnh, thậm chí bằng những biện pháp cứng rắn, đối với tình trạng trên là điều mà xã hội đang mong đợi. Vấn đề là chấn chỉnh ra sao, ở khâu nào... để cuối cùng người có thực học ở bất cứ hệ đào tạo, loại hình nào cũng đều có thể nhận được văn bằng có giá trị tương đương như nhau. Đầu vào đa dạng, nhưng đầu ra phải cùng một chuẩn. Không thể chấp nhận tình trạng : văn bằng đại học của bộ giáo dục và đào tạo ban hành nhưng chính bộ lại không thừa nhận nó về mặt chất lượng. Lỗi đường như đầu thuộc về người học ?

Do vậy, những quyết định mới đây liên quan tới đối tượng dự tuyển sau đại học không có sức thuyết phục đối với nhiều người. Và lại, theo quy chế mới, muốn học cao học hay làm nghiên cứu sinh, tất cả đều phải trải qua kỳ thi tuyển. Ai đủ năng lực người đó có quyền đi tiếp chặng đường học vấn. Và cơ hội đó phải bình đẳng với mọi người. Anh sinh viên năm thứ tư phản ánh gay gắt là vậy. Những quy định mới của bộ giáo dục và đào tạo đang đụng chạm đến quyền được học của rất nhiều người.

**Bùi Thanh (Tuổi Trẻ chủ nhật 10.3.1996)**



## Vậy mà không phải vậy... (tiếp theo trang 1)

3. Đà tăng trưởng kinh tế hiện nay phụ thuộc vào sự tin cậy của giới kinh doanh nước ngoài và chủ nợ quốc tế. Một sự giật lùi trong công cuộc cải cách kinh tế, do đó, không thể không tác động lên viện trợ, đầu tư và các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 (xem tin phía dưới).

Về mặt này, thái độ không quan tâm, lo ngại của giới tài chính và chính phủ các nước, cũng như phản ứng thờ ơ, bàng quan của người dân trong nước - kể cả đảng viên trong các đại hội ở cơ sở - đối với bản dự thảo báo cáo chính trị là những dấu hiệu có ý nghĩa hơn nội dung những luận điểm của văn kiện. Một dấu hiệu khác được người ta chú ý : chính thủ tướng Võ Văn Kiệt - chứ không phải chủ tịch nước Lê Đức Anh - đã thay mặt Việt Nam tham gia hội nghị cấp cao Á - Âu đầu tháng 3 vừa qua ở Bangkok. Tất cả những sự kiện này biểu lộ một điều : khoảng cách xa vời giữa diễn văn chính thức của đảng và thực tế cuộc sống đang tiếp tục biến động nhanh ở Việt Nam.

Ý nghĩa thực của bản báo cáo chính trị đại hội 8 như vậy là gì ? Một cách giải đáp câu hỏi là xem xét vài quan điểm của ban lãnh đạo đảng (đúng hơn là của đa số trong đó) trên bình diện kinh tế.

1. Ban lãnh đạo đảng đưa ra chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường “ với định hướng xã hội chủ nghĩa ” và “ không để đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa ”, mà không cho các khái niệm đó một định nghĩa chính xác nào hết. Bản dự thảo văn kiện chỉ lồng một nội dung chung chung cho chủ nghĩa xã hội là “ tiến bộ và công bằng xã hội ”. Đối lập với nội dung đó, chủ nghĩa tư bản là “ xu thế phân hóa giàu nghèo quá mức dẫn tới phân cực xã hội, là tâm lý sùng bái đồng tiền, vì đồng tiền mà chà đạp lên đạo đức, nhân phẩm ”. Với những tiêu chuẩn nói trên, thực tế đang hình thành ở Việt Nam phải được gọi là gì, khi mà xu thế phân hóa giàu nghèo và tâm lý sùng bái đồng tiền đã phát triển đến một mức độ khó mà tìm thấy ở những xã hội tư bản phát triển. Cho rằng đó là định hướng xã hội chủ nghĩa nếu không phải là tung hoành mù thì cũng là loạn ngôn.

2. Nhân danh định hướng xã hội chủ nghĩa đó, ban lãnh đạo đảng áp đặt khẩu hiệu : kinh tế quốc doanh phải giữ “ vai trò chủ đạo ”, và cùng với kinh tế hợp tác xã phải chiếm tỉ trọng 60 % tổng sản lượng quốc nội (GDP). Thật ra, theo những thống kê của năm 1994 cho biết, tỉ trọng của riêng khu vực quốc doanh đã đạt 43 % GDP. Hiện trạng của khu vực này là mặc dù chiếm đến 75 % tài sản xã hội, song chỉ có 30 % các doanh nghiệp làm ăn có lãi, tỷ suất lợi nhuận bình quân đạt 5 %, thấp hơn cả chỉ số lạm phát (trên 10 %). Nền kinh tế quốc doanh (gồm cả kinh tế của quân đội, của đảng cộng sản và các đoàn thể) được người ta biết đến như là mảnh đất béo bở của mọi “ quốc nạn ” : tiêu xài lãng phí, ăn cắp của công, làm ăn trái phép, hoạt động kinh tế ngầm, tham nhũng, buôn lậu... Hiện tại, có lẽ vai trò “ chủ đạo ” của quốc doanh là ở chỗ đó. Dù sao, không ai lấy làm ngạc nhiên rằng đây là lãnh vực trì trệ nhất trong công cuộc cải cách kinh tế, vì đó là một lãnh địa : cho đến nay, chính phủ tỏ ra hầu như bất lực trước sự kháng cự của nó.

3. Ban lãnh đạo đảng, một mặt, đề ra nguyên tắc : “ đảng

viên không được làm hoặc mượn danh nghĩa người thân để làm kinh tế tư bản tư nhân ”, mặt khác, lại có chủ trương khuyến khích đảng viên mua cổ phần của doanh nghiệp họ làm việc. Ngay cả trường hợp của các đảng viên giám đốc đã trở thành cổ đông chính trong doanh nghiệp họ lãnh đạo, đảng cũng không cho đó là làm kinh tế tư bản tư nhân ! Người ta chờ đợi trò chơi chữ này sẽ ngày càng phổ biến với chương trình cổ phần hóa những doanh nghiệp quốc doanh mà đảng đồng thời khẳng định rằng “ không phải để tư nhân hóa ”...

Hơn lúc nào hết, đọc bản dự thảo báo cáo chính trị của đại hội 8, người dân cũng như những đảng viên đều phải hiểu rằng đảng nói vậy, nhưng không phải vậy...

Hải Vân

## Dự thảo kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 :

### Những chỉ tiêu kinh tế - xã hội

**Tổng sản phẩm quốc nội (GDP).** Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm : 9 - 10 %. GDP bình quân đầu người : nhân gấp đôi trong 5 năm. Cấu trúc GDP : 19 - 20 % nông lâm ngư nghiệp, 34 - 35 % công nghiệp và xây dựng, 45 - 46 % dịch vụ. Tỷ lệ đầu tư : 30 % GDP. Ngân sách nhà nước : 21 - 22 % GDP. Bội chi ngân sách : 4,5 % GDP. Chỉ số lạm phát bình quân hàng năm : 10 %.

**Dân số và lao động.** Dân số : 82 triệu người vào năm 2000. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm : 1,8 %. Tổng số việc làm tạo thêm hàng năm : 1,3 - 1,4 triệu người. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị : giảm dưới 5 %. Thời gian lao động ở nông thôn : tận dụng đến 80 %. Tỷ lệ người nghèo đói (mức ăn dưới 2160 calo/ngày) : giảm còn 10 %.

**Ngoại thương và viện trợ.** Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân hàng năm : 24 - 28 %. Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu bình quân hàng năm : 22 - 24 %. Tỷ trọng hàng xuất khẩu chế biến : 70 %. Cán cân ngoại thương : nhập siêu 10 %. Viện trợ phát triển chính thức (ODA) : 7 tỉ đô la. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) : 13 - 15 tỉ đô la.

**Nông nghiệp.** Tốc độ tăng giá trị sản phẩm nông lâm ngư nghiệp bình quân hàng năm : 4,5 - 5 %. Sản lượng lương thực : 30 triệu tấn (bình quân đầu người : 360 - 370 kg). Tỷ trọng cây công nghiệp : 45 % giá trị sản phẩm trồng trọt. Tỷ trọng chăn nuôi : 30 - 35 % giá trị sản phẩm nông nghiệp. Sản lượng tôm nuôi trồng : 50 vạn tấn. Sản lượng cá đánh bắt : 1,5 triệu tấn. Diện tích trồng thêm rừng : 2,5 triệu ha.

**Công nghiệp.** Tốc độ tăng giá trị sản phẩm công nghiệp bình quân hàng năm : 14 - 15 %. Sản lượng điện : 30 tỷ kwh. Dầu : 16 triệu tấn. Khí : 3,7 tỷ m<sup>3</sup>. Than : 10 triệu tấn. Phân lân : 1,2 triệu tấn. Xi măng : 16 - 20 triệu tấn. Thép : 2 triệu tấn. Giấy : 30 vạn tấn. Vải : 500 triệu mét. Đường : 1 triệu tấn.

**Giáo dục, y tế.** Tỷ trọng người tốt nghiệp phổ thông cơ sở (lớp 9) trong dân cư ở độ tuổi lao động : 55 - 60 %. Tỷ lệ người lao động có đào tạo trong dân số lao động : 22 - 25 %. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng : giảm dưới 30 %. Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi : giảm dưới 30 phần nghìn.

Kế hoạch xây dựng 6 công trình xã hội thiết yếu cho 1 300 xã nghèo nhất : đường ô tô đến trung tâm xã ; nước sạch cho dân cư ; điện đến trung tâm xã ; phòng học cho học sinh cấp 1 và 2 ; trạm y tế ; chợ xã hay liên xã.

## **Đảng sau những đề nghị sửa đổi điều lệ ĐCSVN**

Trong một tài liệu “ mật ” dài 36 trang, đề ngày 14.11.1995 (ngày kết thúc hội nghị Trung ương), phổ biến trong nội bộ, Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đã trình bày “ Dự thảo Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi) trình Đại hội VIII của Đảng ”.

Bản dự thảo này đề nghị một số thay đổi, tuy không cơ bản, nhưng khá ý nghĩa, vì chúng phản ánh nào trạng hiện nay của giới lãnh đạo, đặc biệt của thành phần bảo thủ nằm trong Khối an ninh – quân đội và Khối tư tưởng – văn hoá.

Những sửa đổi đáng chú ý nhất liên quan tới những cơ quan quyền lực cao cấp :

– Bỏ Hội nghị đại biểu toàn quốc (họp giữa hai đại hội thường lệ, như hội nghị năm 1993), thay thế bằng Đại hội đại biểu toàn quốc bất thường, tham dự đại hội này là “ những đại biểu đã dự Đại hội đại biểu toàn quốc đầu nhiệm kỳ còn đủ tư cách ” (điều 15 mới). Điều lệ cũ không quy định thành phần các đại biểu dự hội nghị toàn quốc, nên do sức ép của tình hình, ban lãnh đạo có thể mở rộng cho những người không được cử vào đại hội đầu nhiệm kỳ.

– Bỏ Ban bí thư Trung ương (gồm tổng bí thư, một số uỷ viên Bộ chính trị do cơ quan này chỉ định, một số uỷ viên Trung ương ngoài Bộ chính trị, do Ban chấp hành Trung ương bầu).

– Lập ra Ban Thường vụ Bộ chính trị gồm những uỷ viên Bộ

chính trị, do Ban chấp hành Trung ương bầu. Cơ quan mới này “ thay mặt Bộ chính trị lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng (...) chỉ đạo thực hiện các chủ trương về kinh tế “ xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác Đảng, công tác cán bộ, công tác quần chúng ; giải quyết công việc hàng ngày của Đảng ” (điều 17 mới). Thêm vào đó, trong một loạt điều khoản của dự thảo, nhiều quyền hạn của Ban chấp hành Trung ương, hay Bộ chính trị, được chuyển vào tay Thường vụ Bộ chính trị.

– Lập ra một Đảng uỷ Công an Trung ương, tương đương với Quân uỷ Trung ương, nhằm nắm chặt đầu não bộ máy đàn áp nội chính.

Có ý nghĩa không kém là những sửa đổi văn từ trong chương IX. Mọi người đều biết quan niệm cổ truyền của ĐCS về các “ đoàn thể nhân dân ”. Tuy nhiên, trong bản điều lệ hiện hành, sau khi nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của ĐCS, cũng còn nói : tổ chức đảng và đảng viên “ tôn trọng chức năng của các tổ chức đó ; ủng hộ sáng kiến của quần chúng...”. Dự thảo điều lệ mới (điều 40) cắt đứt luôn đoạn câu đó. Bù lại, đầu đề của Chương IX trước đây viết “ Đảng đối với tổ chức nhà nước và các đoàn thể... ”, nay trở thành “ Đảng lãnh đạo nhà nước và đoàn thể... ”, mặc dầu, trong bản cũ, sự lãnh đạo đó cũng đã được nhấn mạnh ngay từ đầu.

Sự cẩn tắc vô áy náy vừa kể trên, cũng như các sửa đổi về tổ chức nhằm “ tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ” xét cho cùng, đã biểu lộ sự lo ngại của các lực lượng bảo thủ thấy quyền lực của mình cứ tuột dần khỏi tay mình.

**Phong Quang**

## **Đại tá Phạm Quế Dương bị bắt không bị giam**

Trong số 48, Diễn Đàn đã đưa tin ông Phạm Quế Dương bị bắt giữ cùng khoảng thời gian (đầu tháng 12.95) như các ông Nguyễn Xuân Tú (Hà Sĩ Phu) và Lê Hồng Hà.

Phạm Quế Dương, đại tá (về hưu) Quân đội Nhân dân Việt Nam, nguyên là tổng biên tập tạp chí Lịch sử Quân đội.

Sau khi đưa tin này, một vài bạn đọc trong nước cho biết ông Phạm Quế Dương không bị giam (hay tạm giam, như chính quyền dùng chữ khi nói tới Hà Sĩ Phu và Lê Hồng Hà).

Chúng tôi đã kiểm tra với những thông tin viên ở Hà Nội, nay có thể minh xác như sau :

Sáng ngày 7.12.1995, ông Dương về quê ở làng Tía, cách Hà Nội 30 km để bàn với họ hàng về việc xây lại mồ mả tổ tiên. Giữa lúc ông cùng với bà con ở nghĩa trang làng Tía, thì xe công an Hà Nội ập tới, đưa ông Dương về Hà Nội, giải về nhà riêng và bắt đầu cuộc khám nhà. Họ đã tịch thu nhiều tài liệu, (đến nay vẫn chưa trả lại chủ nhân), trong đó có bản sao lá thư ngày 9.8.95 của thủ tướng Võ Văn Kiệt gửi Bộ chính trị (Diễn Đàn số 49). Trong ba ngày liền, ông Dương được mời đến “ làm việc ” ở sở Công an, sáng đi tối về. Họ tập trung tra hỏi ông : tại sao giữ tài

liệu “ mật ” này trong nhà, tại sao đã gửi bản chụp vào Nam cho Hội cựu chiến binh ? Ông Dương một mực trả lời : ông Kiệt là người tốt, bài viết có nhiều điều hay, tôi thấy đây là một tài liệu cần nghiên cứu. Cuối cùng, sở Công an đã phải để ông Phạm Quế Dương tự do về nhà.

Được biết, ngoài ông Phạm Quế Dương, một số trí thức Hà Nội cũng đã bị truy hỏi về tài liệu của ông Võ Văn Kiệt. Các vụ này dẫn tới việc bắt giam ông Lê Hồng Hà, cựu cán bộ cấp cao của Bộ nội vụ, chuyên viên kinh tế, người đã cùng ông Nguyễn Trung Thành đòi giải oan cho các nạn nhân vụ đàn áp “ chống xét lại ”. Ông Lê Hồng Hà đã khẳng khái thừa nhận đã trao cho một số bạn bè bản chụp lá thư của thủ tướng Võ Văn Kiệt, nhưng kiên quyết không chịu khai ai đã trao cho ông bản tài liệu ấy.

Qua những thông tin vừa trình bày và những thông tin đã công bố, người ta có thể thấy rõ việc bắt giam hai ông Hà Sĩ Phu và Lê Hồng Hà từ 4 tháng nay nhằm ít nhất hai mục đích :

– bịt miệng hai nhà trí thức đã dũng cảm lên tiếng từ nhiều năm nay, đúng vào lúc Đảng cộng sản chuẩn bị Đại hội 8, để khoá chặt các tiếng nói dân chủ trong và ngoài đảng trong dịp này.

– ngăn chặn việc phổ biến tài liệu Võ Văn Kiệt, gây một bầu không khí chính trị căng thẳng, nặng nề, cách duy nhất để phe bảo thủ giữ được nguyên trạng tương quan quyền lực trong nội bộ ĐCS.

# Khi nhà văn xin tiền, làm chỉ điểm...

Sở trước, chúng tôi đã đưa tin về chiến dịch “ truy quét sản phẩm văn hoá độc hại ” (bài Đốt sách, tr.8-9). Trong phần bình luận, Hoà Văn đã liên hệ vụ đốt sách với loạt bài tấn công các nhà văn Bảo Ninh, Ý Nhi, Phạm Thị Hoài... trên báo Công an Thành phố và việc ban biên tập các báo Phụ nữ Thành phố và Tuổi Trẻ chờ đợi bị “ sắp xếp lại về nhân sự ”.

Việc này đã bắt đầu ở báo Phụ nữ Thành phố : đầu tháng 3, tổng biên tập Thế Thanh đã nhận được lệnh của Thành uỷ “thuyên chuyển công tác”.

Đằng sau sự lên gân về tư tưởng, tất nhiên là sự đâm đá đi liền với quá trình chuẩn bị Đại hội 8 của Đảng cộng sản. Nhưng đã nói đến tư tưởng và ngôn luận, tất phải có những người phát ngôn. Điều đáng chú ý là những bài đăng trên báo Công An đều là của những người bút không tên tuổi, hoặc gọi là của “ độc giả ”. Nhà văn đâu cả rồi ?

Đây, nhà văn Bảo Định Giang mà chúng tôi xin đăng toàn văn hai tác phẩm. Tuy chưa hề công bố, nhưng chúng đáng được lưu trữ như chứng từ của một thời kỳ tưởng đã thuộc về quá khứ.

Hai tài liệu này không cần bình luận. Chúng tôi chỉ xin bổ sung bằng một thông tin : Ban tư vấn mà Bảo Định Giang thay mặt để gửi tài liệu số 2 là một nhóm tư vấn về văn hoá tư tưởng của Thành uỷ TP Hồ Chí Minh (trong đó có Anh Đức, Trần Thanh Dạm, Mai Quốc Liên...). Sự miễn cưỡng của nhóm này đã được thừa nhận : Ban bí thư Trung ương DCS đã thành lập một Hội đồng văn hoá tư tưởng gồm có, ngoài Bảo Định Giang và Anh Đức : Nguyễn Đình Thi (chủ tịch), Tô Hữu, Xuân Trường, Cù Huy Cận...

## TÀI LIỆU 1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 1993

Kính gửi : Đồng chí HÀ NGHIỆP

Trợ lý đồng chí Tổng Bí thư

Tôi có điều sơ xuất là trong buổi làm việc báo cáo tình hình văn nghệ cho đồng chí Đỗ Mười nghe, hồi hạ tuần tháng 4-1993, tôi không hỏi kỹ tên hai đồng chí Trợ lý của đồng chí Tổng Bí thư có mặt hôm đó, để tiện giao dịch khi cần.

Nay xin trình bày với đồng chí một việc mà khi nào đồng chí Đỗ Mười có chút ít thì giờ rảnh nhờ đồng chí báo cáo lại dùm.

Trong buổi báo cáo hôm đó, có đồng chí Hà Đăng, Hà Xuân Trường và Cù Huy Cận tham dự. Ngoài việc báo cáo của chúng tôi, chúng tôi còn được nghe ý kiến phát biểu dặn dò chúng tôi của đồng chí Đỗ Mười. Một trong những ý kiến quý báu đó là “ hãy quan tâm hơn nữa việc tập hợp lực lượng văn nghệ đứng về phía Đảng ”.

Trong nhiều năm, đặc biệt là ba, bốn năm nay, kể từ sau Đại hội nhà văn, do nắm bắt được tình hình qua các sách báo trong cả nước, dù ở địa phương, một tập thể gồm các đồng chí văn nghệ cốt cán đang công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã hình thành một tổ nghiên cứu, thường xuyên theo dõi tình hình và đã mấy lần trước khi Trung ương ra Nghị quyết 4, để góp phần nhỏ của chúng tôi trong việc đánh giá tình hình văn nghệ. Tổ dự thảo Nghị quyết T.Ư. 4 về văn hoá – văn nghệ có viết thư cho chúng tôi cho rằng : báo cáo của chúng tôi làm là nghiêm túc, cung cấp được một số vấn đề, giúp cho Tổ dự thảo sáng tỏ hơn.

Giữa lúc báo cáo, đồng chí Đỗ Mười có hỏi tôi, trong hoạt động có khó khăn gì ? Tôi đáp : Chúng tôi rất cần một số tiền hàng tháng 1.500.000 để mua sách báo, thù lao cho người đọc (ít nhất mỗi cuốn 2 người đọc) và nếu cần thì chẳng những nhờ đọc mà còn nhờ viết bài đấu tranh với các quan điểm sai trái thể hiện qua các trang sách báo. Chúng tôi liên tục theo dõi, nếu thấy vấn đề nào không bình thường đều có báo cáo, có khi gởi cả sách hay báo đó ra cho đồng chí Nguyễn Đức Bình, Hà Đăng, Hà Xuân Trường và Cù Huy Cận.

Đồng chí Đỗ Mười, về điều kiện làm việc của chúng tôi trong này, có nói một câu : “ Nếu làm công việc bảo vệ Đảng được tốt thì yêu cầu xin vài triệu hàng tháng cũng không lớn lao gì ! ”.

Tôi vừa là uỷ viên Đoàn chủ tịch Hội văn nghệ Trung ương, uỷ viên Đảng đoàn văn nghệ ở Trung ương, vừa làm Chủ tịch Hội Văn nghệ thành phố. Tài chính hàng năm của Uỷ ban nhân dân Thành phố chỉ thừa ra chút ít cho công tác chuyên môn. Tiền thuê trụ sở, điện nước, tiền lương cho cán bộ, nhân viên và những khoản dịch vụ đã ngốn hầu hết tiền ở trên rút xuống.

Tổ nghiên cứu của chúng tôi, chủ yếu là theo dõi, nghiên cứu tình hình trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh phía Nam, chỉ dựa vào Hội Văn nghệ thành phố chừng mực nhất định không đáng kể, vì Hội Văn nghệ địa phương rất eo hẹp về tài chính.

Với tư cách là người phụ trách tổ này và trách nhiệm trước cơ quan văn nghệ Trung ương, chúng tôi cần thường xuyên xuống các tỉnh ; cần triệu tập hội nghị các tỉnh, cần

thù lao người đọc sách và viết bài. Sau Nghị quyết 4, cuộc hội thảo do chúng tôi tổ chức cũng chỉ một cách tiết kiệm 4 triệu đồng. Chưa nói tới tuổi đã già (75) việc chi tiền mua xăng dầu, chữa lật vặt, thuê lái xe hàng tháng cũng là một khoản chi mà Hội Văn nghệ thành phố không thể gánh vác hết được.

Tôi rất mong Trung ương cho chúng tôi mỗi năm 20 triệu đồng, thêm vào cho Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Trung ương và từ Hội Trung ương rút xuống hàng quý cho chúng tôi. Chúng tôi hàng quý, hoặc vài quý, báo cáo các khoản thu, chi cho Hội T.Ư.

Vấn đề quá nhỏ đối với quốc gia, nhưng với chúng tôi là quan trọng. Được thế, chúng tôi mới tiến hành được những cái tối cần thiết cho nền văn học nghệ thuật hiện nay.

Sau cuộc gặp gỡ đồng chí Đỗ Mười, tôi có nhắc đồng chí Cù Huy Cận nhiều lần nhưng đồng chí Cù Huy Cận đều nói qua khâu tài chính khó quá. Bộ tài chính chắc chưa nắm hết về vấn đề này nên nhiều tháng trôi qua, chúng tôi chờ đợi hoài vẫn chưa có kết quả gì. Thú thật với đồng chí với số lương hưu trí ít ỏi, nhiều khi thấy quá cần chúng tôi cũng phải bỏ ra vì cái nghĩa lớn phải làm.

Tôi hy vọng và mong đồng chí báo cáo lên trên để ủng hộ chúng tôi. Chúng tôi hứa sẽ không phụ lòng Đảng, gắng hết sức mình hợp tác chặt chẽ với Hội Văn nghệ T.Ư. trong việc chăm lo cho văn nghệ vốn đã phức tạp và đang còn phức tạp hiện nay.

Kính trọng,

ký tên : Bảo Định Giang

Địa chỉ : Hội Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh,  
81 Trần Quốc Thảo, Quận 3.

Đồng kính gửi : Đồng chí Cù Huy Cận,  
Chủ tịch Liên hiệp Văn học Nghệ thuật T.Ư. (để biết).

## TÀI LIỆU 2

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 1995

Kính gửi Ban bí thư Trung ương ĐCSVN

Thường vụ Thành uỷ ĐCSVN  
Thành phố Hồ Chí Minh

Dưới đây là một số nhận xét, đánh giá của chúng tôi về hai tờ báo *Tuổi Trẻ* và *Phụ Nữ* (T.P. Hồ Chí Minh) kính gửi Ban Bí thư và Thường vụ Thành uỷ tham khảo.

### I. Báo TUỔI TRẺ

1) Ra đời năm 1975, lúc đầu báo *Tuổi Trẻ* và *Phụ Nữ* còn có tính chất một “ nội san ” của Đoàn và Hội chưa có sự hấp dẫn rộng rãi. Sau khi báo *Tin Sáng* ngừng ra, *Tuổi Trẻ* thu hút một số cây bút cũ của *Tin Sáng* có kinh nghiệm làm báo đô thị ; và bằng kỹ thuật làm báo, đưa tin nhanh, nhạy, đáp ứng thị hiếu người đọc đô thị.... của nhóm này, tờ *Tuổi Trẻ* đã được vực lên nhanh, trở thành một tờ báo có số độc giả cao, có ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội. Sau khi một số chủ yếu của nhóm này tách sang tờ *Lao Động*, tờ *Tuổi Trẻ* vẫn giữ được cách làm báo cũ, với một số nhân vật trụ cột, cho đến

nay.

2) Đặc trưng của nhân sự ở tờ *Tuổi Trẻ*, là : chưa bao giờ tờ báo này có một **Tổng Biên tập** có bản lĩnh chính trị vững vàng, được thử thách, có lương tâm chính trị trong sáng và trình độ văn hoá, triết học... tương xứng với một “ pháo đài ” như vậy. Báo *Tuổi Trẻ* là cơ quan cấp 2 của Thành đoàn, một đoàn thể, trên danh nghĩa. Nhưng trên thực tế, sức tác động của nó trong thành phố và cả nước nhiều lúc vượt xa sức tác động của đoàn thể chủ quản nó. Từ **Võ Như Lanh**, **Kim Hạnh** đến **Lê Văn Nuôi**, qua các đời tổng biên tập, một nhận xét là các đồng chí này tham gia phong trào học sinh – sinh viên đô thị, có nhiệt tình yêu nước, nhưng chưa kinh qua những đấu tranh phức tạp, sâu sắc đầy thử thách của trận tuyến tư tưởng, chưa kinh qua thử thách ở nhiều lĩnh vực công tác khác nên ý thức tổ chức, kỷ luật, và cả trình độ văn hoá đều không đáp ứng yêu cầu. Vì vậy, với dàn giáo còn nguyên ở dưới, việc thay TBT bên trên chưa giải quyết vấn đề.

TBT hiện nay **Lê Văn Nuôi** dao động giữa các luồng ý kiến, không làm chủ nổi tình thế ở báo, nhiều điểm tỏ ra thoả hiệp và về cơ bản là thiên hữu trong quan điểm chính trị.

Phó TBT **Huỳnh Sơn Phước**, cũng là người đã tham gia phong trào sinh viên, là một người mang một quan điểm chính trị khá xa lạ với đường lối của Đảng ta : anh ta trực tiếp ủng hộ quyết liệt các Tổng biên tập phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng như **Kim Hạnh** mà không bị xử trí vì là “ phó ” và không viết bài ; nhưng trên quan điểm những vấn đề như già – trẻ, trên các vấn đề văn hoá văn nghệ và kinh tế... thì ý kiến anh ta phát biểu thành xã luận hoặc chỉ đạo bài vở là xấu, là có ý kích động và đối lập. Đây là một *phần tử cơ hội nguy hiểm* đã lọt vào và ở lâu tác phát ở tờ báo này. Bên cạnh đó, có các tên tuổi đáng chú ý : **Nguyễn Trọng Chúc** Tổng thư ký Toà soạn, một người gốc Bắc di cư, rất có tài sắp xếp bài vở và trên thực tế có một ảnh hưởng khá quyết định đối với bài vở của báo, và hai biên tập viên văn nghệ rất sùng sỏ là **Ngô Thị Kim Cúc** (đã viết từ hồi Bách Khoa Sài Gòn trước 1975 dưới tên **Vô Ưu**) và **Thụy Nga**, một phóng viên mới nhưng rất quyết liệt và mưu mẹo không kém gì Thụy Khê (sic) ở RFI trong lối đưa tin, phỏng vấn. Ngoài ra, còn một số khác...

### II. Về nhân sự báo *Phụ Nữ*.

– Cần phải thay đổi ngay Tổng biên tập **Thế Thanh**. Cô này đã nhiều lần sai phạm, được kiểm điểm nhưng chứng nào tật ấy. Là con người cực đoan, hám danh, giác ngộ chưa cao, lập trường không vững. Biết cách khôn khéo lợi dụng danh nghĩa cha mình là đ/c Năm Truyền và các chú thân quen để làm một che chắn cho mình. Nước ngoài nhiều lần mời đích danh.

– Cô **Minh Hiền** Phó Tổng biên tập cùng chung một quan điểm với Thế Thanh. Lúc Thế Thanh đi vắng ở nhà có bài cô **Việt Nga** phê phán phim *Xích Lô*, cô Hiền không đăng.

– Phải thay **Lê Minh Quốc** đang phụ trách Ban Văn nghệ. Anh này là tác giả tập thơ bị phê phán về tính tục tĩu của nó và cuốn truyện bị cấm phát hành vì bôi xấu chế độ.

**III. Báo *Tuổi Trẻ* và *Phụ Nữ* đã thoát ly danh nghĩa của**

một tờ báo Đoàn và Hội với chức năng, tôn chỉ mà nó xin phép, để trở thành một tờ báo đề cập đến toàn bộ các vấn đề xã hội, chính trị, quốc tế, văn hoá. Trong khi đó, nó ít đặt nhiệm vụ làm công tác chính trị – tư tưởng cho thanh niên và Phụ Nữ không chú ý việc giáo dục lý tưởng yêu nước và xã hội chủ nghĩa (tất nhiên không ai đòi hỏi một sự giáo huấn trực tiếp, nặng nề, sống sượng), mà chạy theo mặt *thông tin* hấp dẫn theo một định hướng có nhiều mặt *phi chính trị* hoặc có phần — nhất là về văn hoá nghệ thuật — là *xa rời*, thậm chí *chống đối* với chính trị (của đường lối Đảng ta).

Nguyên việc *Tuổi Trẻ* và *Phụ Nữ* có đến ba thứ báo (báo ngày (3 số), báo *Chủ nhật* và báo *Cười* cũng là một biệt lệ). Trên thực tế, đó là 3 tờ báo chứ phải đâu 1 ?

**IV. Cách làm báo của phương Tây** hiện đại là đưa ra rất nhiều *thông tin*. Tờ báo là thông tin, có vẻ như không có định hướng, không rườm rà bình luận, không “nhắc vở” mà để bạn đọc tự suy gẫm. Có một sự dân chủ, cởi mở, nhanh nhạy về thông tin, đa dạng về thông tin, kể cả thông tin đời thường, sinh hoạt... rất cần cho người dân mà thường các tờ báo chính trị có phần “quan liêu” của ta không kịp thời chú ý.

Nhưng cách thông tin đó mà các báo, đài phương Tây sử dụng thành thạo, đối với chúng ta có mặt cần chú ý, bởi nó không phù hợp với lợi ích của chúng ta. Tờ báo của chúng ta phải có định hướng rõ và *vững*, nó là người tổ chức, người tuyên truyền, người đưa những ý kiến chỉ đạo của cấp uỷ trong các tình huống mà quần chúng và dư luận phân hoá, xao động, chưa phân rõ trắng đen. Nó dứt khoát phải là công cụ mạnh nằm trong tay Đảng. Báo *Tuổi Trẻ* và *Phụ Nữ* không đáp ứng yêu cầu đó.

**V. Đường hướng của báo *Tuổi Trẻ* và *Phụ Nữ*** từ 10 năm nay, đặc biệt từ khi có vấn đề Liên Xô – Đông Âu, khủng hoảng ở ta, đổi mới... là một đường hướng bao gồm các điểm chính sau đây :

– Ủng hộ triệt để đường lối của nhóm Gorbaciov trong vấn đề đi từ “cải tổ” đến “phản bội”, biến Liên Xô thành nước đi theo phương Tây và sụp đổ. Ngay cả đến khi Gorbaciov đã lộ rõ bộ mặt phản bội, tờ *Tuổi Trẻ*, *Phụ Nữ* vẫn tiếp tục thông tin về Liên Xô như bình thường. Chủ yếu là tán thành việc phủ định quá khứ cách mạng, tư nhân hoá kinh tế, và tự do hoá tư tưởng.

– Ở trong nước, ủng hộ triệt để đường lối đổi mới quá khích, cực đoan, vượt qua lần ranh và giới hạn mà các nghị quyết Đảng ta đã chỉ rõ, của những người như Trần Xuân Bách, Trần Độ, Nguyễn Ngọc... Đặc biệt, trên mặt trận văn hoá tư tưởng, dưới chiêu bài chống “bảo thủ”, chống “bao cấp”... đã hết sức cổ vũ cho luồng văn hoá văn nghệ có màu sắc chống chiến tranh cách mạng, có màu sắc chống cộng và bắt măn bêu hiện thực, vu cáo những người cộng sản, được phương Tây và bọn phản động người Việt ở hải ngoại o bế, tung hứng như :

- *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh
- Các tác phẩm của Dương Thu Hương
- Các tác phẩm xấu của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, một số tác phẩm có khuynh hướng “nổi loạn” hoặc

“nhìn hiện thực tuyệt vọng và thối rữa” theo chủ nghĩa hiện sinh của một vài tác giả trẻ mới lớn.

– Thông tin xuyên tạc nhiều lần về hoạt động của Hội nhà văn đặc biệt là các Đại hội IV và V ; hoàn toàn *biệt phái, chia rẽ* khi phỏng vấn, ưa quan điểm ý kiến một chiều theo một định hướng riêng trái ngược với quan điểm của Đảng qua các nghị quyết.

– Rất kiên trì, tích cực, kể cả dùng mánh lới, thủ đoạn để liên kết, lôi kéo người trong toàn quốc.

– Đưa những tin có lợi cho phương Tây về tư tưởng – văn hoá (như việc Phan Huy Đường dịch những tác phẩm của Thiệp, Hương..., đưa tin sứ quán Pháp, Bộ ngoại giao Pháp, mời nhà văn nào trước khi ta chính thức thông báo, đưa tin Bảo Ninh được giải báo The Independent, v.v...)

#### **VI. Về Kinh tế, Chính trị, xã hội...**

– nhiều lúc đưa tin lộ bí mật nhà nước

– đưa nhiều tin thất thiệt

– đưa tin nặng nề về mặt tiêu cực, mặt xấu, ít nêu thành tựu.

– những tin tức chính trị quan trọng của Đảng và Nhà nước được rút ngắn và đưa theo ý riêng của mình, không phản ánh đúng bản chất vấn đề (đưa titre theo kiểu báo chí phương Tây)

– Báo chí phản động của bọn lưu vong thường lợi dụng được tin trên *Tuổi Trẻ* và *Phụ Nữ*.

#### **Nhận định chung :**

1) Là pháo đài quan trọng, ngày càng có ảnh hưởng sâu rộng trong cả nước và cả nước ngoài chứ không phải chỉ riêng ở Thành phố Hồ Chí Minh.

2) Quan điểm chông chênh, mơ hồ, thể hiện từ đầu đến cuối tuy có lúc này lúc khác do áp lực của tình hình và của tổ chức, nhưng hoàn toàn nhất quán và không hề thay đổi về *bản chất*.

3) Đã thể hiện rõ rệt là những tờ báo có màu sắc đối lập, rất dễ chuyển biến sang đối lập thực sự (trong những năm 88-89-90 về cơ bản là như vậy) khi có tình hình phức tạp, nguy hiểm.

4) Nhân sự không tốt.

5) Đảng phải kiên quyết nắm lại công cụ này, không nên nhân nhượng, hữu khuynh, để càng lâu gốc càng sâu, tác hại càng lớn cho sự nghiệp chung. Một số đồng chí có quan điểm *mơ hồ về vũ khí cực kỳ lợi hại của báo chí và phương tiện truyền thông* cần được Đảng phê phán và Đảng không thể nào nghe theo ý kiến sai trái, đã gây rất nhiều tác hại của các đồng chí này. Ngược lại, cần thiết phải tính tới việc *chấn chỉnh* ngay bộ phận đầu não này, bởi vì tai họa đã, đang và sẽ từ đầu não mà ra (*Nghị quyết của Đảng* đã nhiều lần nói đến công tác tư tưởng và tổ chức của Đảng không ngang tầm nhiệm vụ Cách mạng, và việc bố trí cán bộ chủ chốt trong lĩnh vực này có sai lầm, nhưng không sửa chữa kiên quyết và triệt để).

TM. Ban Tư vấn,  
**BẢO ĐỊNH GIANG**

# HOÀNG XUÂN HÂN, cuộc đời và sự nghiệp

Học giả Hoàng Xuân Hân đã từ trần ngày 10 tháng 3 năm 1996, hồi 7 giờ 45, tại bệnh viện Orsay (nam Paris), thọ 88 tuổi.

Lễ hoả táng đã tổ chức chiều ngày 14.3 tại nghĩa trang L'Orme des meuniers (Orsay) trước lễ nhập tháp tại Trúc Lâm thiền viện. Cùng ngày, tại Hà Nội, Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật đã tổ chức lễ truy điệu. Lễ cầu siêu đã được tổ chức tại chùa Trúc Lâm chiều chủ nhật 24.3.1996.

Một trái tim đã ngừng đập, một bộ óc đã ngừng làm việc. Nhưng sự nghiệp khoa học, lịch sử, văn học, giáo dục của Hoàng Xuân Hân còn đó, đồ sộ hoành tráng, nền móng vững bền cho học thuật Việt Nam từ giữa thế kỉ 20. Và tâm lòng yêu nước nồng nàn, kiên định của Bác Hân còn đây, tấm gương ngời sáng cho những thế hệ hôm nay và mai sau.

Chúng tôi chân thành cảm ơn các tác giả, từ những lĩnh vực và thế đứng khác nhau, đã vui lòng viết bài để tưởng niệm người quá cố. Vì khuôn khổ hạn hẹp, những bài của các tác giả Bùi Trọng Liễu, Trịnh Văn Thảo, Cao Huy Thuận, Đào Văn Thủy, Nguyễn Thăng, Nguyễn Ngọc Giao... Diễn Đàn sẽ đăng số sau.

## « Nhân sinh thất thập cổ lai hi »

Người đời sống đến 70 tuổi xưa nay vốn hiếm. Dù câu nói ấy của Đỗ Phủ ngày nay không còn hoàn toàn đúng nữa với hiện tượng tuổi thọ mỗi ngày một tăng ngay cả ở Việt Nam, ta không thể không chột nghĩ đến nó sau cơn bàng hoàng khi nghe tin Bác Hoàng Xuân Hân qua đời. Bác dường như có cái chi vĩnh cửu, bất tử đối với những ai thường gặp bác chống gậy đi chùa hay đi dự các sinh hoạt văn hoá của Việt kiều và nhất là được dịp thán phục cái trí nhớ chính xác phi thường mà Bác vẫn giữ được cho đến những ngày cuối đời khi nói chuyện về lịch sử, văn học. Do bản lĩnh đặc biệt của riêng Bác và do những tình cờ vốn có trong « cõi người ta », ôn lại những nét chính của cuộc đời Bác trong chừng mực nào đó cũng là nhắc lại đoạn lịch sử, vừa hào hùng vừa bi thảm, của quê hương trong gần 90 năm.

## Quá trình đào tạo

Bác sinh năm 1908 trong một gia đình nho học ở xã Yên Phúc, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Từ 6 đến 9 tuổi (tức là từ 1914 đến 1917), Bác học chữ nho rồi chữ quốc ngữ với một gia sư.

Từ 9 đến 13 tuổi, Bác theo học trường tiểu học Pháp-Việt ở Vinh. Vào thời đó trong cả nước chỉ có chừng 30 trường như thế, thường nằm ở các tỉnh lỵ lớn. Trường dạy bằng tiếng Pháp nhưng giáo viên thì lại toàn là người Việt với dụng cụ sư phạm duy nhất là chiếc thước kẻ to tướng dùng để trừng trị học trò. Vì bị thầy đánh đòn dữ quá nên Bác phải ra Thanh Hoá học lớp Nhất cùng với ông Phạm Ngọc Thạch, sẽ làm Bộ trưởng Y tế cho Cụ Hồ vào những năm 60. Lúc đó thân phụ ông Phạm Ngọc Thạch làm hiệu trưởng trường Thanh.

Sau khi đậu bằng tiểu học, Bác vào « Trường Quốc học Vinh » qua thi tuyển. Lúc đó, cả nước chỉ có năm trường trung học gồm bốn lớp với 40 học sinh cho mỗi lớp. Như vậy, các trường này chỉ đào tạo mỗi năm tối đa chừng 200 thanh niên có trình độ cao đẳng tiểu học, tức là *brevet* của Pháp hiện nay.

Năm 1926, Bác vào học « Trường Bảo Hộ » ở Hà Nội, thường gọi là « Trường Bưởi ». Vì chỉ là một trường trung học Pháp-Việt (franco-annamite), học sinh Trường Bưởi cũng như trường Trương Vĩnh Ký ở Sài Gòn chỉ có quyền thi tú tài bản xứ (Baccalauréat local) chứ không được thi « tú tài tây » chỉ dành cho học sinh hai trường Albert Sarraut ở Hà Nội và Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn.

Năm 1927, Bác thi nhảy lớp đậu tú tài phần một và sau đó được nhận vào học ở trường Albert Sarraut, rồi đậu tú tài toán một năm sau đó. Như Bác vẫn thường kể lại, chính trong năm theo học ở Albert Sarraut Bác mới khám phá ra và loá mắt khâm phục giá trị của các giáo sư thạc sĩ người Pháp.

Nhờ được phần thưởng ưu hạng ở Albert Sarraut, Bác được cấp học bổng sang học các lớp dự bị ở trường Saint-Louis (Paris) và thi đậu vào Trường Bách khoa (*Ecole Polytechnique*) năm 1930. Vì biết rằng trong hoàn cảnh thuộc địa, với tư cách là người Việt nam, Bác khó có thể được bổ nhiệm vào những chức vụ quan trọng, nên sau khi tốt nghiệp Trường Bách khoa, Bác đã chọn vào học Trường Cao đẳng Cầu Đường (*Ecole Nationale Supérieure des Ponts et Chaussées*).

Năm 1934, Bác về nước và phải chờ hơn bốn tháng nhưng không được bổ nhiệm vào một chức vụ nào cả. Bác quyết định chọn nghề dạy học và bắt đầu bằng việc sang Pháp học lại để thi thạc sĩ toán. Chính trên chuyến tàu sang Pháp lần thứ hai, Bác đã chinh phục được trái tim của người nữ sinh viên đang trên đường sang Pháp học Dược và sẽ trở thành bạn trăm năm của Bác vào năm 1936. Chỉ trong hai năm (1934-1936), Bác học xong Cử nhân, Cao học ở Đại học Khoa học Paris và đậu thạc sĩ toán.

## Vừa dạy học vừa nghiên cứu

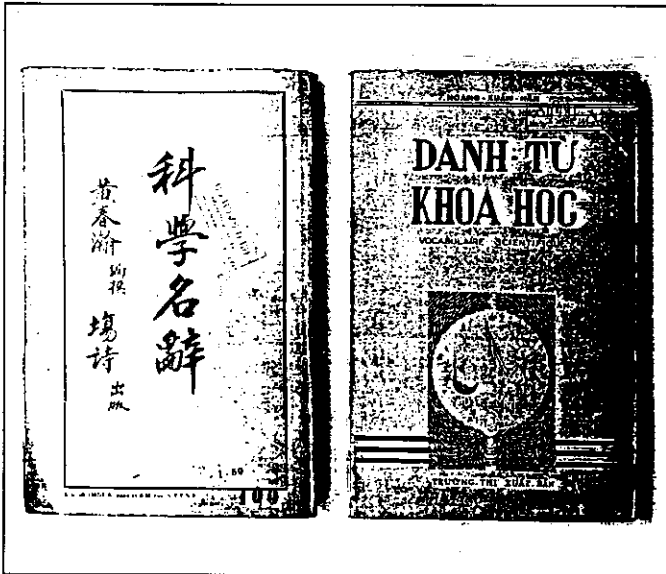
Sau khi « Mặt Trận Bình Dân » (*Front Populaire*) lên cầm quyền ở Pháp, một số cải cách dân chủ được thực hiện ở Việt Nam. Về mặt giáo dục, các trường trung học Pháp-Việt trở thành ngang hàng với các trường trung học của Pháp, bằng tú tài bản xứ bị huỷ bỏ... Trong tình hình đó, Bác về

nước và được bổ dạy ở Trường Bưởi, phụ trách hai lớp « Toán học Sơ đẳng » (*Mathématiques Élémentaires*).

Nhờ quá trình đào tạo đó, có thể nói Bác là hiện thân hiếm có của sự tổng hợp, hài hoà và ở mức độ cao, giữa « tây học » và văn hoá truyền thống. Và Bác đã tận dụng cái phương pháp khoa học tiếp thu được của phương Tây cũng như cái vốn hiểu biết sâu sắc về chữ Hán, chữ Nôm mà Bác tiếp tục trau dồi trong những tháng hè về sống ở quê nhà thời tiểu học, trung học, vào công việc nghiên cứu.

Ngay khi còn ở trung học, Bác đã ý thức được những khó khăn người Việt thường gặp khi diễn đạt tư tưởng của mình vì thiếu thuật ngữ chính xác. Và Bác đã bắt đầu tìm cách giải quyết vấn đề thuật ngữ khoa học cho tiếng Việt trong những năm học khá bận rộn ở trường Saint-Louis rồi Trường Bách khoa theo những hướng chính sau đây :

- \* Sử dụng tối đa những từ đã có và đã quen dùng trong tiếng Việt.
- \* Tiếp thu những từ mà người Nhật và người Trung Quốc đã tạo ra để dịch những khái niệm khoa học mới.
- \* Phiên âm trực tiếp những thuật ngữ khoa học mới mà sự sử dụng có tính chất quốc tế...



Sau khi về nước, Bác bắt tay vào việc soạn thảo quyển *Danh từ khoa học* cho đến năm 1940 thì xong, nhưng vì hoàn cảnh chiến tranh nên phải đợi đến năm 1942 mới ra mắt công chúng. Đặt nền móng cho thuật ngữ khoa học Việt Nam, quyển sách này đã đóng vai trò quan trọng trong việc dùng tiếng Việt để dạy học mà Bác là người khởi xướng chính yếu khi tham gia chính phủ Trần Trọng Kim với tư cách Bộ trưởng giáo dục và mỹ thuật.

Một sự kiện không kém phần quan trọng vì ảnh hưởng sâu rộng của nó đối với quần chúng nhưng ít người biết đến, đó là chính Bác đã đề xướng phương pháp « i tờ » nổi tiếng khi Bác làm trưởng ban tu thư của *Hội truyền bá quốc ngữ* được thành lập vào năm 1938. Được dùng để viết cuốn *Văn quốc ngữ dạy theo phương pháp mới*, phương pháp này đã góp phần không nhỏ vào nỗ lực thanh toán nạn mù chữ sau Cách mạng tháng Tám, đặc biệt thông qua những lớp học đêm của *Phong trào Bình dân Học vụ* còn để lại dấu vết trong câu ca dao khá dí dỏm sau đây :

*Bình Dân ! Khổ lắm anh ơi !*

*Không đi thi đốt đi thời bụng to*

Để người học dễ nhớ, Bác đã đặt những câu về vui vui như :

*\* I tờ có móc cả hai  
I ngắn có chấm, Tờ dài có ngang.  
O tròn như quả trứng gà  
Ô thì đội mũ, Ồ là thêm râu.*

*\* Huyền ngang, Sắc dọc, Năng tròn  
Hỏi lom khom đứng, Ngã... buồn nằm ngang !*

Từ năm 1936, song song với việc dạy toán và việc biên soạn cuốn *Danh từ khoa học*, Bác để tâm sâu tìm, nghiên cứu lịch sử và văn học Việt Nam. Công trình nghiên cứu đầu tiên mà Bác công bố là bài *Nguyễn Biểu : một gương nghĩa liệt và mấy bài thơ văn đời Trần* đăng trong *Khai Trí Tiến Đức tập san* số tháng 6-1941. Có thể nói phương pháp và phong cách nghiên cứu của Bác đã hiện ra khá rõ trong bài báo này. Trong lời tựa, viết vào năm 1945, của quyển *La Sơn phu tử* Bác sẽ trình bày quan niệm nghiên cứu và viết sử của mình như sau : « Tôi đã tham khảo các sách, so sánh với quốc sử và gia phả. Tôi tìm cách đoán chỗ thiếu, chữa chỗ sai, giữ lấy những lời tục truyền có lý, bác điều vô lý hay đính chính nó lại. Tôi không nói một điều gì mà không dẫn chứng. Có việc gì mà phải đi tới nơi tra xét, tôi cũng không quan ngại (...) Trong khi nền sử học ta mới khôi phục, tôi đã gắng để tránh cái họa lẫn sử ký với tiểu thuyết, và để tránh cái tật bạ đâu lấy đó ».

Quan niệm này sẽ lại được Bác khẳng định và triển khai thêm trong bài tựa của quyển *Lý Thường Kiệt* : « Những việc tôi kể trong sách hoàn toàn có chứng và được dẫn chứng (...) Không bịa đặt, không tây vị, hết sức rõ ràng ; đó là những chuẩn thẳng tôi đã theo trong khi viết cuốn sách này ».

Những tiêu chuẩn (hay chuẩn thẳng) mà Bác nêu ra đó dường như vẫn còn tính thời sự trong tình hình học thuật, xuất bản hiện nay của chúng ta ở trong cũng như ở ngoài nước : đáng ra chúng phải là những lời tâm niệm đầu tiên của mọi nhà nghiên cứu, đặc biệt trong các ngành khoa học xã hội.

Nhưng cống hiến đặc sắc nhất của Bác có lẽ là việc Bác đã phát hiện và, lắm khi, đã cứu nhiều tư liệu, văn bản cổ. Trong bài viết về Nguyễn Biểu chẳng hạn, Bác đã công bố bài *Nghĩa sĩ truyện* của Hoàng Trưng, chất ngoại của Nguyễn Biểu và đậu Hoàng Giáp năm 1498, cùng mấy bài thơ nôm Đường luật cổ vào cuối đời Trần. Với óc suy luận chính xác và trí sáng tạo cực kỳ nhạy bén, Bác thường đưa ra được những kiến giải mới mẻ, đúng đắn. Cũng trong bài viết về Nguyễn Biểu, Bác đã cắt nghĩa một cách rất khoa học tại sao, khi Trương Phụ cho trói vị anh hùng này dưới cầu, nước thủy triều đã không lên. Bác viết như sau : « Có lẽ đức Nghĩa Vương (tức Nguyễn Biểu) bị bắt sáng mồng một. Trương Phụ trói Ngài dưới cầu, tưởng để con nước buổi trưa lên ngập chết. Nhưng (...) nước thủy triều mỗi xứ mỗi khác, Trương Phụ lạ phong thổ nên không biết là ngày ấy buổi trưa không có con nước như mọi ngày. Thấy nước không lên, mà bị (Nguyễn Biểu) mắng nên tức mà đem đánh chết ».

Từ năm 1942 đến năm 1944, Bác là cây bút chủ chốt của báo *Khoa học* tập hợp một số nhà trí thức trẻ phần lớn đã tốt nghiệp Đại học tại Pháp. Ngoài những bài viết có tính cách phổ biến tri thức khoa học, Bác còn cho đăng trong báo mấy

bài nghiên cứu về âm lịch và dương lịch, một đề tài mà Bác đã có những phát hiện quan trọng như sẽ trình bày trong một phần sau.

Nhưng chính trong báo *Thanh Nghị*, Bác đã công bố vào năm 1943 những công trình nghiên cứu quan trọng về nguồn gốc văn Kiêu : Bác là người đầu tiên nói đến Văn phái Hồng Sơn. Lối nhìn độc đáo này, nhà nghiên cứu Nguyễn Huệ Chi sẽ tiếp thu trong bài *Nguyễn Huy Tự và Truyện Hoa tiên* đăng trong tạp chí *Văn học* (số 7, 1994).

Năm 1943, để tránh nạn máy bay Đồng minh oanh tạc Hà Nội, Trường Bưởi bị dời vào Thanh Hoá, nên Bác phải đi theo. « Trong khi nhàn rỗi, (Bác) đã để ý tìm tòi cổ tích mà (Bác) biết có nhiều trong vùng. (Bác) đã tìm ra bốn tấm bia còn rõ chữ, trong đó có ba bia ghi công Lý Thường Kiệt đối với các chùa ». Phát hiện quan trọng này đã thúc đẩy Bác viết quyển *Lý Thường Kiệt* sau này.

### **Thái độ và hoạt động chính trị**

Một câu hỏi không thể không đặt ra đó là : Từ khi về nước cho đến những năm trong thế chiến thứ II, tư tưởng, lập trường chính trị của Bác đã biến chuyển ra sao ? Như đã nói trên đây, năm 1938 Bác có tham gia *Hội truyền bá quốc ngữ* là một tổ chức văn hoá quy tụ chủ yếu những nhà trí thức có tinh thần dân tộc ôn hoà như Nguyễn Văn Tố, Trần Văn Giáp... cộng với một vài nhân vật cấp tiến có dính líu đến Đảng Cộng Sản Đông Dương như Phan Thanh, Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai, Nguyễn Hữu Đang... Có lẽ Bác hẳn gần những người trước hơn là những người sau.

Trong *Một vài kí vãng về Hội nghị Đà Lạt*, Bác đã tự nhận định như sau về mình : « Trong hồi làm giáo sư toán học, tuy tôi không làm chính trị nhưng cũng không hề giấu ý kiến về chính trị và thời thế, khi có dịp bày tỏ ý mình. Cũng nhờ vậy mà tránh được những cạm bẫy của hư danh » (tr.14).

Đúng như thế ! Bác không phải là nhà chính trị và càng không phải là nhà hoạt động cách mạng : trước sau, Bác vẫn chỉ là một nhà trí thức thiết tha với độc lập và thống nhất dân tộc nhưng ôn hoà, và nhất là không theo đảng phái nào cả.

Trong thời Nhật chiếm Đông Dương, thỉnh thoảng toàn quyền Decoux (theo Pétain) mời Bác đến gặp ; nhưng Bác cũng giao thiệp với cả tướng Mordant, người cầm đầu phe kháng chiến Pháp theo De Gaulle ở Đông Dương.

Với Decoux hay Mordant, Bác đều nói rõ lập trường của mình là « chỉ khi nào chính phủ Pháp đổi hẳn chính sách đối với các nước Đông Dương thì những người như (Bác) mới hợp tác được » (HNĐL, tr. 15).

« Hợp tác có điều kiện », nghĩa là « hợp tác nếu Pháp hứa trả độc lập, thống nhất », lập trường chính trị đó của Bác chắc chắn là không được sự đồng tình của phần lớn các đảng phái lúc bấy giờ, đặc biệt là của Việt Minh chủ trương « đánh đuổi cả Pháp lẫn Nhật ».

Cũng chính vì có lập trường như vậy nên sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9.3.1945) và « tuyên bố để Việt Nam tự chủ vận mệnh của mình » (HNĐL, tr.11), Bác đã nhận lời tham gia chính phủ Trần Trọng Kim, được thành lập ngày 17.4.1945. Theo Bác, mục đích của chính phủ này là một mặt giành lấy từ tay người Pháp theo Pétain bộ máy hành chính, giáo dục, y tế... và mặt khác tránh cho đất nước tình

trạng vô chính phủ rất nguy hiểm cho tương lai chính trị của Việt Nam, dù lúc đó mọi người đều biết là thế nào Nhật cũng sẽ bại trận.

Ta có thể bàn luận xem những tính toán trên đây có phù hợp với thực tế chính trị lúc đó hay không, nhưng ta không thể không cho động cơ chọn lựa và những điều Bác nghĩ là chân thành.

Có lẽ vì không theo đảng phái nào cả và vì đã tham gia chính phủ Trần Trọng Kim nên, sau khi chính phủ dân chủ cộng hoà thành lập, Bác đã « được bỏ quên, yên phận sửa soạn thi hành sự dạy và viết môn toán học bằng tiếng Việt, và nỗ lực cứu vớt những sách tàn giấy cũ mà bấy giờ nhân dân cho đã lỗi thời, đưa bán làm hồ, làm giấy lộn khắp đường Hà Nội », như chính Bác đã viết trong tập *Kí vãng về Hội nghị Đà Lạt* (tr.8).

Nhưng trước sự « kinh thị và công kích giữa các đảng phái » mà nếu để biến thành « đại loạn thì nước Việt Nam không còn hi vọng gì sống lại nữa », Bác đã đến gặp cố vấn Vĩnh Thụy và đề nghị cụ hoàng « nên khuyên chính phủ (Cụ Hồ) dàn xếp một cách ổn thoả và chính đáng với những người yêu nước thuộc những đảng khác để cùng đối phó với thời cơ cực kì gian nan » (HNĐL tr.9).

Qua trung gian của cố vấn Vĩnh Thụy, chiều ngày 13.10.1945, Bác hẳn đã gặp chủ tịch Hồ Chí Minh trong hơn một giờ và trình bày các ý chính sau đây như Bác đã ghi lại trong tập *Kí Vãng* :

« Nay ta chưa độc lập, đang cần dư luận ngoại bang bênh vực. Nếu ta tỏ ra bất lực, hoặc có thái độ độc tài thì khó lòng họ giúp mình » ( HNĐL, tr. 10).

Mặc dù chính phủ có « chủ trương chính trị đại thể hợp lẽ, nhưng hành động hình như tưởng đã thành công cho nên sợ chia trách nhiệm và chính quyền », không hiểu rằng « đường đi đến độc lập và thống nhất còn dài và khó » (HNĐL, tr.11).

Qua lần gặp gỡ Cụ Hồ đầu tiên này, Bác ghi nhớ hình ảnh « một vị cách mệnh thâm niên gầy ốm, nhưng tinh thần tinh anh, mặc tũn, thâm trầm và cử chỉ ôn tồn, gãy gọn và kiên quyết » (HNĐL, tr.11).

Nhận xét về Hiệp định ký kết ngày 6.3.1945, Bác viết như sau : « Lấy tình cảm mà xét, hầu hết quốc dân đã thất vọng vì hai ước nguyện vọng độc lập và thống nhất có thời gian tưởng đã đạt, nay bị tiêu tan ». Nhưng Bác cũng thấy rằng « chính phủ liên hiệp kháng chiến chỉ có hai con đường : một là chống lại bằng võ lực nhưng rồi phải bỏ các đô thị để kháng chiến (...); hai là chịu lép đương thời để được Pháp và quốc tế nhìn nhận có nước Việt Nam, rồi dựa vào dư luận dân Pháp và dân toàn cầu và nhất là vào sự đồng tâm kiên quyết không chịu nô lệ của quốc dân, để tái lập dần dần sự hoàn toàn độc lập » (HNĐL, tr.7).

Chính vì chọn lựa con đường thứ hai nên Bác đã chấp nhận tham gia phái đoàn Việt Nam ở Hội nghị Đà Lạt từ 18.4 đến 11.5.1946, do Nhất Linh Nguyễn Tường Tam làm trưởng đoàn và gồm 24 trí thức có tên tuổi thời bấy giờ trong đó có cả ông Võ Nguyên Giáp.

Đối với Bác, ba tuần thương thuyết ở Đà Lạt là một chuỗi ngày đầy đau đớn và phần nộ trước thái độ trịch thượng, khinh thị của một số người trong phái đoàn Pháp, nhưng đồng



thời cũng đầy hy vọng về triển vọng hợp tác đoàn kết giữa những nhân vật thuộc đảng phái và khuynh hướng chính trị khác nhau, vì quyền lợi dân tộc.

Về điểm sau, lịch sử đã chứng minh là Bác quá lạc quan, có lẽ vì nhiều thiện chí và tinh thần dân tộc. Bi kịch mà nhân dân Việt Nam đã phải sống trong gần nửa thế kỷ đã đành chủ yếu phát xuất từ cuồng vọng tiếp tục thống trị Việt Nam của không ít người Pháp sau thế chiến thứ II, nhưng cũng không thể chối cãi được rằng song song với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc rõ ràng là tất yếu còn có một cuộc đấu tranh giành quyền bính và ngay cả độc quyền chính trị.

Trong cuộc đấu tranh giành quyền bính đó, tuy ít khốc liệt hơn nhưng hậu quả thì rất lâu dài và nguy hại cho tiền đồ dân tộc, một người trí thức ôn hoà và độc lập như Bác thật khó tìm ra chỗ đứng cho phép đóng góp xứng đáng phần mình vào sự nghiệp chung. Có thể nói cái cảnh ngộ, cái tâm sự của Bác Hãn hơi giống La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp mà Bác là miêu duệ : « *Phu tử đã trải qua biết bao cảnh ngộ khó xử, mà phu tử đã xử một cách ung dung (...) Phu tử chỉ trọn đời mộ đạo và tìm phương hành đạo. Hành không được là tại không gặp thời* » (LS, tr. 205), nhưng « *chung qui vẫn trọn tiết* » (LS, tr. 9). Xét cho cùng, cái đạo của La Sơn phu tử và cũng của Bác Hãn có thể thu gọn lại trong hai chữ giúp đời .

Sau khi Hội nghị Đà Lạt thất bại, Bác lại « *được rút lui về chăm việc văn hoá* » (HNĐL, tr. 76). Hành động chính trị chính thức cuối cùng của Bác có lẽ là việc tham gia buổi tiếp đò đốc d'Argenlieu của Cụ Hồ tại phủ chủ tịch ngày 19.5.1946. Tóm lại, Bác chỉ « *tham chính* » thực sự cả thảy chỉ hơn nửa năm. Sau đó, Bác dồn hết tâm trí vào công tác nghiên cứu lịch sử và văn học Việt Nam và có lẽ đây là đóng góp quan trọng nhất của Bác.

Từ bài đầu tiên về Trường Vinh đăng trong báo *Nghê-Tĩnh* năm 1931, Bác đã viết cả thảy hàng chục quyển sách và hàng trăm bài báo đủ loại, dài ngắn khác nhau. Tôi xin được tập trung giới thiệu ba công trình mà tôi cho là tiêu biểu nhất : **Lý Thường Kiệt, Chinh phụ ngâm bị khảo, Lịch và lịch Việt Nam.**

### Lý Thường Kiệt

Trong lời tựa của quyển **Lý Thường Kiệt**, viết vào năm 1949, Bác nói rõ là « *chính cuộc chiến tranh giành độc lập của dân tộc ta (...) đã giục tôi vội đưa bản thảo hiến độc giả* » và Bác mong : « *Đọc xong đoạn sử này độc giả sẽ thấy, cách đây ngót nghìn năm, cha ông ta đã đủ tài năng, nghị lực để xây dựng, tổ chức và gìn giữ khoanh đất gốc cõi của tổ quốc ta ngày nay ; độc giả sẽ nhận thấy huyết quản của chiến sĩ ta bây giờ vẫn chan hoà máu nóng của tổ tiên, máu nóng mà không lẽ có người không mang một giọt. Dầu trong nhất thời, có kẻ lỗ lã làm hại nước, hoặc con dân một nước có ý tưởng dị đồng, trước nạn bại vong, giọt máu ấy cũng đủ gây nên chí quật cường, lòng tương ái. Vẫn biết tương lai là thế giới đại đồng ; nhưng trước lúc ấy, nước mình phải là một nước thật* » (LTK, tr. 15).

« Một nước thật » rõ ràng phải là một nước độc lập, thống nhất, và, nơi Bác, tinh thần dân tộc chân chính không mâu thuẫn với tinh thần quốc tế, đại đồng đích thực .

Có thể nói, mặc dù nhằm mục đích « *phục vụ chính trị* »,

**Lý Thường Kiệt** là công trình nghiên cứu lịch sử Việt Nam đầu tiên được viết một cách công phu và nhất là với phương pháp khoa học (nói có sách mách có chứng ; hiệu đính, chỉnh lý tư liệu một cách nghiêm túc, chính xác ; lập luận vững vàng, nhất quán ; khách quan trong nhận định, đánh giá...).

Như Bác tự nhận xét, « *tuy nhan đề Lý Thường Kiệt, nhưng thật ra là sử bang giao với Tống của nước ta về thế kỷ 11, trong triều Lý* » (LTK, tr. 9). Tuy nhiên nhận xét đó vẫn chưa đủ : phải nói đây còn là cả một kho tàng tri thức chính xác và đầy kiến giải mới lạ, độc đáo về địa danh, chính trị, quân sự, xã hội, văn hoá, văn học, tôn giáo... của nước ta cách đây 10 thế kỷ. Tầm quan trọng của quyển sách này càng lớn hơn nữa, nếu ta không quên rằng sử liệu của ta, đặc biệt về thời kỳ này, « *ít và sơ sài* » với « *những chi tiết (...) phần lớn không hoàn toàn tin cậy được* » (LTK, tr. 11). Do đó Bác đã sử dụng nguồn sử liệu khá dồi dào của Trung Quốc, được soạn dưới đời Tống và đời Nguyên, đặc biệt là bộ sách khổng lồ gồm 520 quyển của Lý Đào (*Tục tư trị thông giám trường biên*), « *một kho tài liệu cực kỳ đầy đủ* » (LTK, tr. 15). Nhưng đóng góp có ý nghĩa nhất, có thể nói là mẫu mực, của cuốn **Lý Thường Kiệt** đó là nỗ lực vạch ra những điểm mâu thuẫn, sai lầm của sử liệu nhằm đạt đến những tri thức (tương đối) chính xác và, nhờ vậy, đặt được những viên đá tảng vững chắc cho nền học thuật Việt Nam cho đến nay dường như vẫn chưa trưởng thành : rõ ràng nếu không cố gắng tập hợp, dịch thuật, chỉnh lý tư liệu một cách nghiêm túc, thì sợ rồi ra vẫn còn nhiều người tiếp tục xây những lâu đài trên cát.

### Chinh phụ ngâm bị khảo

Về văn bản học, những đóng góp của Bác Hãn cũng đặc biệt quan trọng. Trong lời nói đầu của cuốn **Thi văn Việt Nam, (Từ đời Trần đến đời Mạc)**, Bác đã trình bày quan niệm của Bác như sau : « *...về văn từ, thì tôi rất chú trọng để giữ được nguyên cổ văn. Sự ấy rất khó, vì phần lớn các (bài) văn đã bị phiên âm thất cách, hoặc còn chữ nôm, nhưng đã bị sao lại nhiều lần. Các người phiên âm hay sao thường không hiểu tiếng cổ, nên tự ý chữa đi. Tôi đã cố tìm những bản nôm, cũ được chừng nào hay chừng ấy ; hoặc tìm nhiều bản gốc khác nhau để so sánh. Tôi đã kê các tiếng cổ thành tự vị, rồi vin vào cách viết nôm, ý trong các câu mà đoán âm và nghĩa để tái lập được nguyên thoại. Tuy việc làm ấy có tính cách bấp bênh, nhưng tôi tin rằng đã đạt được một phần mục đích* » (tr. 6).

Cuốn **Chinh phụ ngâm bị khảo** có lẽ là tác phẩm tiêu biểu nhất cho những công trình nghiên cứu văn bản học của Bác. Như Bác đã trình bày trong lời tựa, quyển sách này nhằm ba mục đích.

Trước hết Bác chứng minh rằng Phan Huy Ích mới thực là tác giả của bản dịch **Chinh phụ ngâm** vốn được xem là của Đoàn Thị Điểm, với nhiều luận cứ bổ sung cho nhau : bản **Chinh phụ ngâm diễn nôm** đã phiên âm ra chữ la tinh do ông Phan Huy Chiêm gửi cho Bác vào mùa hè 1953, gia phả họ Phan Huy có ghi rõ là Phan Huy Ích đã từng dịch **Chinh Phụ Ngâm**, Bác đã tìm được một bản dịch **Chinh phụ ngâm** có chứng cứ cho phép suy ra là của Đoàn Thị Điểm, do tình hình ngôn ngữ và thi ca vào nửa đầu của thế kỷ XVIII Đoàn Thị Điểm khó có thể diễn nôm hay như Phan Huy Ích đã làm

vào đầu thế kỷ XIX, nghĩa là sau bản dịch của bà khoảng sáu mươi năm.

Mục đích thứ hai là công bố cả bốn bản dịch *Chinh phụ ngâm* (Phan Huy Ích, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Khản (?), Vô danh) đã được Bác tái lập nguyên thoại.

Mục đích cuối cùng là giải thích những từ hay những ý khó hiểu. Bảng ghi các từ cổ ở cuối cuốn sách là một đóng góp quý giá về từ vựng học

Chính nhờ sự hiệu đính công phu của Bác, mà ta biết được chẳng hạn : câu « *Trống Tràng thành long lay bóng nguyệt* » phải đọc là « *Trống Tràng An long lay bóng nguyệt* » hoặc câu « *Ngoài đầu cầu, nước trong như lọc* » phải đọc là « *Ngòi (tức là lạch nước nhỏ) đầu cầu, nước trong như lọc* » thì mới đúng với ý thơ của Đặng Trần Côn hoặc mới hợp lý !

### **Lịch Trung Quốc và lịch Việt Nam**

Đăng trong *Tạp san Khoa học Xã hội*, số 9, tháng 12.1982, bài *Lịch và Lịch Việt Nam* đã tổng hợp những tìm tòi suy nghĩ của Bác trong hơn 50 năm về vấn đề có tính cách kỹ thuật và mấu chốt này khi nghiên cứu lịch sử nước nhà : đó là việc chuyển ngày tháng âm lịch sang dương lịch của những sự kiện lịch sử ghi trong các tư liệu của ta cũng như của Trung Quốc. Muốn viết về đề tài này không những phải thông thạo về thiên văn học cũng như lịch pháp của Đông, Tây, kim, cổ... mà còn phải nắm vững lịch sử và sử liệu của Việt Nam và Trung Quốc. Ở Việt Nam, có lẽ ngoài Bác Hãn ra không mấy người có thể làm được.

Qua công trình nghiên cứu này ta học được lắm điều hay về mối quan hệ giữa lịch Việt Nam và lịch Trung Quốc.

Theo giả thuyết của Bác, từ đời Đinh cho đến hết đời Lý Thái Tông, các vua Việt dùng lịch do các vua Tống cấp cho hàng năm. Nhưng từ khi Lý Thánh Tông lên ngôi (tức là từ năm 1054) mở ra một thời thịnh trị, hùng cường với các cuộc đánh Tống bình Chiêm, nên có lẽ tự coi mình là bậc thiên tử như các hoàng đế Trung Quốc, chúng ta có một số luận cứ để nghĩ rằng vị vua này đã tìm cách tính lịch cho nước ta theo lịch pháp đời Tống, được dùng cho đến khoảng năm 1306 khi người mình học được phép làm lịch mới do Quách Thủ Kính đặt ra gọi là lịch Thụ Thời. Như vậy có lẽ từ năm 1281 đến 1306 lịch Việt Nam không giống lịch Trung Quốc. Lịch Thụ Thời được đổi tên thành Hiệp Kỷ vào năm 1339, rồi thành Thuận Thiên vào năm 1401 và cuối cùng thành Khâm Thụ sau khi nhà Lê trung hưng (1593). Ở Trung Quốc, lịch Thụ Thời được đổi tên thành lịch Đại Thống vào năm 1384, tức là mười mấy năm sau khi nhà Minh diệt xong nhà Nguyên, nhưng vẫn theo lối tính của Quách Thủ Kính. Ngay sau khi triều Thanh được lập ra, vua Thuận Trị liền sai giáo sĩ người Đức là Thang Nhược Vọng (Johann Adam Schall von Bell, 1591-1666) lập ra lịch Thời Hiến theo cách tính của phương Tây dựa trên những phát minh của Copernic (1473-1543), Képler (1571-1630)... Trong khi đó ở Việt Nam vẫn dùng lịch tính theo lối cũ cho đến năm 1812. Như vậy, nếu từ năm 1306 đến năm 1643 lịch Việt Nam và lịch Trung Quốc trùng nhau, thì ngược lại từ 1644 đến 1812 lịch Việt Nam khác với lịch Trung Quốc trừ ba năm (1665-1668) triều Thanh dùng lại lịch Đại Thống do sự thắng thế của phái cự lịch bảo thủ. Từ năm 1813 cho đến năm 1945, Việt Nam dùng lịch Thời

Hiến của Trung Quốc, lấy tên là Hiệp Kỷ. Dựa vào những kết luận cơ bản trên đây cũng như những tri thức vững vàng về thiên văn và lịch pháp, Bác đã phê bình với tinh thần ôn hoà cố hữu những sai lầm của các tác giả *Bảng đối chiếu Âm Dương lịch* và đề nghị một số sửa đổi về định nghĩa, cách đổi ngày âm ra ngày dương hoặc ngày dương ra ngày âm, sao cho « *đễ hiểu, dễ nhớ, gọn tính, dễ dùng* » (tr. 74).

Khoảng hơn hai tuần trước khi Bác qua đời, tôi có điện thoại hỏi ý kiến Bác để kiểm chứng một số dữ kiện dân tộc học. Bác đã trả lời rất cặn kẽ, rất chính xác những câu hỏi của tôi. Cho đến những ngày cuối cùng Bác vẫn không ngừng tìm tòi nghiên cứu. Đối với tôi phong cách cần cù, nhẫn nại và bền bỉ đó luôn luôn là một mẫu mực. Tôi vốn thuộc loại người có tính xấu là hay cãi và hay lý sự, thế mà trong đúng hai mươi năm quen Bác, mỗi lần ra về sau khi trò chuyện say sưa cùng Bác thường là kéo dài hàng vài giờ vì lắm chuyện phải hỏi, phải học, tôi đều cảm thấy lòng mình thanh thản và phần chấn hơn.

Bác sang Pháp lần thứ ba vào năm 1951, đến nay như vậy là vừa đúng 45 năm nghĩa là hơn nửa cuộc đời khá dài của Bác. Thế mà Bác chưa một lần về thăm lại quê hương. Điều đó cứ làm tôi băn khoăn hoài. Đã đành là từ 1951 đến 1975, đất nước bị chiến tranh, rồi chia đôi và chiến tranh ; ở vào cái thế của Bác, về miền Nam hay về miền Bắc thời đó đều có một đôi phần bất tiện... Nhưng sau 75, từ khi đất nước đã độc lập, thống nhất rồi, tại sao Bác vẫn tiếp tục không về. Vì Bác ngại làm đơn xin thị thực chẳng ? Rủi ra bị từ chối (điều có thể xảy ra ngay sau 1975) thì cũng bẽ bàng ! Hay là Bác ngại phải nhìn lại quê hương Nghệ Tĩnh của Bác đã quá « *bể dâu* » ? Tại sức khoẻ chẳng ? Hay là tại mắt Bác mỗi ngày một yếu (nhất là từ gần mười năm sau này) ? Hay là vì bận bịu thuở trước không còn mấy người nữa nên không còn ai tri kỷ ?... Và từ mấy ngày nay tôi lại có thêm một băn khoăn mới : Liệu hộp đựng tro tàn của Bác sẽ vĩnh viễn nằm trong ngôi tháp của chùa Trúc Lâm ở ngoại ô Paris ? Thú thực chỉ có tôi là tún mủn băn khoăn như thế, chứ tôi chưa từng nghe Bác bận tâm hoặc phàn nàn về những chuyện đó bao giờ. Thế mới biết không phải ai cũng có thể đạt đến sự an nhiên tự tại !

**Nguyễn Trọng Nghĩa**

(22.3.1996)

\* *La Sơn phu tử* (viết tắt LS), Paris, Minh Tân, 1952, tr. 6-7.

\* *Lý Thường Kiệt*, Hà Nội, Sông Nhị, 1950, tr. 14.

\* *Thiên tình sử Hồ Xuân Hương*, Nhà xuất bản Văn Học, 1995, tr. 39-40.

\* Đăng lại trong *Diễn Đàn* số 45, 1.10.1995, tr. 40-43 và 48.

\* *Một vài kí vãng về Hội nghị Đà Lạt* (viết tắt HNĐL), *Tạp san Sử Địa*, số 23/24, Sài Gòn, 1971, tr. 14.

\* Về giai đoạn 1945-46, có thể đọc thêm : Nguyễn Trọng Nghĩa, *Mấy điều tâm đắc về Bác Hoàng Xuân Hãn*, *Diễn Đàn* số 13, 1.11.1992, tr. 22-25.

\* *Thi văn Việt Nam (Từ đời Trần đến đời Mạc)*, Hà Nội, Sông Nhị, 1951.

\* Nguyễn Trọng Bình, Nguyễn Linh và Bùi Viết Nghị, *Bảng đối chiếu Âm Dương lịch*, Hà Nội, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1976.

PHAN HUY LÊ

# Tấm gương sáng cho các trí thức Việt Nam, cho các thế hệ sử gia Việt Nam hôm nay và cả mai sau

Được tin giáo sư Hoàng Xuân Hãn từ trần, dù tôi biết giáo sư đã rất cao tuổi, tôi vẫn cảm thấy quá ư đột ngột và thương tiếc vô hạn.

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn là một học giả bách khoa, một nhà bác học trên nhiều lĩnh vực của khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn. Giáo sư là một nhà khoa học lớn, một nhà văn hoá lớn của đất nước. Trong sự nghiệp khoa học và văn hoá lớn của giáo sư, tôi chỉ xin nói đôi điều về lĩnh vực sử học.

Về mặt này, giáo sư Hoàng Xuân Hãn là một nhà sử học lớn, và đối với tôi, giáo sư là một nhà sử học bậc đàn anh, bậc thầy, đồng thời là một người đồng nghiệp, một người đồng hương. Tôi vẫn thường gọi giáo sư là Bác Hãn với tấm lòng kính mến và thân thiết. Không có dịp nào sang Pháp mà tôi không đến thăm Bác Hãn tại nhà riêng ở Paris. Nói về sử học, không có một nhà sử học Việt Nam nào, và cũng không có một nhà Việt Nam học nào trên thế giới lại không biết đến những công trình nghiên cứu sử học có giá trị to lớn của Hoàng Xuân Hãn, mà tiêu biểu nhất là tác phẩm *Lý Thường Kiệt, La Sơn phu tử, Lịch và Lịch Việt Nam* cùng với nhiều bài khảo cứu về khởi nghĩa Lam Sơn, về phong trào Tây Sơn và về nhiều vấn đề và nhân vật lịch sử. Bất cứ một công trình nghiên cứu nào, từ những tác phẩm lớn đến những bài viết rất ngắn, Bác đều có những tìm tòi, khám phá mới về tư liệu, và trên cơ sở đó cố gắng khôi phục lại sự thực lịch sử, làm sáng rõ nhiều giai đoạn, nhiều sự kiện và nhân vật lịch sử đã từng bị thời gian che phủ hay bị nhận thức sai lầm. Những công trình nghiên cứu sử học của Bác Hãn có ảnh

Tác giả là giáo sư Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Bài này ghi lại lời phát biểu của ông trên Đài RFI ngày 17.3.96. Tựa đề là của *Diễn Đàn*.

hưởng sâu sắc trong giới sử học Việt Nam, nhất là về tinh thần và phương pháp nghiên cứu sử học. Có một lần ở Paris, khi trao đổi về con đường nghiên cứu khoa học của Bác, tôi có hỏi : « *Bác là một nhà toán học, một nhà vật lý nguyên tử, một kỹ sư cầu cống, tại sao Bác lại say mê và dành phần lớn tâm sức và cuộc đời của mình vào nghiên cứu lịch sử và văn hoá dân tộc ?* ». Tôi còn giữ được cuộn băng ghi âm này. Bác trả lời rất tâm tình : « *Sau khi từ Pháp trở về nước dạy học, tôi tìm đọc lịch sử Việt Nam. Tôi đọc sách Trần Trọng Kim, Lê Thuộc, tôi kính trọng tác giả, nhưng cảm thấy phương pháp khảo cứu và biên soạn của ta cần phải được nâng cao, cần phải khoa học hơn, và hiện đại hơn* ». Đó là tóm tắt ý trả lời của Bác Hãn. Chính cái ý đó cùng với tấm lòng đối với đất nước, đối với lịch sử và văn hoá dân tộc đã thúc đẩy Bác Hãn đi vào nghiên cứu lịch sử với hoài bão thúc đẩy sự phát triển của sử học và hiện đại hoá phương pháp nghiên cứu sử học. Về phương diện này, tôi nghĩ rằng tư duy toán học cùng với những tri thức uyên bác về khoa học đã giúp Bác Hãn tạo lập cho mình một phong cách và một phương pháp luận sử học rất khoa học và hiện đại. Bác coi trọng sử liệu và dày công thu thập sử liệu. Mỗi công trình của Bác, dù lớn hay nhỏ, đều dựa trên những tư liệu phong phú được giám định và khai thác công phu, nghiêm túc làm cho người đọc rất tin cậy, và những kết luận rút ra có sức thuyết phục cao về mặt khoa học.

Cuốn sách *Lịch và Lịch Việt Nam* theo tôi là một công hiến có ý nghĩa lớn lao của Bác. Trên phương diện này, Bác đã vận dụng toán học và máy tính điện tử để lập lại hệ thống lịch Việt Nam, chứng minh một cách có căn cứ rằng có những thời kỳ lịch Việt Nam khác với lịch Trung Quốc, và đưa ra những phương pháp, những công thức tính toán và chuyển đổi âm-dương lịch một cách chuẩn xác, tiện lợi. Đây chính là cơ sở khoa học mà Bác đã đặt nền móng để xây dựng nền lịch học Việt Nam, và theo tôi đó cũng là một cơ sở không thể thiếu được để phát triển nền sử học Việt Nam, vì lịch sử chính là quá trình đời sống xã hội và những hoạt động của con người diễn ra trong không gian và trong thời gian.

Những thành tựu nghiên cứu sử học của giáo sư Hoàng Xuân Hãn là một di sản vô giá của nền sử học và văn hoá Việt Nam. Bác là lớp người đi đầu trong công cuộc xây dựng nền sử học hiện đại Việt Nam. Tên tuổi, con người, sự nghiệp văn hoá khoa học của Bác Hãn, những công trình nghiên cứu sử học cùng với tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm cao đối với dân tộc, động cơ và mục tiêu nghiên cứu vì chân lý, vì sự thật lịch sử, vì lợi ích của đất nước và của con người, của Bác Hoàng Xuân Hãn mãi mãi là tấm gương sáng cho các trí thức Việt Nam, cho các thế hệ sử gia Việt Nam hôm nay và cả mai sau.

NGUYỄN HUỆ CHI

## Con người Hoàng Xuân Hãn

Trong hàng ngũ các nhà khoa học Việt Nam, thì ông là một nhân vật *quá* cũ, một con người ưu tú của thế kỷ này. Về tuổi tác, nếu nói một cách vắn vẽ, thì ông đã đạp chân và chạm đầu vào hai thập kỷ mở và kết của thế kỷ XX. Cho nên, việc ra đi của ông cũng giống như một cuộc bàn giao trách nhiệm của một thế kỷ sắp dứt cho những thế hệ sẽ bước tiếp vào thế kỷ tới.

Muốn hiểu được Hoàng Xuân Hãn nhà khoa học, thì trước hết phải hiểu Hoàng Xuân Hãn con người.

Hoàng Xuân Hãn là một người *hoà nhi bất đồng*, một nhân cách trung trực. Ông trực ngôn nhưng ôn tồn, có chính kiến đầy nhưng mà không gay gắt. Nhìn ai, ông cũng nhìn mặt tốt, mặt hứa hẹn và bỏ qua những mặt khuyết điểm của họ. Trước năm 1945, nói chuyện với tướng Mordant (1), ông yêu cầu Mordant muốn cộng sự Việt-Pháp, thì Pháp hãy bắt chước Anh cam kết trả độc lập cho Việt Nam. Tháng 10 năm 1945, được Chủ tịch lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà tiếp, ông cũng thẳng thắn nói hết tất cả những vấn đề đang làm mình nghĩ ngợi như là vấn đề vận nước, vấn đề phe phái tranh chấp, và vấn đề đối xử với trí thức. Tháng 4 năm 1946, được cử làm trưởng ban chính trị Phái đoàn Việt Nam tại Hội nghị Pháp-Việt tại Đà Lạt, cùng với nhiều người khác, ông hết sức tranh đấu cho tự do và độc lập của dân tộc, và cho sự trì hoãn của một cuộc đối đầu. Nhưng ông còn hiểu rất rõ tâm huyết, nhiệt tình ái quốc và cả nỗi ưu tư của các thành viên trong phái đoàn vốn rất khác nhau: từ Nguyễn Tường Tam (tức là Nhất Linh) đến Võ Nguyên Giáp, Bùi Công Trừng, Nguyễn Văn Luyện, Dương Bạch Mai, Nguyễn Mạnh Tường. Hoàng Xuân Hãn quả là một

con người sống có chủ kiến, không để mất mình vì thiên kiến, và cũng không dễ bị lay đảo trước một ý kiến mà mình không thuận. Những đặc điểm đó của cá tính, đi vào khoa học, đã làm nên phong cốt của ngòi bút ông. Tôi nghĩ sở dĩ ông đạt được những công trình xuất sắc hơn người và đứng được mãi là vì trước tiên, ông đã thay đổi hẳn phương pháp tư duy khoa học của thế hệ các nhà khảo cứu cũ. Ông không coi sự mô tả các hiện tượng là toàn bộ công việc nghiên cứu, cũng không coi sự suy nghĩ tư biện, sự bình tán là mấu chốt giá trị của mỗi công trình. Phải tìm ra được những tài liệu xác chứng giúp người ta đi vào nơi tung thâm của mọi hiện tượng, đó mới là việc đáng làm. Với ông, tài liệu *độc đắc* và ý kiến khó lòng phản bác phải quyện vào nhau.

Vào năm 1944, ông sao được bản nôm cuốn *Song tinh bát dạ cổ*, rất quý, do thi sĩ Đông Hồ gửi cho hội Khai trí tiến đức. Ông phiên âm, nhưng rồi cứ để đấy. Phải chờ hơn bốn thập kỷ sau (2), đất nước đã hoà bình, ông mới gửi

cả bản phiên âm lẫn bản nôm về cho nữ sĩ Mộng Tuyết, quả phụ cố thi sĩ Đông Hồ, để bà công bố.

Tuy rất quý trọng tài danh nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, ông vẫn phải dành vinh dự về người dịch bản *Chinh phụ ngâm* hiện hành cho Phan Huy Ích vì ông thấy không thể nào khác hơn được. Là một người mang cốt cách nho phong, khi viết mỗi công trình khoa học, ông đều có gửi gắm vào đó một chút tâm sự. Chẳng hạn như công trình *Lý Thường Kiệt có đề tặng tất cả những người hy sinh cho Tổ quốc*. Hay như công trình *La Sơn phu tử* là có ý muốn nêu cao cái nhân cách của Nguyễn Thiếp, một vị phu tử vui lòng ra làm cố vấn cho Nguyễn Huệ, nhưng không phải đi theo Nguyễn Huệ hoàn toàn. Nhân cách ấy, Hoàng Xuân Hãn muốn nêu lên để làm gương cho mình.

Năm 1994, gặp giáo sư Hoàng Xuân Hãn ở Paris, ông đã vui lòng hợp tác với chúng tôi trong công trình *Nguyễn Du toàn tập* mà trong đó ông giữ việc khảo đính *Văn chiêu hồn* và *Truyện Kiều*. Cho đến nay, *Văn chiêu hồn* đã hoàn thành trọn vẹn và gửi về cho chúng tôi. Còn *Truyện Kiều* thì rất buồn là ông mất đi, tôi chưa biết tính sao, nhưng hy vọng sẽ lại liên hệ được với gia đình bà quả phụ Hoàng Xuân Hãn để có thể tiếp tục những công việc ông còn dang dở.

### 幸遇黃先生

讀公三十載  
今日幸相逢  
詳見豈在目  
一言心已同  
笑談今古事  
老少各俱忘  
臨別紛紛雨  
回頭凜凜公

Paris 7-9-1994  
阮惠之敬拜

### Hạnh ngộ Hoàng tiên sinh

Độc công tam thập tải,  
Kim nhật hạnh tương phùng.  
Tường kiến khởi tại mục,  
Nhất ngôn tâm dĩ đồng.  
Tiểu đàm kim cổ sự  
Lão thiếu các câu vong.  
Lâm biệt phân phân vũ,  
Hồi đầu lẫm lẫm công.

### Gặp Bác Hoàng

Độc ông từ thuở nhỏ,  
Nay mới được gặp người  
Ngắm nghĩa đầu bằng mắt,  
Hiểu nhau chỉ một lời.  
Vui bàn duyên kim cổ,  
Già trẻ quên tuổi đời  
Từ giã mưa lất phất,  
Đăm đăm, một bóng ai.

NGUYỄN HUỆ CHI  
Paris, 7.9.1994

(\*) giáo sư, Viện Văn học, Hà Nội; phát biểu trên đài RFI ngày 17.3.1996.

(1) Eugène Mordant, tướng chỉ huy các lực lượng *gaulliste* ở Đông Dương.

(2) Xem thêm bài của Nguyễn Thắng trong số tới.

**Trần Văn Khê**

**Thương tiếc G.S. Hoàng Xuân Hãn  
Một người Thầy,  
sau trở thành bạn vong niên**

Tôi biết tên G.S. Hoàng Xuân Hãn từ lúc còn là sinh viên Đại học Hà Nội, khi bà Hoàng Xuân Hãn, được sĩ, đến nhờ tôi giúp phần văn nghệ cho một chương trình giới thiệu phong trào chống nạn mù chữ, và từ lúc quen với em của G.S. Hãn, anh Hoàng Xuân Bình, một cầu thủ xuất sắc của đội đá banh trường Đại học Hà Nội. Lúc ấy, tôi chỉ biết Giáo sư đậu bằng Thạc sĩ toán học, tốt nghiệp trường Bách khoa Paris, một “đại trí thức” thời bấy giờ...

Về con người trong chánh giới, đã từng được những nhân vật rất cao cấp tham khảo ý kiến trong thời nước Việt Nam chấp chính trên con đường độc lập, đã không ngại gánh vác trách nhiệm người dân trong lúc quốc biến, tham gia nội các Trần Trọng Kim, tham dự Hội nghị Đà Lạt, cũng như về nhà văn hoá lớn của Việt Nam rất có công trong việc nghiên cứu và biên soạn những sách về danh từ khoa học, về văn học lịch sử, chắc có những chánh khách, văn nhân và sử gia sẽ viết lại. Tôi chỉ muốn ghi lại đây, công ơn của G.S. Hoàng Xuân Hãn giúp tôi rất nhiều trong việc nghiên cứu âm nhạc, và nhiều thành quả tôi thu thập được phần lớn nhờ sự dìu dắt, chỉ dạy và gợi ý của Thầy Hãn.

Năm 1952, tôi đã ghi đề tài “Âm nhạc truyền thống Việt Nam” để soạn luận án Tiến sĩ Văn chương tại Đại học Sorbonne Paris. Lúc ấy tôi phải đọc những sách viết bằng chữ Hán, mà Hán học của tôi chưa đủ để làm công việc ấy.

Nên đầu năm 1954, khi Giáo sư Emile Gaspardone cho tôi biết trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* có nhiều đoạn nói về Nhạc Cung đình, trong *Úc trai thi tập* có vài đoạn Nguyễn Trãi bàn về âm nhạc, tôi vừa mừng gặp nhiều tài liệu về âm nhạc sử chưa ai biết đến, vừa lo vì vốn Hán học rất ít. Các bạn tôi, Nguyễn Văn Cồn và Nguyễn Trần Huân đều khuyên tôi nên gặp G.S. Hoàng Xuân Hãn để nhờ Giáo sư giảng cho những chữ tối nghĩa.

Lúc ấy G.S. Hãn đang ở trọ nhà em của G.S. là B.S. Hoàng Xuân Mãn. Khi biết tôi soạn luận án tiến sĩ về âm nhạc truyền thống Việt Nam, G.S. rất vui và sẵn lòng, mỗi tuần gặp tôi đôi ba tiếng đồng hồ để giúp tôi đỡ mất thì giờ tra tự điển, và hiểu rõ các đoạn lịch sử Việt Nam có liên

quan đến âm nhạc.

“Nhứt tự vi sư, bán tự vi sư”, người dạy mình nửa chữ cũng là Thầy, huống chi Giáo sư Hãn chẳng những giảng rành rọt về những chữ khó như chữ *Vấn* trong âm nhạc mà cụ Nguyễn Trãi đã dùng, như chữ *Cấu* tên một nhạc cụ trong ban Đại nhạc đời Trần ghi trong quyển *An nam chí lược* của Lê Tắc, Thầy còn khuyên tôi nên đọc những quyển khác, như *Lê triều Hội điển*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Vũ trung tuý bút* của Phạm Đình Hồ, *Công du tiếp ký* của Vũ Phương Đề, và nhất là bộ *Đại Nam hội điển sự lệ*, khi đến quyển thứ 99, Thầy Hãn đã đọc và giảng cho tôi trong gần hai tháng trời để tôi biết thanh cung Lễ nhạc cung đình dưới triều Nguyễn.

Thầy Hãn lại trao cho tôi một tập in trên giấy bản, mà giữa tập có một lỗ thủng từ trang đầu đến gần mấy trang cuối. Thầy Hãn nói đã phải dùng cây chĩa đâm vào tập chữ Hán đã bị bỏ vào thùng rác, để lấy tập ấy ra, rửa bìa, phơi khô mới đọc được. Sau cuộc cách mạng tháng tám, dân chúng không biết giá trị của nhiều sách chữ Hán, đã cho là lỗi thời đem ra bán làm hồ hay giấy lộn hoặc vứt vào sọt rác. Sau khi nội các Trần Trọng Kim từ chức, Thầy Hãn có thì giờ lo “cứu vớt những sách tàn giấy cũ” bị vứt đi như tập Thầy đã lượm được và trao cho tôi xem... Đó là một tài liệu rất quý, một tập bản đàn bài ca theo truyền thống Huế, mà nhờ những chữ *huy* Thầy Hãn biết rằng tập bản đàn ấy được chép bằng tay dưới triều vua Tự Đức. Tôi có dịp đối chiếu những bản *Lưu thủy*, *Kim tiền*, *Quả phụ* v.v... với những bản bản ngày nay để thấy cái biến chuyển của nét nhạc qua các thời đại.

Nhiều lúc Thầy giảng cho tôi một chữ mà gọi cho tôi cả một đường hướng nghiên cứu. Khi bàn đến danh từ dùng trong ca trù như “*hát thông cung Huỳnh*, *hát đồn Đại trạch*”, Thầy Hãn nói chuyện cho tôi nghe về *Cung Huỳnh* tức là *Hoàng chung*, *Đại trạch*, mà có nơi cũng gọi là *Đại thực*. Tra từ điển, Thầy Hãn nói với tôi “*Đại thực* cũng có nghĩa là *Á rập*. Anh thử xem nhạc *Á rập* có chỗ nào gặp gỡ nhạc Việt Nam hay là có ảnh hưởng chi đến nhạc Việt Nam chẳng”. Thầy đã gợi ý cho tôi như thế... Nhờ Thầy Hãn chỉ hướng đó mà đến nay tôi có thể giải thích và chứng minh tại sao nước Việt không có sa mạc mà lại có cách ngâm thơ theo “*điệu sa mạc*” và về mặt nhạc học có điểm tương đồng giữa “*hơi sa mạc*” và “*maqam Sika*” của *Á rập* và “*dastgâh Segâh*” của Ba tư.

Khi biết tôi nghiên cứu về múa rối nước Thầy Hãn lại nói cho tôi biết về nhà Thủy đình ở chùa Thầy, và những đoạn có liên quan đến múa rối nước trong quyển *Lý Thường Kiệt* của Thầy và tra từ điển để giúp tôi hiểu thêm về các từ “*khôi lỗi*”, “*bổ đại hí*” v.v... và góp ý với tôi trong lập luận chứng minh rằng “*múa rối nước*” là “*múa rối Việt Nam*”.

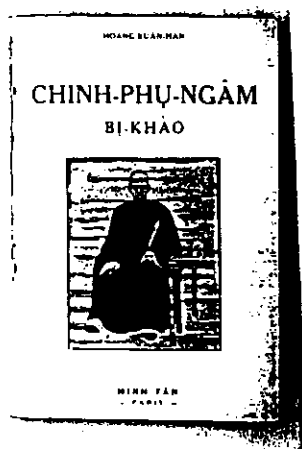
Trong cả phần về lịch sử âm nhạc truyền thống Việt Nam, tôi nhờ Thầy Hãn rất nhiều. Quý nhất là không phải Thầy dạy cho đọc mặt chữ, không phải chỉ trao cho kiến thức mà vạch đường chỉ hướng cho tôi trong nhiều đề tài nghiên cứu.

Thầy bảo tôi đừng gọi Thầy là Ông, là Thầy nghe nó xa

## Thương tiếc Anh Hân

**T**rong lịch sử nước ta có những buổi giao thời nho sĩ bất mãn với thời cục thời quan trở về ẩn dật vui với non nước tự tình trong thơ. Nhưng, khác với khuynh hướng tiêu cực của một Nguyễn Bình Khiêm, Hoàng Xuân Hân vẫn tiếp tục phục vụ tổ quốc bằng nghiên cứu. Trước cách mạng, Hoàng Xuân Hân đã đóng góp quyển *Danh từ khoa học*, sau này chuyên về sử học cho ra nhiều sách công phu ai cũng biết, đánh dấu sự hiểu biết của chúng ta về một số nhân vật và tác phẩm. Là một nhà thâm nho với phương pháp khoa học, tuy quan niệm vẫn là sự kiện, không để ý nhiều về yếu tố kinh tế và xã hội (hay vì tài

liệu không cho phép), Hoàng Xuân Hân bao giờ cũng đi sâu vào vấn đề mà mình nghiên cứu, đưa ra những dẫn chứng rõ ràng, khác với những người viết lịch sử mà không cho biết lấy gốc ở đâu. Tôi ngạc nhiên khi đọc thấy viết Đoàn Thị



Điểm là tác giả bản nôm *Chinh phụ ngâm* trong khi Hoàng Xuân Hân đã đưa ra đủ tài liệu để chứng minh rằng không phải là bà, mà tám mươi phần trăm là Phan Huy Ích (tám mươi chữ không phải trăm phần trăm vì Hoàng Xuân Hân chưa nghiên cứu được bản gốc của gia đình Phan Huy). Học thức của Hân uyên bác. Kể hậu sinh này lúc nào không hiểu một chữ cổ hay muốn biết thêm về một sự kiện, chỉ cần hỏi Hân là ra ngay. Tiếc mấy năm sau này tình hình sức khoẻ của Anh không cho phép Anh hoàn thành một số công trình. Nhưng tinh thần yêu nước, lòng trung thực với mình và sự nghiệp nghiên cứu của Anh đáng làm gương cho người đời!

**Lê Thành Khôi**

Giáo sư danh dự  
Đại học Sorbonne

cách quá. Thầy và phu nhân bao lần bảo tôi gọi là Anh, Chị. “Cung kính bất như phụng mạng”, tôi gọi thầy Hân và phu nhân là Anh Chị Hân từ hơn hai chục năm nay. Anh chị Hân là những người bạn vong niên chẳng những giúp tôi về mặt tinh thần trong công việc nghiên cứu, mà còn giúp cho về vật chất như máy móc ghi âm nhờ tôi chuyển lại cho các bạn nghiên cứu bên nhà. Nhờ vậy, công việc sưu tầm trên thực địa, những khi đi điền dã, được thuận tiện dễ dàng, và tôi lại được sự hỗ trợ chí tình, vui vẻ của các bạn đồng nghiệp trong nước.

Trên đời có sanh có tử theo luật vô thường.

Nhưng không sao ngăn được lòng quý thương tiếc mến Anh, một người tuổi tuy cao mà vẫn còn minh mẫn, trí nhớ bao việc xưa còn đầy đủ, còn có thể giúp rất nhiều cho những người nghiên cứu về lịch sử Việt Nam, nhất là về khoa Hán Nôm.

Xin kính chúc hương hồn Anh tiêu diêu nơi cõi thọ, thân thiết phân ưu cùng tang quyến.

Anh đã tròn sứ mạng làm người, làm dân nước Việt, đã đóng góp rất nhiều trong lĩnh vực khoa học và văn hoá. Anh sẽ sống mãi trong tình kính thương quý mến của dân tộc Việt Nam.

Xin được phép ghi lại thay lời kết, bài thơ tôi phụng hoá bài thơ Anh viết để cảm ơn bạn mừng lễ bát tuần của Anh.

Bài thơ của Anh Hoàng Xuân Hân :

### Đáp lời mừng thọ

Tuổi tác nay vừa **chẵn** tám mươi  
Đời ta ngắm lại **lắm** khóc cười  
Thương tâm bốn trận binh đao **thảm**  
Mơ mộng nhiều phen vận hội **tươi**  
Bọt nước hư danh mình **chẳng** bọt  
Gốc nhà cố giữ chí không **lười**  
Tri âm chẳng lựa so già trẻ  
Xin dãi lòng son **cảm** tạ người.

Phụng hoá bài thơ của Anh Hân trước kia để kính mừng thượng thọ của Anh hôm nay để tưởng nhớ một người bạn vong niên, tuy đã già từ dương thế, mà vẫn sống mãi trong lòng chúng ta.

Mừng chúc Anh vừa **thọ** tám mươi  
Tuổi tuy chồng chất vẫn **vui** cười  
Ruộng vẫn gieo **lắm** mầm xinh đẹp  
Vườn sử trồng nhiều cây **tốt** tươi  
Lúc khoẻ sưu tầm **luôn** rất bận  
Khi đau nghiên cứu **vẫn** không lười  
Suốt đời tận tụy vì **dân** tộc  
Sống được như Anh **để** mấy người.

Kính hoạ Trần Văn Khê.

Đặng Tiền

## Bác Hãn

Vì ở xa Paris, tôi ít có dịp thân cận với bác Hãn. Những buổi tiếp xúc dài lâu, đôi ba lần, là những năm cùng nghỉ hè với bác tại dã thự Cam Tuyền (Manoir d'Aubonne) ở Normandie. Đối với bác, tôi một lòng ngưỡng mộ và mến yêu, là chuyện đương nhiên ; nhưng ngược lại, với tôi, dường như bác cũng có chút tình riêng. Không rõ có đúng không, nhưng trong chủ quan, tôi lúc nào cũng mang ơn tri ngộ.

Sở dĩ dè dặt, vì bác là bậc trưởng thượng nhưng độ lượng và hiếu khách, nên ai được tiếp xúc với bác, cũng có cảm giác hân hạnh là được ưu đãi, quá cái mức mình mong đợi. Có người cao hứng viết bài tràng giang đại hải ca ngợi bác.

Phần tôi, trong việc nghiên cứu văn học, tôi hết sức trọng vọng bác, vì văn học dựa trên ba điểm chính : sử liệu, văn bản và từ ngữ. Về cả ba mặt này, bác Hãn là bậc thầy không ai chối cãi. Ví dụ về Truyện Kiều, suốt một trăm năm nay, chúng ta có mấy chục văn bản, nhưng ai cũng đợi chờ bản Hoàng Xuân Hãn, để biết mặt thật của tác phẩm, và hiểu thêm một số chữ. Ví dụ :

*Dặm hồng bụi cuốn chinh an*

*Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh*

chắc là Nguyễn Du đã dựa vào *Chinh phụ ngâm* :

*Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy*

*Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu*

nguyên tác chữ Hán của Đặng Trần Côn :

*Tương cố bất tương kiến / thanh thanh mạch thượng tang*

Câu thơ nổi tiếng, tôi thuộc từ nhỏ, nhưng không hiểu *ngàn dâu* là gì. Đào Duy Anh giải thích là rừng dâu, dâu là loại cây lớn, bên Tàu ; Lê Văn Hoè cũng giảng như vậy. Các tác giả khác thì không giải thích, có lẽ cho là dễ quá. Nhờ lời giải của Hoàng Xuân Hãn, trong *Chinh phụ ngâm bị khảo* và *Bích câu kì ngộ*, tôi mới hiểu *ngàn* đây là bờ, do chữ *ngạn* mà ra, ví dụ trong lời nhạc Nguyễn Đức Toàn : *dâu bờ xanh thắm, nong tầm chín lúa tơ* và đúng với câu chữ Hán của Đặng Trần Côn *mạch thượng tang* (dâu bên đường). Còn chữ *ngàn* nghĩa là rừng, thì do chữ *nguồn* (nguyên) mà ra, không phải ở đây. Tôi đưa ra một ví dụ cụ thể như vậy để thấy rằng những việc rất nhỏ, tương đối đơn giản, mà không ai làm, kể cả Nguyễn Quảng Tuân mới đây trong *Chữ nghĩa Truyện Kiều* (1990).

Bác Hãn gốc gác là một nhà giáo, nên suốt đời ưa giảng giải. Lúc nào cũng lớp lang tường tận, có khi tường tận quá mức người hỏi. Cuốn *Truyện Song Tinh* của Nguyễn Hữu Hào, do bác hiệu đính, được nhà xuất bản Văn Học (Hà Nội) in năm 1987 là một ví dụ “ sư phạm ” : tác phẩm được sáng tác vào khoảng 1700 bằng thơ lục bát khó đọc, bác đã diễn dịch thành văn xuôi, sau khi sửa chữa những chữ chép sai và bổ khuyết những đoạn mất, vì “ *nếu không hiệu đính thì có lẽ hậu lai không ai đọc đến Truyện Song Tinh của Nguyễn Hữu Hào* ” (tr. 42), một trong những tiểu thuyết đầu tiên của nước ta, và có lẽ là tác phẩm đầu tiên khai dòng cho văn học miền Nam.

Bác Hãn là bậc đại khoa, là quan đại thần, là nhà khoa học kỹ thuật ưu tú đã hành nghề cao cấp tại nước ngoài, và sống phần lớn đời mình ở nước ngoài ở mức thượng lưu. Ấy thế mà con người bác vẫn giữ được phong cách đơn giản của người nhà quê Nghệ Tĩnh. Khi tình cờ ai nhắc đến một từ ngữ, một món ăn, một phong tục dưới chân đèo Ngang, là bác trở thành linh động, tha thiết, sôi nổi. Ấu đó cũng là truyền thống lâu đời của bậc đại nho Việt Nam, từ Nguyễn Trãi đến Nguyễn Khuyến. Không rõ rồi đây truyền thống cao đẹp ấy có còn tiếp nối.

Những kỷ niệm trên đây đến hình ảnh cuối cùng về bác Hãn, một chính khách. Một người có tài năng, học vị như Bác dĩ nhiên là được giềng co, níu kéo giữa bao nhiêu biến thiên của lịch sử. Mọi chọn lựa, mọi thái độ đều khó khăn giữa những cái đúng, cái sai nhất thời, tương đối. Bác Hãn là người có ý thức chính trị cao xa và sâu sắc, bác luôn luôn cảnh giác và nhạy bén để giữ cho mình khí tiết và phẩm cách, mà vẫn đóng góp hữu hiệu cho đất nước về mặt này hay mặt khác. Đó là hiền triết của Bác. Nhưng nhìn chung, tạm xem thái độ chính trị của Bác được quy định giữa hai trục chính : Tổ quốc và Dân chủ. Tất cả việc làm của bác, từ bài báo, cuốn sách đến cuộc tiếp tân, món quà tặng, đều di chuyển toạ độ giữa hai trục Tổ quốc và Dân chủ.

Việt kiều tại Pháp ít ai gọi bác bằng danh vị, học vị, chỉ gọi giản dị là *Bác Hãn*, chữ bác thân tình đi với tên riêng, chứ không đi với họ. Ấy là lối gọi mộc mạc, dân dã, tự nhiên trong làng mạc Việt Nam, không có sự áp đặt và định chế. Sau này nhất định sẽ có những bài văn tưởng niệm hùng hồn, uyên áo ca ngợi sự nghiệp bác Hãn. Nhưng theo tôi cái vinh dự lớn lao nhất mà cuộc đời trôi dạt đã dành cho danh sĩ Hoàng Xuân Hãn là chữ *Bác*. *Bác Hãn*. Chữ *Bác* từ những tấm lòng. Chữ *Bác* từ những kính trọng và thương nhớ không người.

16.3.1996

# Đông và Tây, và ta

bùì mọng hùng

Đông là Đông, Tây là Tây, Đông và Tây không bao giờ gặp nhau ! Những câu như dao chém đá kiểu này đã in sâu vào tiềm thức. Cả Đông lẫn Tây. Và một thời gian dài Tây và Đông, mỗi bên sống đúng trong tư thế của mình. Tây phương chiến thắng, át cả về vật chất lẫn tinh thần, đem giá trị riêng làm tiêu chuẩn của cả nhân loại mà giáo hoá cho các dân tộc lạc hậu. Đông phương co ro trong mặc cảm. Nghi ngờ, dằn vặt tới gốc tới rễ, tới tư tưởng truyền thống. Nhưng đâu đó thâm tâm ngấm ngấm tự tôn, rằng có thua kém là thua kém sức mạnh vật chất. Còn văn hoá nghìn năm của mình...

Một nếp nghĩ như cục than hồng vùi lấp dưới tro tàn nhưng cứ le lói, ở ta cũng như ở Trung quốc. Tiêu biểu là lối suy nghĩ đã có ngay từ thuở Việt Nam mới thăm bại ta nhận thấy nơi Phạm Phú Thứ trong sứ bộ qua Pháp và Tây Ban Nha năm 1877 xin chuộc lại ba tỉnh Nam Kỳ :

*Đông phương mà biết thêm kỹ thuật*

*Pha Lý, Long Đông chưa hẳn tài.*

(Tảo giao Đông thổ kiêm trường kỹ

Pha Lý, Long Đông vị tức hiền)

Ta thua là thua kém kỹ thuật, chỉ có thể mà thôi...

Rồi mới gần đây, rộng lớn rộng con Á Đông nối tiếp nhau theo tỷ số phát triển mà thắng thiên trên bầu trời kinh tế. Hội nghị thượng đỉnh Âu - Á đầu tiên ở Bangkok vừa qua khẳng định vai trò đang lên của Đông và Đông Nam Á. Cái thế giữa Đông và Tây quân bằng hơn, có phần thuận lợi hơn cho những trao đổi nghiêm chỉnh về tư tưởng, về giá trị.

Tuy nhiên, ngẩng được đầu trong thành công kinh tế, cái nhìn đổi khác. Chính những truyền thống trước đây bị đề quyết là nguyên tố kìm hãm chôn chôn Đông phương trong nghèo hèn muôn thuở hôm nay được tôn vinh như những yếu tố động cơ của phát triển vượt bậc. Than hồng le lói trong tủ nhục bị thống trị bùng lên với thời cơ, không khỏi chưa gột sạch hết tâm tư trả thù lịch sử. Thêm phần được khơi dậy, thổi lên bởi các thế lực cầm quyền muốn biện minh cho chế độ chính trị cứng rắn của mình.

Việt Nam ta đã đổi thay trong trăm năm cuộc hôn phối bất buộc và không bình đẳng với Tây phương. Hôm nay, nhìn sao đây trong mặc cảm bị trị chưa nguôi, trong hoả mù ý đồ chính trị của những thế lực cầm quyền ? Để bình tĩnh nhận định ra những gì là của báu trong vốn liếng văn hoá truyền thống, những gì nhất quyết ta còn phải học hỏi phương Tây. Dù rằng, ta đã hấp thụ được không ít từ nền văn hoá xa lạ đó,

hình thành ra một xã hội khác xưa, một nền văn học, một văn hoá có nhiều nét độc đáo.

## Phương Đông muôn thuở

Tháng tám 1995 vừa qua tạp chí Far Eastern Economic Review, qua một cuộc thăm dò ý kiến bạn đọc, kê ra một loạt giá trị phương Đông : đặt quyền lợi tập thể trên quyền lợi cá nhân ; đặt nặng vai trò gia đình ; xu hướng phó cho nhà cầm quyền nêu lên những đòi hỏi đạo lý của quốc dân ; xu hướng chống chuyện con cái lộng hành vì cha mẹ buông lỏng giáo dục ; ưa thích thiên bẩm chạy chọt phe phái, thương mại ; không chờ đợi Nhà nước ban ân che chở ; lòng tin tưởng vào tinh ưu việt của học vấn ; và tinh thần tiết kiệm cao.

Xét cho kỹ thì đó là một bảng liệt kê thái độ ứng xử trong đời sống hơn là những giá trị. Một phần lớn bắt nguồn từ tập quán sống đạo lý cổ truyền. Còn sinh động trong nếp sống thường ngày Á Đông.

**1** Sống đạo lý như một phong cách, với những thái độ ứng xử mình-với-mình mình-với-người phù hợp theo một số giá trị truyền thống, đi vào nề nếp ngày thường, thành nghệ thuật sống. Đặc điểm dường như riêng Đông phương còn giữ. Ít nhiều vẫn vương trong lòng mỗi người. Dù cho có tràn ngập làn sóng tiêu thụ vị kỷ, dù không đoái hoài đến đạo lý trong chen đua, thâm tâm nhiều người vẫn nghĩ rằng sống đạo lý là phải, dạy con cháu sống theo đạo lý. Thật xa với thái độ Tây phương ngày nay, cốt sao triển khai tư tưởng cho thành một hệ thống thuần lý toàn bích, còn đạo lý có tách khỏi đời sống hàng ngày là chuyện hoàn toàn thứ yếu.

Chẳng phải Tây phương không biết sống đạo. Thời cổ đại, kiến thức có đi đôi với đạo lý, đạo lý có đi vào đời sống mới là hiền triết. Thế kỷ thứ 4 trước công nguyên Platon giải thích tại sao mình phải dẫn thân làm chính trị tại Syracuse : " *Tôi sợ chính mình nhận ra mình chỉ là một kẻ khéo nói, không có khả năng kiên quyết dẫn thân vào hành động* " (Lettres, VII). Kant cũng từng nhắc lại một giai thoại : Platon, nghe một ông lão kể lẽ lão ta thường đi nghe giảng về đạo đức liền hỏi rằng : *Thế còn bản thân cụ thì đợi đến khi nào mới bắt đầu sống đạo đức ?*

Nhưng cái mạch sống đạo ấy đã bị đứt đoạn dần ở Tây phương từ thời Trung cổ. Để cho các triết gia từ Descartes qua Kant đến Bergson, Merleau-Ponty tiếc nuối, quan niệm triết học là hoạt động cụ thể và thực tiễn nhưng trong thực tế chẳng được mấy người nghe theo. Marx là người có quan niệm đem triết học vào đời sống bao quát, quán triệt và có hệ thống. Ông được theo rất nhiều như lý thuyết gia cách mạng, được theo không ít trong quan điểm, phương pháp mở xẻ phê phán tìm hiểu xã hội. Nhưng còn Marx triết gia có lẽ bị phản bội nhiều hơn là được nghe theo.

Trong thời điểm kinh tế, xã hội là yếu tố quyết định đời sống con người này, tìm cách chuyển đổi xã hội là xu hướng tất yếu. Tuy nhiên không khỏi vì đó xem nhẹ, bỏ mất những kinh nghiệm hướng con người cá nhân vươn lên sống theo lý tưởng mình chọn lựa. Kinh nghiệm nghìn đời ấy đứt đoạn thì không dễ một ngày một buổi tìm lại được.

Chính vì vậy mà những manh mún còn sót lại của vốn



liêng tích lũy kinh nghiệm, tranh biện hàng ngàn năm thành lý thuyết, phương pháp, kỹ thuật để cho ai ai cũng có thể lấy cái sống ngày lại ngày làm một nghệ thuật sống, là một kho báu mà Đông phương cần gìn giữ và phát huy. Cho mình và cho nhân loại (xem Bùi Mộng Hùng, *Philosophie, créativité et technique du corps en Extrême Orient*, Triết lý, sức sáng tạo và kỹ thuật thân xác ở Viễn Đông, *Quel Corps*, số 34-35, Paris 1987, tr. 112-122, và Thân xác trong đạo Phật, *DĐ* số 50, 3.96, tr. 18-20).

**2** Sức sinh động trong đời sống thường ngày của đạo lý phương Đông là do phương pháp, kỹ thuật rất cụ thể, đã đành. Nhưng cũng vì cơ sở đạo lý ấy vững vàng đặt trên một số trục quan về con người và vũ trụ : không đối lập vật chất với tinh thần, không phân cách con người với thiên nhiên, xem con người như một ứng tác cùng vạn vật biến chuyển trong tiến trình không cùng. Quan điểm “động” này của đạo Phật đã được trình bày gần đây (*DĐ* số 49, 2.96, tr. 26-29). Nhưng lối nhìn không chỉ riêng của nhà Phật, mà cũng là của kinh Dịch, của Lão Trang, của Ấn Độ.

Các trục quan căn bản, quan điểm động trong nhận định, phương thức tư tưởng xuất phát từ toàn phần đi đến bộ phận là nền tảng cho những vũ trụ quan và nhân sinh quan phóng khoáng, bao la trong không gian và trong thời gian. Cho tới ngày nay không rạn vỡ trước những tiến triển của kiến thức loài người, với thử thách của thời gian (xem Cao Xuân Huy, *Tư tưởng phương Đông*, nxb Văn học, Hà Nội, 1995).

Đó là cơ sở để Đông phương chất lọc giá trị xã hội cho ngày nay, bồi bổ vào vốn văn hoá chung của nhân loại.

## Đông và Tây, khác mà chẳng khác

**1** **Cá nhân và tập thể** : Những đức tính thường được nêu lên như đặc biệt Khổng giáo đặc trưng Á Đông : hiếu học, cật lực làm ăn, tiết kiệm, đạu bạc, tôn trọng quyền lực, xét lại cũng là những đức tính được giáo lý Calvin trau dồi và thấm nhuần nhiều dân tộc phương Tây – người Hoà Lan chẳng hạn – suốt nhiều thế kỷ. Tìm hiểu những vấn đề mà thời sự cho là Đông Tây xung khắc, như vấn đề nhân quyền, cần bình tĩnh, không hồ đồ vội vã.

Con người cá nhân, Lão Trang chủ trương tự do phóng khoáng không bó mình trong lễ nghi nhân tạo ; Phật giáo xem mỗi người là duy nhất, là một vị Phật tiềm năng, tự do hành động lèo lái thân phận mình, ảnh hưởng vào tiến trình chung của nhân loại, của thiên nhiên. Nền móng văn hoá, xã hội dù ở Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản hay là ở Việt Nam, suốt nghìn năm lịch sử không duy nhất dựa vào Khổng giáo mà dung hợp cả Khổng, Phật, Lão (xem Nguyễn Huệ Chi, *Thử nhìn văn hoá như một động lực của sự phát triển*, *DĐ* số 34, 10.94, tr. 23-24).

Ngay đến Khổng giáo, chủ trương trật tự xã hội. Nhưng xác định “ nhân nghĩa ” là giềng mối trong quan hệ giữa người với người ; trật tự có nghĩa là ai ai cũng có chỗ đứng : vua phải ra vua thì tôi mới ra tôi, cha phải ra cha, con mới ra con. Người cầm quyền được tôn trọng, nhưng lý do tồn tại của vua quan là lợi ích của người dân : *dân là quý, xã tắc thứ hai, vua là khinh* (*Mạnh tử*, Tận Tâm, hạ). Nhà cầm quyền hại dân là giặc chứ không phải là chính quyền nữa : *Kẻ nào tàn tặc chứ nhân thì gọi là tặc, kẻ nào tàn tặc chứ nghĩa thì*

*gọi là tàn. Con người tàn tặc gọi là độc phu. Có nghe người ta đã giết tên Trụ độc phu, chưa nghe rằng đó là giết vua vậy* (*Mạnh tử* ; Lương Huệ Vương, hạ).

Chỉ vào những thời đại mà văn hoá xơ cứng, kiệt sức sống, như thời Minh mạt, thời Thanh ở Trung Quốc, đời Nguyễn ở Việt Nam, bộ máy thống trị mới cường điệu một biểu văn Khổng giáo độc tôn. Nhưng chỉ là biểu văn. Trong thực tế xã hội, văn hoá không bao giờ chẳng dung hợp Khổng, Phật, Lão, thành xu hướng tam giáo đồng nguyên.

Mà cả ba đạo đều tôn trọng con người và con người cá nhân. Còn quan hệ cá nhân với tập thể, với nhà cầm quyền, cần được đặt trong điều kiện xã hội cụ thể.

Suốt nhiều thế kỷ, dân Á Đông, Trung Quốc cũng như Việt Nam sống trong xã hội nông nghiệp, nhà nước là một bộ máy thu cống nạp : người dân nộp sưu thuế, chịu lao dịch, vua quan lo tổ chức thực hiện những việc lợi ích chung, sửa sang đê điều, bảo đảm an ninh trật tự.

Bộ máy nhà nước là ở ngoài dân, trên dân. Khi có ăn có chung dân còn rắng gánh chịu. Không có an ninh, đê điều liên miên vỡ, mùa màng thất bát, dân đen xem bộ máy nhà nước bòn rút chẳng khác gì giặc cướp, “ cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan ”. Người thường dân đứng xa xa mà “ kính nhi viễn chi ”, bề ngoài làm ra bộ ngoan ngoãn cúi đầu vâng dạ, ngấm ngầm bên trong che giấu bòn xén cho mình được bao nhiêu đồng tiền đầu lúa càng hay bấy nhiêu.

Gần gũi và bảo vệ cho cá nhân người dân đen là họ hàng, là làng xóm. Tập thể người nông dân nhận như của mình là đó, chẳng phải là quốc gia là nhà nước. Làng xóm, họ hàng và cá nhân ràng buộc với nhau bởi hợp đồng đơn sơ như hương ước, nhưng thường là bất thành văn tự. Chung lo những việc trọng hệ trong đời người như cưới xin, chôn cất. Tồi lửa tắt đèn có nhau. Lá lành đùm lá rách. Che chở cá nhân con người trước quyền lực của bộ máy nhà nước trung ương. Phép vua phải thua lệ làng.

Mất đi quan hệ họ hàng, làng xóm, con người cảm thấy nhỏ bé bơ vơ không nơi nương tựa, lọt thỏm giữa xã hội mênh mông, cô độc trước bộ máy của ông nhà nước quyền uy không đối trọng nào giới hạn nữa.

Phần nào, đó là tình trạng con người cá nhân trong xã hội Á Đông ngày nay, đang nhanh chóng đô thị hoá. Vụn ra những gia đình hạt nhân. Vai trò làng xóm, họ hàng còn đẹp tình cảm nhưng ngày càng thêm vô hiệu. Tập thể trực tiếp là toàn thể xã hội mà đại diện là nhà nước.

Cấu trúc xã hội đã đổi, quan hệ đã đổi. Đông phương tôn trọng con người, tôn trọng cá nhân – chẳng khác Tây phương. Nhưng cụ thể làm thế nào cho con người không bị đè bẹp, nhân phẩm bị chà đạp trong những quan hệ mới. Nếu không có **hợp đồng xã hội** mới ? Mà khái niệm, cơ sở lý luận, thể hiện cụ thể hợp đồng xã hội trong văn hoá đô thị, Tây phương lại kinh nghiệm tích lũy từ thời cổ Hy Lạp đến ngày nay.

Cứ mãi chần chừ chẳng thấy đâu là thực sự thể hiện Hợp đồng xã hội mới trong đất nước, lại viện đặc trưng Á Đông trong quan hệ cá nhân với tập thể là chơi chữ trên từ **nhân quyền**, là nguy hiểm. Là lý luận giả dối để biện minh cho

(xem tiếp trang 29)

## Văn Ngọc

### Tranh khắc gỗ dân gian Nhật Bản : từ tranh Phật đến tranh phù thế (Ukiyô-e)



Khác với nhiều nước Á Đông, Nhật Bản ngay từ những thời lịch sử xa xưa đã có một truyền thống bảo tồn các di sản văn hoá của mình một cách có hệ thống (1). Nhờ đó mà ngày nay người Nhật còn giữ được khá nhiều tài liệu lịch sử và tác phẩm nghệ thuật cổ.

Về nền nghệ thuật tranh khắc gỗ dân gian, chẳng hạn, các sử liệu cho biết kỹ thuật in tranh khắc gỗ đã được các nhà sư Nhật Bản đem từ Trung Quốc về từ thế kỷ 8 cùng với những tranh Phật in ván gỗ của nhà Đường với mục đích in kinh sách để truyền bá đạo Phật trên đất nước Phù tang. Có tài liệu còn ghi năm 770 một triệu tấm tranh Phật đã được in ra.

Tuy nhiên, trên thực tế, không thấy có một dấu vết nào của tranh khắc gỗ Phật giáo Nhật Bản từ thế kỷ 8 đến hết thế kỷ 11.

Phải chờ đến đầu thế kỷ 12 mới thật sự có một trào lưu in tranh Phật với số lượng lớn mà nhiều ấn bản còn lưu lại được cho tới ngày nay. Dựa trên đó người ta mới có những bằng chứng cụ thể để khẳng định được rằng nghệ thuật tranh khắc gỗ Nhật Bản đã phát triển liên tục từ những hình hoạ Phật giáo mộc mạc đầu tiên in bằng con dấu, hoặc in ván gừa (2), đến những bức tranh phù thế (ukiyo-e) có màu ra đời vào giữa thế kỷ 17.

### Tranh Phật

Hiện tượng thiếu vắng hay chậm phát triển của tranh khắc gỗ Phật giáo Nhật bản từ thế kỷ 8 đến thế kỷ 12 có những nguyên nhân nằm ở ngay trong sự phát triển của đạo Phật trong thời kỳ này. Đây là một vấn đề nhu cầu, chứ không phải là một vấn đề trình độ kỹ thuật, hay nghệ thuật, vì người ta biết rằng ngay từ thế kỷ 6-7, nhờ học hỏi được của Trung Quốc qua những nghệ nhân Triều Tiên và Trung Quốc có mặt trên đất nước mình, và qua những sứ giả, nhà sư, sinh viên được gửi đi học ở Trung Quốc về, Nhật Bản đã đạt được

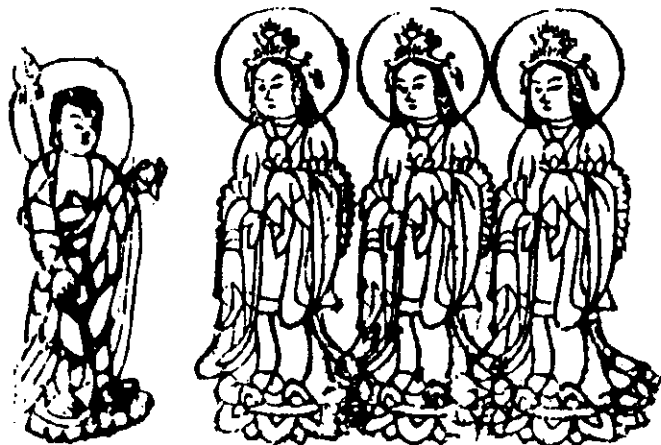
một trình độ kỹ thuật và nghệ thuật tuy chưa có thể so sánh được với trình độ nghệ thuật của nhà Đường, nhưng cũng đã khá cao, ít ra trên một số ngành nghệ thuật và mỹ nghệ như : kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ, thư pháp (*calligraphie*), đồ gốm, v.v...(3)

Khi các nhà sư Nhật Bản đem được kỹ thuật in tranh khắc gỗ cùng với những bức tranh Phật từ Trung Quốc về, mục đích của họ chắc cũng mới chỉ là để in kinh sách và dùng những hình hoạ Phật giáo làm mẫu để minh hoạ cho những kinh sách này mà thôi. Số lượng sách kinh cần in lúc đó để phục vụ cho các chùa chiền và tầng lớp quý tộc, cũng tương đối ít, chưa cho phép kỹ nghệ in ván gỗ có cơ hội để phát triển. Đạo Phật lúc này tuy đã trở thành tôn giáo chính thống và nhà chùa là thế lực mạnh nhất trong nước, nhưng tư tưởng Phật giáo chưa thấm sâu vào hết thảy mọi tầng lớp xã hội.

Trải qua mấy thế kỷ dưới sự cai trị của dòng họ Fujiwara, xã hội Nhật Bản có những mặt tiến bộ đáng kể về văn hoá, văn học, nghệ thuật (chủ yếu phục vụ tầng lớp quý tộc và là độc quyền của tầng lớp này)), ngược lại đời sống của nhân dân thì lại khốn đốn, cực khổ. Một nhà sư ở cuối thế kỷ 10, đầu thế kỷ 11 đã không ngần ngại gọi thời mình đang sống là thời tận thế (*mappô*), một thời kỳ vô vọng, đầy bất trắc và người ta chỉ còn biết cầu trông vào cửa Phật .

Chính trong bối cảnh đó mà đã nảy sinh ra một trào lưu in tranh Phật để cầu phúc. Trào lưu này xuất phát từ giới các nhà sư và tầng lớp quý tộc, dần dần lan rộng ra dân chúng. Người ta in tranh, mua tranh để sống đạo, để cầu phúc cho kiếp sau, để cầu siêu cho hồn người quá cố, để trừ tật bệnh... Người ta in cả hình Phật lên những giấy tờ, văn tự của những người quá cố để cho linh hồn họ được siêu thoát và thường cho rằng in hay mua một tờ tranh cũng như thể đọc một bài kinh, bài kệ. Hàng ngàn, hàng vạn tờ tranh được để vào bên trong các pho tượng Phật bằng gỗ, trên mỗi tờ tranh thường có nhiều hình thần Phật được in bằng con dấu (*inbutsu*) hoặc in ván gừa (*shubutsu*). Ai cúng chùa một số tiền nào, tên tuổi được ghi vào đằng sau một tờ tranh Phật để được lưu lại trong một pho tượng. Nhờ đó mà hàng ngàn tờ tranh in hình thần Phật đã được lưu truyền cho tới ngày nay...(4)

Như vậy là bắt đầu từ thế kỷ 12 trở đi, do nhu cầu tín



ngưỡng, những hình hoạ khắc gỗ Phật giáo, mặc dầu không mang ý đồ nghệ thuật, nhưng do đã được vẽ và khắc bởi những người có hoa tay, những nghệ nhân chuyên nghiệp, hoặc những nhà sư kiêm điêu khắc như Impan, Zenshun, Zō-un, v.v... nên chúng có một giá trị nghệ thuật nhất định, đặc biệt là về mặt hình hoạ, và do đã đi vào nếp sống hàng ngày của quần chúng, nên đã ảnh hưởng không ít đến khiếu thẩm mỹ của họ. Sau này, tranh Phật sẽ được thực hiện bởi những nghệ sĩ tranh khắc gỗ có tiếng như Dōeki (thế kỷ 17), Shinegobu (thế kỷ 18). Chính Shinegobu sẽ trở thành một hoạ sĩ vẽ tranh phù thể giữa những năm 1730 và 1747.

Tranh khắc gỗ Phật giáo không màu sẽ còn phát triển trong suốt hai thế kỷ 12 và 13, từ những hình hoạ đơn giản đến những bức tranh với bố cục và đường nét phức tạp, trước khi được tô màu bắt đầu từ thế kỷ 13-14 trở đi (5). Nét khắc, nét vẽ, nói chung, đều luôn luôn mềm mại, khoẻ mạnh. Các hình thần phật cũng như các đề tài đều theo cùng một khuôn mẫu và ước lệ với tranh Phật Trung Quốc và, ở một mức độ nào đó, với tranh Phật Nepal và Ấn Độ. Đề tài của những biểu đồ mandala, chẳng hạn, đã được nhà sư Nhật Bản Kūkai (774-835) mang từ Trung Quốc về từ đầu thế kỷ 9.

Người ta sẽ tìm thấy lại những nét vẽ mềm mại, cũng như tất cả những kỹ thuật khoanh mảng màu của tranh khắc gỗ Phật giáo ở tranh phù thể sau này, mặc dầu nét vẽ, nét khắc trong tranh phù thể, vì quá chau chuốt, quá hoàn mỹ, nên đúng về mặt thẩm mỹ, nhiều khi không bằng nét vẽ, nét khắc mộc mạc của những bức tranh Phật lúc sơ khai.

### Tranh phù thể (*Ukiyō-e*)

Chữ *ukiyō* dịch theo tiếng Hán Việt là *phù thể*, gốc từ đạo Phật, có nghĩa là cuộc đời phù du, trôi nổi, không có gì là yên định (*Kiếp phù thể nhân sinh thắm thoát...Bản Nữ Thần*), e nghĩa là hình ảnh, tranh (Tiếng Pháp dịch là *Images du monde flottant*).

Tranh phù thể ra đời trong bối cảnh xã hội Nhật Bản vừa trải qua một thời kỳ nội chiến triền miên suốt hai thế kỷ (thời kỳ Ashikaga 1333-1568), kịp đến khi Ieyasa Tokugawa giành được ngôi *tướng quân* (shogun), rời đô ra Edo (1635), chế độ chuyên chính lại càng khắc nghiệt. Trừ một số nhỏ các gia đình thân cận của nhà chúa ra, hết thảy mọi tầng lớp xã hội khác đều bất mãn, bắt đầu từ tầng lớp quý tộc. Các *dại danh* (daimyō) không những bị tước đoạt đất đai mà còn bị bó buộc phải có dinh cơ ở kinh đô mới Edo, nơi chúa ở, nên tài sản của họ ngày càng sa sút, các *võ sĩ* (samourai) cũng lâm vào tình trạng thất nghiệp, túng quẫn. Ở nông thôn, nông dân dưới quyền cai trị của các vương hầu, lại càng bị bóc lột thậm tệ. Tầng lớp thương nhân đứng hàng chót trong xã hội, bị khinh miệt và kiềm chế, nhưng lại là tầng lớp giàu có nhất, họ cho vay và làm giàu trên lưng tầng lớp quý tộc.

Sau đám cháy lớn xảy ra vào năm 1657 ở Edo, cả một nửa kinh thành bị thiêu trụi, công cuộc kiến thiết lại kinh đô càng làm cho tầng lớp quý tộc sa sút thêm, ngay cả vua chúa cũng phải vay mượn giới thương nhân và giới này ngày càng củng cố địa vị xã hội của mình, ngày càng có nhiều phương tiện để đi tìm những thú vui phù phiếm, thoả mãn những nhu



Sharaku

cầu tinh thần và vật chất phù hợp với trình độ văn hoá của mình.

Một số ngành nghề như ngành hát ả đào ở xóm bình kang Yoshiwara và ngành sân khấu kabuki bắt đầu phát triển từ đây, kéo theo một số ngành thủ công nghệ khác liên quan đến chúng. Ngành vẽ tranh phù thể sơ dĩ chinh phục được ngay quần chúng chính cũng nhờ đã bắt đầu với những bức chân dung kép hát kabuki và các cô gái lâu xanh.

Sân khấu kabuki, với những nhân vật điển hình, độc đáo, giàu tính bi hài kịch, với những y phục, cảnh trí lộng lẫy màu sắc, cũng như xóm Yoshiwara, cái thế giới vừa hư ảo vừa trần tục kia, nơi có những thiếu nữ lâu xanh nhan sắc và cũng là nơi diễn ra những cảnh mây mưa đầy kích thích, là những nguồn đề tài lý tưởng đối với các hoạ sĩ, đồng thời đó cũng là những đề tài làm sống được cho cả ba hoạt động gắn bó mật thiết với nhau : sân khấu kabuki, xóm bình kang Yoshiwara và tranh phù thể. Người ta sẽ thấy rằng những đề tài này sẽ đeo đuổi các hoạ sĩ tranh phù thể từ đầu đến cuối, trong gần hai thế kỷ, từ Moronobu đến Hokusai.

Người đầu tiên có công đưa tranh khắc gỗ dân gian lên hàng tác phẩm nghệ thuật là **Moronobu** (1618-1694), một hoạ sĩ vừa có tài lại vừa hiểu biết sâu sắc thị hiếu và trình độ thẩm mỹ của thị dân ở Edo lúc đó, nên ông đã có sáng kiến in tranh khắc gỗ trên những tờ giấy rời, như những tác phẩm hội hoạ thực sự, diễn tả những cảnh ăn chơi phù phiếm, thậm chí dung tục, phù hợp với tâm lý của tầng lớp thương gia mới giàu lên, đương rủng rỉnh tiền bạc và đương khao khát tận hưởng những thú vui mà họ có thể với tới được.

Tranh của Moronobu và những học trò của ông : **Jihe** và **Moroshige**, mặc dầu mới chỉ là những bức tranh với bố cục và đường nét tương đối đơn giản và mới chỉ sử dụng có một hai màu tô bằng bút lông (sumizuri), nhưng đã đem lại một cái gì hoàn toàn mới mẻ, khác hẳn với những bức tranh có nội dung răn đời, hoặc hình thức hao hao giống tranh Trung Quốc, mà tầng lớp quý tộc vẫn ưa chuộng.

Sau Moronobu và các học trò của ông, vào năm 1687, người ta thấy xuất hiện một tài năng khá độc đáo : Torii

**Kiyomoto**, xuất thân là kép hát kabuki. Ông được nổi danh nhờ vẽ áp phích cho sân khấu kabuki và chân dung các kép hát với đường nét mạnh mẽ và màu phẩm tím hồng độc đáo. Trường phái Torii với những tên tuổi như : **Kiyonobu** (1664-1729), **Kiyomasu** (1694-1716), **Kiyomitsu** (1735-1785), v.v... sẽ tiếp tục vẽ chuyên về đề tài này và sẽ là những nghệ sĩ chính thức vẽ áp phích và minh họa cho sân khấu kabuki cho đến thế kỷ 20.

Tranh phù thế, đến năm 1741 mới bắt đầu áp dụng kỹ thuật in các mảng màu bằng ván gỗ, thay vì tô bằng bút lông quá chậm chạp.

Năm 1745, Kamimura, một chủ nhà in, tìm ra được cách in các mảng màu cho khỏi bị sai lệch. Người ta cũng vừa sản xuất ra được một loại giấy dày hơn và tốt hơn. Nhưng phải chờ đến năm 1765, tranh phù thế nhiều màu (còn được gọi là tranh gấm - nishiki-e) mới bắt đầu xuất hiện với những tác phẩm của Suzuki **Harunobu** (1724-1770). Từ 1765 đến 1770, Harunobu đã sáng tác được trên 500 bức tranh loại này.

Người đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khác trong nghệ thuật tranh phù thế sau Harunobu, mở đường cho trường phái hiện thực, là Katsukawa **Shunsho** (1726-1793). Sở trường của Shunsho là những bức chân dung rất giống, từ các kép hát kabuki, các cô gái lầu xanh, đến các đồ vật Sumo. Shunsho có nhiều học trò giỏi, trong đó trước hết phải kể đến Katsukawa **Shunkei** (1743-1812).

Shunsho là người cùng với **Kiyonaga** và **Utamaro** đã mở ra thời kỳ vàng son của tranh phù thế.

Torii **Kiyonaga** (1752-1815) sở trường ở loại tranh vẽ các cô gái ở xóm bình khang Yoshiwara và những cảnh sinh hoạt hàng ngày ở đây.

Kitagawa **Utamaro** (1753-1806) cũng là một nghệ sĩ vẽ tranh thiếu nữ được quần chúng ưa thích. Ông là người đầu tiên đã dùng chất liệu óng ánh của mica để làm nền tranh, làm tăng thêm vẻ sang trọng của chúng.

Không lấy gì làm lạ là tầng lớp trưởng giả thành thị, lúc này đã có những tiến bộ rõ rệt về mặt thẩm mỹ, đã biết ưa



Kiyonaga

chuộng ngay loại tranh này, coi nó như tượng trưng cho sự quyền quý. Nhưng rồi thời thượng này cũng qua đi nhanh chóng, chủ yếu vì những luật lệ cấm đoán khe khắt của giới cầm quyền quý tộc vẫn luôn luôn ganh tị với tầng lớp thương nhân về những dấu hiệu bên ngoài nói lên sự giàu có của họ.

Cuối thế kỷ 18, vào năm 1794, người ta thấy xuất hiện những bức chân dung kép hát kabuki rất "có thần" của một họa sĩ mang tên Toshusai **Sharaku**. Sharaku là một trường hợp hiếm thấy trong lịch sử nghệ thuật : thời kỳ sáng tác của ông đã không dài quá 10 tháng (1794-1795) ! Tuy nhiên, trong khoảng thời gian ngắn ngủi này ông đã thực hiện khoảng 150 bức chân dung trong đó có những bức được người ta ví với những tác phẩm của Rembrandt hoặc Velasquez.

Tài năng xuất chúng của Sharaku đã làm che khuất nhiều tên tuổi nghệ sĩ có tài khác cùng thời như Chobunsai **Eishi** (1756-1829). Sinh trưởng trong một gia đình samurai, Eishi xuất thân là một họa sĩ của triều đình, nhưng ông đã từ bỏ chức vị này để dốc tâm vào vẽ tranh phù thế. Eishi cũng chuyên vẽ phụ nữ và nhất là các cô gái lầu xanh ở xóm Yoshiwara với dáng vẻ thanh tao đặc biệt. Ông cũng có nhiều học trò có tài như **Eisho**, **Eiri**, **Eisui**, v.v...

Sau Eishi, vừa lúc thời kỳ vàng son của tranh phù thế được coi như đã qua, với sự đàn áp gắt gao về mặt văn hoá và những lệnh cấm nghiêm khắc của chính quyền Togukawa ngày một suy yếu, người ta thấy xuất hiện một trường phái mới dùng phép viễn cận (*perspective*) để vẽ những cảnh trong nhà và ngoài trời : trường phái Utagawa với những tên tuổi như Utagawa **Toyoharu** (1735-1814), **Toyokuni** (1769-1825), **Toyohiro** (1773-1828), **Kunimasa** (1773-1810), **Kunisada** (1786-1864), **Kuniyoshi** (1791-1861).

Song song với trường phái này, một trường phái khác mà sở trường là tranh phong cảnh cũng được dân chúng ưa thích, với những nghệ sĩ như : **Eizan** (1787-1867), **Eisen** (1790-1848) và nhất là **Hokusai** (1780-1849) và **Hiroshige** (1797-1858), hai thiên tài của tranh khắc gỗ Nhật Bản với những tác phẩm nổi tiếng như *36 cảnh núi Phú Sĩ* của Hokusai và *50 chặng đường đi Tokaido* của Hiroshige mà sau này đã có một ảnh hưởng sâu đậm lên quan niệm nghệ thuật của nhiều nghệ sĩ phương Tây. Nguyên do câu chuyện như sau : **Shigenobu** (6), học trò của Hiroshige, có một lúc lấy tên là **Hiroshige II** (1826-1869), sau một thời gian vẽ tranh phù thế ở Edo, năm 1865 ra ở Yokohama và làm nghề minh họa trang trí những bao chè, đèn lồng, đèn xếp, giấy gói hàng, v.v... để xuất khẩu. Những tranh vẽ trên những hàng xuất khẩu này sang tới Âu châu và dần dần đã chinh phục các họa sĩ phương tây (7).

Tranh khắc gỗ Nhật Bản đến cuối thế kỷ 19 sang đầu thế kỷ 20 thì suy nhược hẳn, với sự ra đời của nghệ thuật nhiếp ảnh và những kỹ thuật in khắc ngày càng tối tân, bắt đầu từ kỹ thuật in litho. Ngược lại, ở Âu châu, vào cùng thời kỳ này, tranh khắc gỗ lại khá thịnh. Người ta thấy một số họa sĩ có tên tuổi như : Gauguin, Munch, Kirchner và một nhóm họa sĩ thuộc trường phái biểu hiện (*expressionnisme*) đã có những tác phẩm khắc gỗ khá đạt.

Xem như vậy, từ những tranh Phật đến tranh phù thế,

tranh khắc gỗ Nhật Bản đã phát triển một cách khá lô gích, phù hợp với quy luật phát triển của nghệ thuật và của xã hội Nhật Bản, nói chung.

Tranh Phật và tranh phù thế đều ra đời do những nhu cầu bức thiết của xã hội đương thời.

Chúng đã góp phần xây dựng, nuôi dưỡng khiếu thẩm mỹ của người Nhật Bản, đồng thời đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển của hội họa hiện đại và làm giàu kho tàng văn hoá chung của nhân loại.

Văn Ngọc

#### Chú thích :

(1) Ngay từ thế kỷ 8 hay trước nữa, người Nhật đã biết sử dụng những nhà sàn bằng gỗ (kura) để làm kho chứa những đồ vật quý như quần áo, vải vóc, tài liệu thư tịch. Công trình có tên gọi là Shoso-in nổi tiếng ở Nara, cạnh Kyoto, được xây lên từ năm 756, trong đó người ta đã giữ nguyên được những bộ sưu tập của vua Shomu gồm khoảng ba ngàn kỷ vật mà hàng năm người ta thường đem ra phơi phóng (theo Madeleine Paul-David, *Les Arts du Japon, Encyclopaedia Universalis*, tập 10, tr.551).

(2) Kỹ thuật in ván gỗ mà người Nhật Bản học được của Trung Quốc không khác gì kỹ thuật tranh khắc gỗ dân gian của Việt Nam, cũng hai cách in, cách thứ nhất in theo lối đóng con dấu (inbutzu) như thể tranh Đông Hồ, cách thứ hai in theo lối in kinh sách : ván in đặt ngửa, quét mực, rồi áp tờ giấy lên ván in, xong xoa lên mặt sau tờ giấy (shūbutzu) như thể cách in tranh Hàng Trống Về kỹ thuật khắc ván, lúc đầu người ta chọn gỗ catalpa (azusa), đến thời Edo (thế kỷ 17) lại dùng gỗ cerisier dại (yamazakura). Gỗ được xẻ ra thành ván và được ép cho thật phẳng trong nhiều năm.(theo Roni Neuer, Herbert Libertson và Susugu Yoshida trong cuốn *Ukiyô-e, 250 ans d'Estampes japonaises*, Flammarion 1985).

(3) *Les Arts du Japon, Encyclopaedia Universalis*, tập 10, tr.481- 515.

(4) theo Junichi Kikutake, trong cuốn *Estampes Bouddhiques Japonaises*, Musée Cernuschi, 1977-78.

(5) Màu sắc bắt đầu được đưa vào tranh từ thế kỷ 13-14 và những bức tranh Phật cũng bắt đầu được vẽ với kích thước lớn hơn. Tuy nhiên màu ở đây mới chỉ được tô bằng bút lông và giới hạn ở dăm ba màu chính lấy từ những chất khoáng và thảo mộc : màu đỏ son, đỏ nâu, đỏ cam (cinabre, rouge de plomb, orange de plomb), vàng (ocre jaune, litharge), xanh lá cây (malachite), xanh da trời (azurite), tím (lấy từ cây murasaki), đen (mực tàu). Mỗi màu đều có ý nghĩa tượng trưng, ước lệ : màu đỏ thể hiện lửa, màu vàng đất, màu xanh trời, màu đen gió, màu trắng nước.Kỹ thuật tô màu bằng bút lông sẽ còn tồn tại cho mãi đến giữa thế kỷ 18. Sau đó người ta mới sử dụng phổ biến kỹ thuật in mảng màu, mỗi mảng là một ván khắc, còn được gọi là bản màu (so với bản nét), như thể kỹ thuật tranh Đông Hồ.

(6) Khác với họa sĩ vẽ tranh Phật cùng tên ở thế kỷ 18

(7) Xem bài *Tranh Tết Việt Nam*, Văn Ngọc, ĐĐ số Xuân Bính Tý.

## Đông và Tây...

(tiếp theo trang 25)

chính sách đạo đức ngoài miệng, trong thực tế chà đạp nhân phẩm con người chẳng chút ngần ngại của một số chính quyền Á Đông hiện nay.

**2** **Biết nói rằng biết, không biết nói không biết.** Câu Luận ngữ “ *Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri...* ” này (II, 17) ta thuộc nằm lòng suốt bao thế kỷ.

Tây cũng như Đông, đều tìm hiểu thiên nhiên, tìm hiểu con người. Ngày nay tinh thần khoa học rất nghiêm ngặt trong tiêu chuẩn của cái biết. Thâm tâm một số “ trí thức ” và “ học giả ” Việt, trong cũng như ngoài nước, không khỏi cho rằng ta, Đông phương đã biết cả rồi.

Einstein tìm ra lý thuyết tương đối, thế giới bái phục thiên tài. Có những người ngồi rung đùi cười mỉm, ta đã biết từ xưa từ xưa rồi, có lọt ra ngoài kinh Dịch đâu ! Toán học tập mờ (*fuzzy sets*) vừa xuất hiện, ta đã có học giả điem nhiên giải thích trên giấy trắng mực đen rằng đó là chỉ dẫn thiên tài của Lão Trang, khoa học chỉ đem ra mà ứng dụng...

Nếu có tương đồng giữa ta và người có lẽ là ở chữ “ mờ ”. Ta thì mù mờ. Người ta cũng dùng chữ mờ trong toán học đấy, nhưng khái niệm “ mờ ” có ý nghĩa chính xác, vận hành tiện lợi khi đem ra sử dụng giải quyết một số vấn đề cụ thể.

Thói cũ của ta chỉ lý luận miên sao cho phù hợp với hệ tư tưởng là đủ, là đúng, là biết. Tinh thần khoa học ngày nay thì lý luận thuần lý nghiêm túc chưa đủ. Phải có kiểm soát của thực nghiệm. Einstein đề xuất lý thuyết tương đối tổng quát năm 1915-16. Arthur Eddington đợi đến 1919 lợi dụng nhật thực toàn phần năm ấy kiểm nghiệm mặt trời làm chệch hướng ánh sáng phát ra từ một vì sao ở xa, và như vậy xác nhận tiên đoán của lý thuyết tương đối là đúng thật. Khi ấy, Einstein viết thư cho mẹ, mừng rằng nhờ Eddington ông ta mới tin lý thuyết của mình là đúng.

Ngày nay, lý thuyết tương đối là công cụ thực tiễn để tính toán chính xác quỹ đạo hoá tiễn, để tìm hiểu vũ trụ. Biết đi đôi với hành động, làm được cái mình nói biết và hệ quả của nó. Có khác với thói cũ, ba hoa lời nói, qua cầu gió bay !

Việt Nam ngày nay đã có kỹ thuật gia. Một số ít hơn nhà khoa học. Nói nhiều đến khoa học, sùng bái như một vật thờ.

Nhưng **chưa có văn hoá khoa học**. Chưa phổ biến tinh thần linh động, khước từ giáo điều, không để lĩnh vực tư tưởng nào bị khép kín trong một thuyết toàn diện có sẵn giải đáp cho mọi sự việc, tinh thần tuyệt đối tôn trọng sự kiện – nghĩa là chấp nhận đặt thực tế ở trên bất cứ thành kiến nào, chấp nhận tiêu chuẩn khách quan dựa trên kiểm nghiệm nghiêm túc. Tinh thần này chưa đi vào giáo dục, vào thể chế, vào nề nếp thông tin trung thực đầy đủ, số liệu chính xác và nghiêm túc, quan sát khách quan xã hội và kinh tế...

Ta, văn hoá có nền nếp. Nhưng sau trăm năm giao tiếp với Tây phương, nửa thế kỷ xây dựng độc lập, Việt Nam vẫn chưa tạo cho mình được nền văn hoá khoa học. Đúng thời điểm phải nhập cuộc vào thế giới ngày nay là thế giới của sáng tạo trí tuệ, yếu tố thiết yếu cho sáng tạo là văn hoá. Trong đó văn hoá khoa học chiếm vị trí trung tâm.

bùi mông hùng (3.1996)

# Nếp nhà

truyện ngắn  
Nguyễn Khải

## 1

Mỗi lần ra Hà Nội việc đầu tiên là tôi phải tới thăm bà cô tôi. Chẳng có quà cáp gì cả, đến tay không, nhưng vẫn cứ phải đến. Vì bà là cái túi khôn của tôi mà. Năm nay các con bà sẽ làm lễ mừng thọ mẹ tám mươi tuổi. Các cụ nói : Năm mươi tuổi hiểu được mệnh trời. Người tám mươi tuổi lại vẫn minh mẫn, khôn ngoan, không chừng hiểu được cả then máy của Tạo hoá. Nói chuyện với bà tôi vẫn tròn trặn như ngày nào được hầu chuyện cụ Nguyễn. Nghĩa là vẫn phải uốn lưỡi trước khi hỏi, trước khi trả lời. Một ngôi nhà đẹp, một cửa hàng tuyệt vời ngay giữa một đại lộ trung tâm trông thẳng ra hồ Hoàn Kiếm mà chỉ bày bán lèo tèo mấy mặt hàng sơn mài, tượng gỗ thì uống quá, coi khinh thiên hạ quá. Bà cụ cười : “ Anh đã bắt đầu có con mắt thương mại rồi đấy nhỉ ? ”. Con mắt thương mại thì chả dám nhưng với con mắt của người bây giờ thì ngôi nhà, nói cho chính xác hơn là miếng đất, của bà cô tôi cũng phải đáng giá một triệu..., tất nhiên là triệu đô. Cũng chả phải do mình đặt giá mà là đại diện các công ty nước ngoài tới trả giá. Ngày nào cũng có vài nhóm người tới hỏi nhưng bà cụ chỉ nhả nhận trả lời : “ Tôi không có ý định bán hoặc cho thuê cái nhà này ”. Cho thuê cũng nhiều tiền lắm. Đã có người hỏi thuê chỉ mấy chục mét vuông của gian ngoài thôi, mỗi tháng trả năm ngàn đô, trên mười cây vàng. Vẫn là không, không bán mà cũng không cho thuê. Tại sao cụ lại gàn thế ? Vì các em anh không muốn thế, cho đến hôm nay chúng nó vẫn đi làm cho nhà nước, không buôn bán gì cả, không mánh mung gì cả. Lương tiêu không đủ thì tôi bù. Bán các mặt hàng vớ vẩn như anh nói, nhưng mỗi tháng cũng kiếm được khoảng trên dưới dăm triệu. Nay, dăm

triệu không phải là ít đâu anh nhá ! Theo tôi được biết, từ trẻ đến già cô tôi sống theo một số nguyên tắc, thời thế có thể thay đổi nhưng cách sống của bà dứt khoát không thay đổi. Đó là : sống thẳng thắn, sống lương thiện và sống theo pháp luật hiện hành. Những năm Pháp tạm chiếm Hà Nội, chú tôi vẫn mở trường dạy học tư như thời trước, còn cô tôi ẩn hành sách giáo khoa cấp tiểu học do chú tôi soạn. Có một tác giả đưa tập thơ **Đòi thông hai mộ** bán cho bà. In tập thơ đó chắc chắn sẽ thu lãi nhiều, bà biết thế nhưng vẫn từ chối. Vì nhà xuất bản Nguyễn Du do bà chủ trương chỉ in có sách giáo khoa, đúng như trong giấy phép. Năm 56, cán bộ thuế tới kiểm tra kho giấy của bà để đánh thuế tồn kho, khoảng hai chục triệu. Chú tôi tính vốn nhát, vui vẻ bằng lòng ngay. Cho đỡ phiền. Nhưng bà vợ không chịu vì giấy in sách giáo khoa xưa nay không phải đóng thuế. Đã được miễn thuế thì làm gì có thuế tồn kho. Bà buống bình đến nguy hiểm, ai cũng sợ nhưng bà vẫn thần nhiên : “ Lý của mình đúng, việc gì phải sợ ”. Quả nhiên bà đúng thật. Bà luôn luôn đúng vì bà rất tỉnh táo trong mọi mối quan hệ, chỉ nhận những gì đáng có, có quyền được có, tuyệt đối không để bị dụ hoặc về tiền bạc cũng như về tình cảm. Một cái đầu hơi lạnh, lắm lúc tôi đã nghĩ về bà như thế. Nói cho ngay, nếu không có cái đầu lạnh làm sao bà giữ nổi một ngôi nhà quá ngon lành, quá quyến rũ trong bấy nhiêu năm, không gặp một chuyện rắc rối nào. Cho đến bây giờ đã sang tuổi tám mươi bà vẫn biết từ chối những đồng tiền rất hợp pháp ắt hẳn phải có một tính toán khôn ngoan nào đó. Cái khôn ngoan cao siêu chứ không phải là khôn vặt.

## 2

Mùa xuân ở Hà Nội bao giờ cũng đẹp. Với tôi đã nhiều năm không được

sống ở Hà Nội vào mùa xuân lại càng thấy đẹp. Một chút lạnh trong hơi gió tạt qua mặt. Một chút mưa bụi bay lầy rầy như có như không. Trời hơi tối, mặt đường hơi sẫm nhưng mặt người và quần áo rét họ mặc cứ sáng bừng lên những màu sắc tươi tắn. Đã có mùi sơn phấn và nước hoa bắt chợt thoảng qua ở một góc phố, trong một đám đông. Nói nhỏ đi, cười nhỏ hơn, ít nghe những câu chửi tục, những tiếng dậm tục. Giàu hơn trước nhiều, sang hơn trước nhiều, cứ cho là bề ngoài thì cũng vẫn rất đáng mừng. Chỉ có nhà bà cô tôi là ít thay đổi, hầu như không thay đổi. Vẫn mấy chiếc xe máy đã cũ, và vẫn còn nhiều xe đạp, loại xe đạp cà tàng từ những năm nào. Trời nắng các em đi xe máy, trời mưa đi xe đạp, đỡ phải rửa xe. Ăn mặc của bà cụ, của các em cũng chả có gì sang hơn, như trước đây, ngày trước với Hà Nội đã là sang, bây giờ là quá thường. Bây giờ con gái Hà Nội mặc quần chên đen, gót xẻ, có dải buộc dưới bàn chân, mặc măng tô lủng, hoặc đi bít tất đen dài, quần cộc, áo vét trùm qua móng. Đàn ông cũng diện lăm, áo vét tông các kiểu, thắt cà vạt đủ màu, giày đen, cứ như họ từ các đại sảnh bước ra. Không phải đâu, chỉ là quần áo thường ngày thôi, cũng giống như trước kia họ mặc áo bông xanh, quần ka ki vàng và đi dép nhựa. Chưa bao giờ tôi thấy người Hà Nội ăn mặc sang trọng như bây giờ. Chưa bao giờ tôi thấy phố xá chói loà những tủ kính, những bảng hiệu và ánh sáng như bây giờ. Vậy mà một nhà giàu của Hà Nội có dư điều kiện để thay đổi lại không chịu thay đổi. Một đại gia đình gồm hai con trai, hai con dâu, một gái, một rể và những đứa con của họ vẫn sống chung dưới một mái nhà, ăn chung một bếp ăn. Thiên hạ thì chia ra, bà cụ lại gom vào. Vẫn rất êm thấm mới lạ chứ. Nếp nhà đã thẳng được tự do của cá nhân sao ? Phải nói thêm, cái nếp nhà này cũng ít ai theo kịp. Người con dâu cả vốn là con gái hàng Bồ, đỗ đại học, là một cô gái kiêu hãnh, tự tin, không dễ nhân nhượng. Ai cũng nghĩ hai người đàn bà, một già một trẻ, cùng sắc sảo sẽ rất khó chấp nhận nhau. Vậy mà họ ăn ở với nhau đã mười lăm năm chả có điều tiếng gì. Người chị của cô con dâu đến nói với bà cô tôi : “ Bác chịu được tính nó thì con cũng phục thật đấy ”. Bà

cải chính : “ *Đúng là tôi có phần phải chịu nó nhưng nó cũng có phần phải chịu tôi, mỗi bên chịu một nửa* ”. Bà bảo, con dâu là vàng trời cho, mình không có công để ra nó, cũng không nuôi nó ăn học ngày nào, bỗng dưng nó về nhận mình là mẹ, sinh con đẻ cái cho dòng họ, cáng đáng mọi việc từ trẻ đến già, không lẽ sống nó thì thôi còn hoạnh họe nỗi gì. Bà chiều quý, và tôn trọng các con dâu thật lòng nên cả hai nàng dâu đều tâm sự với mẹ chồng : “ *Con ở với mẹ còn thoải mái hơn ở nhà với mẹ con* ”. Con rể và con gái được nhận nhà ở một khu tập thể, nhà chật, lại xa, con còn nhỏ. Nhưng anh con rể không muốn nhờ vả mẹ vợ, tự mình cũng thấy không tiện mà người ngoài nhìn vào càng không tiện. Bà biết thế nên bảo con rể : “ *Trong cái nhà của tôi có một phòng dành cho vợ anh. Cửa vợ anh tức là cửa anh. Cũng như mọi thứ của anh tức là của vợ anh. Chẳng lẽ anh bảo không phải* ”. Năm ngoài khu phố có yêu cầu bà cụ báo cáo về nếp sống gia đình cho hàng phố học tập. Bà từ chối, khi tôi lại thăm, bà nói riêng : “ *Cái chuyện ấy ai cũng biết cả, chỉ khó học thôi* ”. Tôi cười : “ *Lại khó đến thế sao ?* ”. Bà cụ nói : “ *Trong nhà này, ba đời nay, không một ai biết tới câu này, câu tao. Anh có học được không ?* ”. À, thế thì khó thật. Theo bà cụ, thời bây giờ có được vài trăm cây vàng cũng không phải là khó, cũng không phải là lâu, nhưng có được một gia đình hạnh phúc phải mất vài đời người, phải được giáo dục vài đời. Hạnh phúc không bao giờ là món quà tặng bất ngờ, không thể đi tìm, mà cũng không nên cầu xin. Nó là cách sống, một quan niệm sống, là nếp nhà, ở trong tay mình, nhưng nhận được ra nó, có ý thức vun trồng nó, lại hoàn toàn không dễ.

### 3

Trở lại câu chuyện cũ, tại sao bà cụ không chịu bán nhà, chia tiền cho các con để họ lập cơ nghiệp riêng. Lớn rồi thì phải ở riêng, nó thuận lợi với sự phát triển. Con cái đã trưởng thành, vẫn bắt ở chung, ăn chung như trại lính, đâu có phải là chuyện tính toán khôn ngoan. Bà cụ nghe tôi nói cười tít cả mắt, ra cái vẻ mọi sự bà đã tính cả rồi, đâu có đợi một thằng nhà văn ngây ngô mách nước. Bà nói, hiện nay các con bà vẫn

thích đi làm cho nhà nước bằng cái nghề chuyên môn đã được đào tạo của mình. Ngoài giờ đi làm thì bọn nó đọc sách, dạy con học, bù khú với bạn bè. Họ thích sống như thế và có điều kiện để sống nhàn nhã như thế. Họ không có óc kinh doanh, không có nhu cầu phải kinh doanh. Không cần đến tiền thì không nên một lúc cầm quá nhiều tiền. Đồng tiền do may mắn mà có, do thời thế đổi thay mà có rất dễ là mồm mống của nhiều tai họa. Vì người có tiền chưa kịp học cách tôn trọng đồng tiền, sai khiến đồng tiền. Ở cái nhà này, theo tôi biết, chưa bao giờ họ mua vé số. Cũng không thờ cúng ông thần bà thánh nào, ngoại trừ ngày giỗ để anh em con cháu có dịp gặp gỡ nhau. Họ không cầu gặp may mắn, không săn đón may mắn. Họ chỉ nhận những cái đáng nhận. Bà cụ vẫn đi lễ các chùa miếu đền phủ với bạn bè nhưng bà không khẩn. Bà cũng chưa từng xem tướng, xem bói, xin xăm. Ngày chủ tôi mất mọi việc hậu sự chỉ một mình cô tôi lo liệu, không hỏi han bất cứ ai, không xem giờ xem ngày gì cả. Việc cưới xin của các con cũng thế. Đưa con gái đi, đón con dâu về tuyệt đối không có xem tháng xem ngày. Trong một lần trò chuyện, bà hỏi tôi : “ *Anh có phân biệt được người giàu lương thiện và kẻ giàu bất lương không ?* ”. “ *Trong bao lâu ?* ”. “ *Trong một lần tiếp xúc* ”. “ *Thế thì khó !* ”. Bà bảo, bà vẫn phân biệt được. Những đứa giàu lên do cướp đoạt, lừa đảo nói chuyện một lúc là biết. Bọn họ khinh người rẻ của lắm. Họ không tin một ai cả, càng không tin còn có lòng tốt ở đời. Họ chỉ tin có tiền. Tiền là quân của họ. Một đội quân giặc cướp, sẵn sàng tàn phá tất cả, tiêu diệt tất cả để đạt được những cái đích phù phiếm của chủ nó. Bà nói, bà là người biết quý trọng đồng tiền từ trẻ tới già, nhưng mấy năm gần đây bà lại sợ tiền. Nghe chuyện của thiên hạ mà sợ. Càng ít sờ mó tới tiền càng tốt. Nó có độc đấy ! Bàn tay thương vợ, bàn tay yêu con, bàn tay nắm bàn tay của bạn bè đếm mãi tiền, nhiễm độc lúc nào không hay, sẽ không còn là bàn tay của người nữa. Vì lẽ đó mà bà chưa muốn bán nhà. Các con bà cũng không ý eo, nài ép bà phải bán nhà. Thế là may. Nhưng cái may này còn kéo dài được bao lâu ? Bà vốn không tin vào sự may rủi. Bà chỉ tin vào

sự chuẩn bị của mình, chuẩn bị trong cái khả năng có thể, chú liệu hết thế nào được những việc của chục năm sau.

### 4

Bữa tôi sắp trở vào thành phố Hồ Chí Minh, tôi có lại chào bà. Cũng như mọi lần tôi nửa vui nửa buồn : “ *Mong cô khoẻ mạnh mãi để mỗi lần ra có cháu mình có dịp bàn chuyện thế sự, văn chương* ”. Bà cụ cười rất hồn nhiên : “ *Nếu được sống thêm mười năm nữa thì vui lắm đấy. Nhưng mà khó* ”. Vì biết là khó nên ngay từ năm ngoài bà đã làm chúc thư, phòng khi đột nhiên phải ra đi thì các con đã có cẩm nang hành động. Làm chúc thư là khó lắm, sống làm sao chia của làm vậy. Chia khéo thì trai gái dâu rể mãi mãi là con của mình, mãi mãi là anh em ruột thịt của nhau. Chia vụng thì xé đàn tan ghé ngay tức khắc, càng đông con cháu càng lăm mồm họa. Trước hết bà gặp riêng năm người con của mình vào một buổi, con dâu con rể không được tham dự. Nguyên tắc làm chúc thư của bà là công khai và công bằng, không phân biệt trai gái, trưởng thứ. Tài sản chia làm sáu phần bằng nhau, năm con năm phần, mẹ một phần. Phần của mẹ hoặc gửi ngân hàng, hoặc đem kinh doanh, tùy, số lãi hàng năm lại chia làm sáu. Con trai đầu phải giữ việc hương khói được nhận hai phần. Bốn phần còn lại sẽ bỏ vào một quỹ riêng để chi các việc : tu bổ nhà thờ, sửa sang phần mộ, góp giỗ tết với các chi khác và cấp đỡ cho bà con nghèo của hai họ nội ngoại. Đồ gỗ và đồ sứ trong nhà thì cho hai con trai. Đồ trang sức của mẹ thì cho ba con gái. Sau buổi họp bà cụ phân công cho con gái lớn viết lại chúc thư làm sáu bản, viết tay không đánh máy, cả sáu người đều ký, mỗi người giữ một bản, có giá trị trước pháp luật. Từ nay bán nhà hay cho thuê nhà bà cụ coi như không biết, đám thừa kế cứ theo nguyên tắc chia sáu mà xử sự. Bà cụ nói xong, nhìn tôi một lúc lâu rồi bà cười rất ý nhị :

– Con người ta ai ai cũng có phần thiện phần ác. Muốn dưỡng thiện diệt ác thì trong nhà phải có gia pháp, ngoài xã hội phải có luật pháp. Trong gia pháp có phần truyền thống và danh dự

## Viết về câu trả lời của con

(gửi con gái Dạ Thi)

Không thể ngủ

đêm còn dài lắm

Mẹ giặt mình

nhớ câu trả lời con

— Quan niệm về đau khổ?

— Cô Đơn

Cô đơn thành thói quen

mẹ biết gì đau khổ

Bao vết thương — trái tim se chai lý

Tưởng là vậy, tưởng là mình gan góc

Nào đâu ngờ nước mắt cạn đêm nay

Mẹ như AQ — tự đánh lừa mình để sống

Tưởng đốt thiêu quá khứ được thành tro

Tưởng tương lai vẫn còn dài rộng lắm

Nào đâu hay đã gần hết chuyến đò!

Trái tim mẹ yếu mềm có sẵn

Can đảm tới đâu cũng phụ nữ thôi mà

Mẹ như chú lạc đà nặng nhọc

Mà ốc đảo con sao mãi vẫn còn xa

Trăng mùa đông đêm nay còn thức

Sẽ đồng hành cùng câu trả lời con

— Quan niệm về đau khổ

— Cô đơn.

Lâm Thị Mỹ Dạ

Huế 30.1.96

## Phim hè

ký ức mang kính đen

bước ra từ hậu trường chiêm bao

giữa mở đao cụ của biển trời

tôi mời em chuẩn bị tư thế

mặt nạ đam mê

khoảng khắc ban đầu

giống y kịch bản thuở nào

hai thân thể quấn nhau

giữa lớp lớp triều hoài niệm

vuốt ve lần cuối da thịt cũ càng

trước ống kính thời gian

đắm đuối nụ hôn thiên cổ

rồi cõi hết hoá trang

với mấy ngón còn ướt cát

vứt trả ánh trăng cùng sóng bạc

kẻ mồi

người lái

lặng lẽ chèo chống

đưa chiếc thuyền tình trăm năm mắc cạn

về bên kia bờ tuyết trắng

Đương Sinh

(Biển là một tờ kinh,

Trình Bày, 1996)

của dòng họ, có phần đạo đức của người trên, và nghĩa vụ của kẻ dưới. Gia pháp cũng phải theo thời mà điều chỉnh, quá ngược với thời thế thì con cháu khó theo, quá xu mị thời thế thì bỏ mất gốc rễ. Theo chỗ tôi biết gia pháp của nhiều danh gia vọng tộc ở Hà Nội đang gặp hồi khủng hoảng. Suốt mấy chục năm anh dạy các con anh khinh miệt đồng tiền, lên án tư hữu và những người giàu có đều là phần tử bất hảo. Bây giờ anh tính sao? Bây giờ các con anh đều lao vào kiếm tiền, đều nuôi mộng làm triệu phú tử phú trong chớp mắt. Khốn một nỗi chúng lại chưa từng được ai dạy bảo cái cách ăn ở với đồng tiền. Đồng tiền vừa là đày tớ vừa là ông chủ, vừa là bạn đường vừa là giặc cướp, các con anh biết chọn cách nào? Chúng chỉ biết lựa chọn theo trực giác, theo kinh nghiệm tức thì, theo lợi ích trước mắt. Anh nghĩ xem, đã đến thế thì con người và nền văn minh của con người đã bị

chúng gạt khỏi mọi sự tính toán rồi.

### 5

Mấy hôm trước trời ấm nhưng hơi nồm, chỗ nào cũng lép nhép nhầy nhụa đến khó chịu. Đêm như có mưa, hơi nặng hạt thì phải, hạt mưa gõ trên mái ngói nghe rất rõ. Sáng ra tất cả đã ráo khô, mảnh sân trắng toát, hè nhà trắng toát, trời khô và lạnh. Cái lạnh của mùa xuân thật dịu dàng, thở rất dễ, người rất nhẹ, mặc một cái áo len mỏng, khoác thêm một cái áo ngoài, đạp xe ra đường nhìn vào cái gì cũng đẹp. Hướng hồ bây giờ Hà Nội lại đang đẹp, mỗi ngày một đẹp ra, trẻ ra. Lắm lúc nghĩ cũng tiếc đã trót đưa vợ con vào sống trong Sài Gòn. Tiếc thì tiếc chứ không thể làm lại được. Một chân đã thông vào cõi hư vô rồi thì không nên bắt đầu bất cứ việc gì nữa. Không còn cả thì giờ để ganh ghét, để hờn giận. Chỉ còn đủ thời gian để làm lành, có thua thiệt vẫn cứ nên làm lành. Văn chương làm lành cố

nhiên là không hay rồi, thôi kệ, vì cũng chả còn hơi sức đâu gây sự, đầu chỉ là gây sự vật.

Tôi đạp xe thông thả dọc đường Phan Đình Phùng bất chợt gặp một ông già khoảng tuổi tôi chạy bộ buổi sáng từ đường Cổ Ngư về. Ông chạy bên kia đường, tôi đạp xe bên này đường, lại có một thằng cha cuối xe Dream chạy chậm cùng chiều với tôi. Bỗng thấy hắn hét lên: “Chạy lộn đường rồi! Văn Điển (1) đi lối kia cụ ơi!”. Ông già đứng sững lại, thằng cha vừa hét quay mặt lại nhìn tôi nhả răng cười. Chỗ có ngạc nhiên! Rác của Hà Nội đấy! Hàng hoá nhiều tất nhiên rác rưởi phải nhiều chứ nghèo quá, đói quá lấy đâu ra rác.

**Nguyễn Khải**

(Tuyển tập *Truyện ngắn chọn lọc*, NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội, 1996)

(1) Văn Điển: nghĩa trang (thường dân) của Hà Nội (*chú thích của ĐD*).